

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

CTCP TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. Nova Consumer năm 2025 | 4 |
| 1. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi | 4 |
| 2. Thông điệp của Báo cáo | 4 |
| 3. Thông điệp chủ tịch HĐQT | 5 |
| 4. Những sự kiện nổi bật năm 2025 | 6 |
| 5. Giải thưởng và chứng nhận tiêu biểu năm 2025 | 6 |
| II. Tổng quan về Nova Consumer | 8 |
| 1. Thông tin tổng quan | 8 |
| 2. Hành trình 33 năm khẳng định giá trị bền vững | 8 |
| a. Các cột mốc quan trọng | 8 |
| b. Giải thưởng và Chứng nhận tiêu biểu | 9 |
| 3. Ngành nghề, sản phẩm - dịch vụ và địa bàn kinh doanh | 14 |
| 4. Mô hình quản trị và Cơ cấu tổ chức | 26 |
| 5. Giới thiệu Hội đồng quản trị | 33 |
| 6. Giới thiệu Ủy ban kiểm toán | 36 |
| 7. Giới thiệu Ban điều hành | 36 |
| 8. Định hướng phát triển | 37 |
| III. Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm | 39 |
| 1. Đánh giá chung về tình hình kinh tế | 39 |
| 2. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh | 40 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án | 40 |
| 4. Tình hình tài chính | 40 |
| 5. Tổ chức và nhân sự | 43 |
| 6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 49 |
| IV. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc | 51 |
| 1. Đánh giá hoạt động kinh doanh trong năm 2025 | 51 |
| 2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 52 |
| 3. Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2026 | 53 |
| 4. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán | 53 |
| V. Quản trị Công ty | 53 |
| 1. Báo cáo Hội đồng quản trị | 53 |



| | |
|---|-----------|
| 2. Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT..... | 58 |
| 3. Báo cáo của Ủy ban kiểm toán..... | 58 |
| 4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và UBKT..... | 60 |
| 5. Đánh giá việc thực hiện các quỹ định về Quản trị Công ty | 61 |
| 6. Báo cáo Quản trị rủi ro..... | 63 |
| VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội..... | 68 |
| 1. Trách nhiệm đối với người lao động..... | 68 |
| 2. Trách nhiệm đối với môi trường | 69 |
| 3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương..... | 70 |
| VII. Báo cáo tài chính | 71 |

N: 02
 03 PI
 NOV
 VIN F

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

| | | |
|---|---|--|
| BCTC | : | Báo cáo tài chính |
| Công ty/Nova Consumer Anova Corporation | : | Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer |
| CTCP | : | Công ty Cổ phần |
| CTLD | : | Công ty Liên doanh |
| DTT | : | Doanh thu thuần |
| ĐHĐCĐ | : | Đại hội đồng cổ đông |
| ĐVT | : | Đơn vị tính |
| GDP | : | Tổng sản phẩm quốc nội |
| HĐQT | : | Hội đồng quản trị |
| JV | : | Joint venture, liên doanh |
| KH | : | Kế hoạch |
| KSNB | : | Kiểm soát nội bộ |
| KTNB | : | Kiểm toán nội bộ |
| LNST | : | Lợi nhuận sau thuế |
| LNTT | : | Lợi nhuận trước thuế |
| M&A | : | Sáp nhập và Mua lại |
| PTBV | : | Phát triển bền vững |
| QLRR | : | Quản lý rủi ro |
| QTCT | : | Quản trị Công ty |
| SGDCK | : | Sở Giao dịch chứng khoán |
| SXKD | : | Sản xuất kinh doanh |
| SX & TM | : | Sản xuất và Thương mại |
| TGD | : | Tổng Giám đốc |
| TH | : | Thực hiện |
| TNHH | : | Trách nhiệm hữu hạn |
| TP.HCM | : | TP. Hồ Chí Minh |
| TTS | : | Tổng Tài Sản |
| TTY | : | Thuốc Thú y |
| UBCKNN | : | Ủy ban Chứng khoán nhà nước |
| UBKT | : | Ủy ban kiểm toán |
| VCSH | : | Vốn chủ sở hữu |
| VĐL | : | Vốn điều lệ |
| WTO | : | Tổ chức Thương mại thế giới |

01
CỘI
LÀN
A C
HỒ

I. Nova Consumer năm 2025

1. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

| Tầm nhìn | Sứ mệnh | Giá trị cốt lõi |
|---|--|---|
| Nova Consumer định hướng trở thành công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và phân phối sản phẩm nông nghiệp, hàng tiêu dùng. | Cung cấp sản phẩm tiêu dùng chất lượng và nâng cao giá trị cuộc sống cộng đồng; Tiên phong đẩy mạnh chuỗi khép kín hệ thống sản xuất đến phân phối mang lại lợi thế và tối ưu cho khách hàng và người tiêu dùng; Xuất khẩu tại chỗ mang đặc sản Việt Nam ra thế giới, góp phần xây dựng vị thế và hình ảnh Việt Nam trên thị trường quốc tế. | - Hiệu quả - Chính trực - Chuyên nghiệp |

2. Thông điệp của Báo cáo

BỨT PHÁ HIỆU QUẢ – TẠO ĐÀ TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

Năm 2025 đánh dấu giai đoạn Nova Consumer tiếp tục củng cố năng lực quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động trong bối cảnh môi trường kinh doanh dần ổn định hơn so với năm trước. Những cải thiện trong công tác điều hành và phối hợp giữa các đơn vị đã góp phần tăng cường tính chủ động của hệ thống, tạo nền tảng thuận lợi cho việc triển khai các định hướng trung và dài hạn của Công ty.

Những chuyển biến tích cực đạt được đến từ việc Công ty kiên định trong việc xây dựng và thực thi chiến lược kinh doanh, lấy nền tảng nông nghiệp tạo đà phát triển vững chắc cho chuỗi giá trị thực phẩm khép kín, lấy giá trị bền vững làm kim chỉ nam cho mọi quyết định chiến lược.

Năm 2025 được xác định là cột mốc quan trọng trong việc định hình chiến lược phát triển kinh doanh bền vững của Nova Consumer với kết quả kinh doanh ấn tượng góp phần củng cố niềm tin của Cổ đông, Nhà đầu tư và các Bên liên quan, đồng thời chuẩn bị điều kiện thuận lợi để Công ty sẵn sàng nắm bắt các cơ hội sẵn sàng bứt phá.

Các nội dung trình bày trong Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty được thực hiện theo đúng quy định về công bố thông tin hiện hành. Các thông tin và số liệu tài chính trong báo cáo thống nhất với BCTC năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS), đảm bảo tính trung thực, hợp lý và minh bạch trong việc phản ánh tình hình hoạt động SXKD và tài chính của Công ty.

3. Thông điệp chủ tịch HĐQT

Kính gửi Quý Cổ đông!

Năm 2025 ghi nhận những chuyển biến tích cực trong hành trình phát triển của Nova Consumer khi kết quả hoạt động kinh doanh từng bước khởi sắc và năng lực tổ chức tiếp tục được củng cố trong bối cảnh thị trường dần ổn định trở lại. Thành quả này phản ánh định hướng nhất quán của Ban lãnh đạo cùng sự nỗ lực và tinh thần trách nhiệm của toàn thể cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống.

Trong năm qua, Công ty tập trung tối ưu sử dụng nguồn lực, tăng cường kiểm soát rủi ro và từng bước hoàn thiện các chuẩn mực quản trị theo thông lệ tốt, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo nền tảng cho PTBV.

Bước sang năm 2026, Nova Consumer tiếp tục phát huy lợi thế tại các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, đồng thời triển khai các sáng kiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng dư địa trong giai đoạn tới.

Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư và Quý Đối tác đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Công ty trong suốt thời gian qua. Sự nỗ lực và tinh thần trách nhiệm của tập thể cán bộ nhân viên là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên kết quả đạt được trong năm vừa qua. Với những nguồn lực đã được tích lũy, Nova Consumer kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì đà phát triển ổn định và tạo dựng thêm nhiều giá trị trong chặng đường phía trước.

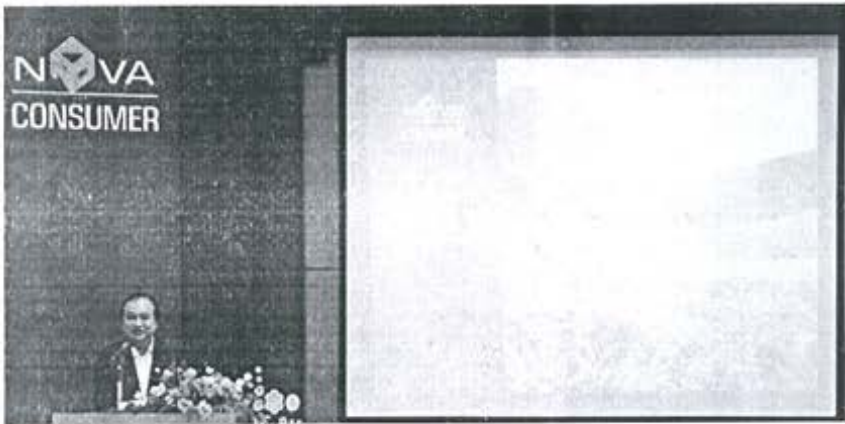
Trân trọng.

Nguyễn Hiếu Liêm



Chủ tịch HĐQT

CTCP Tập đoàn Nova Consumer

4. Những sự kiện nổi bật năm 2025

| Thời gian | Sự kiện | Hình ảnh |
|------------|---|--|
| 25/06/2025 | Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 |  |

5. Giải thưởng và chứng nhận tiêu biểu năm 2025

| Giải thưởng/ Chứng nhận | Hình ảnh |
|--|--|
| Anova Feed - Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 2025 |  |
| Anova Feed - Chứng nhận ISO 9001.2015 |  |

| Giải thưởng/ Chứng nhận | Hình ảnh |
|--|---|
| Anova Feed - Chứng nhận GLOBAL GAP |  <p>The image shows a GLOBAL GAP certificate issued by SGS. The certificate is for Anova Feed Joint Stock Company, located in Vietnam. It certifies that the company's feed manufacturing process complies with the GLOBAL GAP standards. The certificate includes the SGS logo, the company name, and the date of issuance (2024).</p> |
| Anova JV - Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao năm 2025 |  <p>The image shows a Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao (Vietnam Quality Standard) certificate for the year 2025. The certificate is issued to Anova JV, a company in Vietnam. It certifies that the company's products meet the high quality standards set by the Vietnam Quality Standard. The certificate includes the logo of the Vietnam Quality Standard and the date of issuance (2025).</p> |

II. Tổng quan về Nova Consumer

1. Thông tin tổng quan

| | |
|--------------------------------|--|
| Tên Công ty | : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER |
| Tên viết bằng tiếng nước ngoài | : NOVA CONSUMER GROUP JOINT STOCK COMPANY |
| Trụ sở chính | : 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. |
| Điện thoại | : (028) 3846 6888 |
| Fax | : (028) 3848 1998 |
| Website | : https://novaconsumer.com.vn/ |
| Giấy CNĐKDN | : Số 0301447257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004, cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 09 tháng 12 năm 2025 |
| VDL hiện tại | : 1.197.843.250.000 đồng |
| Vốn thực góp hiện tại | : 1.197.843.250.000 đồng |
| Người đại diện pháp luật | : Ông Nguyễn Hiếu Liêm – Chủ tịch HĐQT |

2. Hành trình 33 năm khẳng định giá trị bền vững

a. Các cột mốc quan trọng

| Thời gian | Những cột mốc phát triển quan trọng |
|-----------|--|
| 2004 | - Tiền thân là Công ty TNHH Thương mại N và M (số đăng ký kinh doanh: 049249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/09/1996), Công ty đã thực hiện chuyển đổi sang hình thức CTCP, đổi tên là CTCP N và M (số đăng ký kinh doanh: 4103002884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 19/11/2004). |
| 2009 | - Đổi tên thành Anova Corporation, hợp nhất toàn bộ các công ty thành viên trong lĩnh vực thuốc thú y để phát triển và thực hiện sứ mệnh nâng cao hiệu suất chăn nuôi, văn hoá tiêu dùng và bảo vệ sức khỏe cộng đồng - Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Liên doanh TNHH Anova với tỷ lệ sở hữu ban đầu là 57% (tương đương 26,9 tỷ đồng) – một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chất bổ sung cho thức ăn gia súc, thuốc phòng và trị bệnh cho ngành thú y và thủy sản có dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn sản xuất WHO-GMP. |
| 2012 | - Thành lập CTCP Anova Feed - đánh dấu bước phát triển của Anova Corporation trong lĩnh vực sản xuất thức ăn gia súc. |

| Thời gian | Những cột mốc phát triển quan trọng |
|-----------|--|
| 2013 | <ul style="list-style-type: none"> Vinh dự được Nhà nước lựa chọn là cổ đông chiến lược và chính thức trở thành cổ đông của hai đơn vị sản xuất Vaccine duy nhất tại Việt Nam là: <ul style="list-style-type: none"> + CTCP Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco + CTCP Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co |
| 2014 | <ul style="list-style-type: none"> CTCP Anova Biotech (một công ty thành viên thuộc Công ty) chính thức đi vào hoạt động, chuyên phân phối vaccine nhập khẩu, chất lượng cao tại thị trường Việt Nam. |
| 2015 | <ul style="list-style-type: none"> CTCP Anova Farm (một công ty thành viên thuộc Công ty), chính thức đầu tư vào lĩnh vực trang trại. |
| 2016 | <ul style="list-style-type: none"> Tìm kiếm giải pháp chăn nuôi công nghệ cao để hỗ trợ nông dân cải thiện năng suất và chất lượng sản phẩm. Dần dần phát triển thực phẩm chuỗi cung ứng. |
| 2017 | <ul style="list-style-type: none"> Trang trại Bùng Riềng thuộc CTCP Anova Farm (một công ty thành viên thuộc Công ty) đạt chứng nhận Global G.A.P đầu tiên tại thị trường Việt Nam. |
| 2021 | <ul style="list-style-type: none"> Đổi tên thành CTCP Tập đoàn Nova Consumer. Tích hợp với ngành hàng tiêu dùng nhanh qua phương án mua bán & sáp nhập (M&A) nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng thực phẩm có truy xuất nguồn gốc theo mô hình 3F. |
| 2022 | <ul style="list-style-type: none"> Ngày 11/03/2022, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, VDL là 1.197.843.250.000 đồng và được cấp mã chứng khoán là NCG. Trở thành công ty đại chúng từ ngày 24/03/2022 theo công văn số 1471/UBCK-QLCB ngày 24/3/2022 của UBCKNN. Tháng 06/2022, Công ty hoàn thành việc mua lại vốn góp trong Công ty TNHH Thực Phẩm Mặt Trời Mộc (tên mới: Công ty TNHH Asian PacificXo), gián tiếp trở thành công ty mẹ sở hữu CTCP Thực Phẩm Xuxifarm (tên cũ: CTCP Thực phẩm Gia đình An Co) – Một trong những công ty có thương hiệu mạnh trong mảng tiêu dùng. |
| 2023 | <ul style="list-style-type: none"> SGDCK Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty theo công văn số 1124/QĐ-SGDHN ngày 26/10/2023. |

b. Giải thưởng và Chứng nhận tiêu biểu

| STT | Giải thưởng | Thời gian | Công ty | Tổ chức chứng nhận |
|-----|--|-----------|-------------------------------|--------------------------|
| 1 | Chứng nhận Bạn Nhà Nông | Năm 2008 | CTCP Anova Pharma | Bộ Công Thương |
| 2 | Ngày 24 tháng 4 năm 2008: Đạt giải thưởng “Bông Lúa Vàng Việt Nam” | Năm 2008 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Báo Nông Nghiệp Việt Nam |

| STT | Giải thưởng | Thời gian | Công ty | Tổ chức chứng nhận |
|-----|---|-----------|-------------------------------|---|
| 3 | Giấy chứng nhận “Cup Vàng Top 100 Thương Hiệu Việt Hội Nhập WTO Năm 2008” | Năm 2008 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Liên Hiệp Các Hội Khoa Học và Kỹ thuật Việt Nam |
| 4 | Chứng nhận “Hệ thống quản lý chất lượng sản xuất thuốc dùng cho Thú y và Thủy sản” | Năm 2010 | CTCP Anova Pharma | Tổ Chức QUACERT |
| 5 | Đạt giải thưởng “Thương Hiệu Nổi Tiếng Quốc Gia Năm 2010” | Năm 2010 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Tập đoàn truyền thông quốc gia Việt Nam |
| 6 | Ngày 19 tháng 7 năm 2010: đạt giải thưởng “Vì Sự Phát Triển Nông Nghiệp, Nông Dân, Nông Thôn” | Năm 2010 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Hội nông dân Việt Nam |
| 7 | Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao | Năm 2014 | CTCP Anova Pharma | Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao |
| 8 | Cục Thú Y: Cấp Giấy Chứng Nhận “Thực Hành Tốt Sản Xuất Thuốc - GMP”, “Thực Hành Tốt Phòng Kiểm Nghiệm Thuốc - GLP”, “Thực Hành Tốt Bảo Quản Thuốc - GSP” của Tổ chức Y tế thế giới WHO. | Năm 2014 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Cục Thú Y |
| 9 | Chỉ Số Tín Nhiệm Xanh – Trusted Green 2014 | Năm 2014 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Tổ chức InterConformity - CHLB Đức, liên minh Châu Âu; Global GTA-Vương Quốc Anh và Viện Doanh Nghiệp Việt Nam chứng nhận |
| 10 | Cup Top 100 Thương Hiệu Việt Uy Tín Lần 10 Năm 2014 | Năm 2014 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Liên Hiệp Các Hội Khoa Học & Kỹ Thuật Việt Nam (Vusta) và Tạp chí Thương hiệu Việt bình chọn |

| STT | Giải thưởng | Thời gian | Công ty | Tổ chức chứng nhận |
|-----|---|-----------|-------------------------------|--|
| 11 | Giấy chứng nhận Top 100 Thương Hiệu Việt Uy Tín Lần 10 Năm 2014 | Năm 2014 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Liên Hiệp Các Hội Khoa Học & Kỹ Thuật Việt Nam (Vusta) và Tạp chí Thương hiệu Việt bình chọn |
| 12 | Chứng nhận Thương hiệu vàng – Logo, Slogan ấn tượng 2015 | Năm 2015 | CTCP Anova Pharma | Bộ Công Thương |
| 13 | An Toàn Chất Lượng – Quality Safety (Phù hợp với chuẩn mực CCI:2015) | Năm 2015 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Viện Nghiên Cứu Kinh Tế & Tổ chức Global GTA chứng nhận |
| 14 | Doanh Nghiệp Chất Lượng – Business Quality Qmix 100:2015 | Năm 2015 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Viện Nghiên Cứu Kinh Tế & Tổ chức Global GTA chứng nhận |
| 15 | Doanh Nghiệp Vì Nhà Nông | Năm 2015 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông |
| 16 | Bằng khen vì các hoạt động xã hội của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương | Năm 2015 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương |
| 17 | 12 năm đạt Chứng nhận “Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao Do Người Tiêu Dùng Bình Chọn” qua các năm 2005, 2006, 2007, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016 và 2017. | Năm 2016 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Báo Thế Giới Tiếp Thị tổ chức |
| 18 | Chứng nhận: Achieving Excellent Product 2016 | Năm 2016 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Danh hiệu Sản Phẩm Xuất Sắc 2016 - Do Hội Sở Hữu Trí Tuệ Tp.HCM và Tạp chí DN&DT cấp |
| 19 | Chứng nhận: Excellent Brand Index-International Level | Năm 2016 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Chỉ số Thương hiệu xuất sắc cấp quốc tế - Do hội Sở Hữu Trí Tuệ Tp.HCM và Tạp chí DN&DT cấp năm 2016 |

| STT | Giải thưởng | Thời gian | Công ty | Tổ chức chứng nhận |
|-----|--|-----------------------|--------------------------------------|---|
| 20 | Đạt top 10 "Sản Phẩm - Dịch Vụ Tốt Nhất Vì Người Tiêu Dùng 2016" | Năm 2016 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Liên Hiệp Khoa Học Phát Triển Doanh Nghiệp Việt Nam |
| 21 | Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao | Năm 2017 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Hội Doanh Nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao |
| 22 | Chứng nhận đánh giá quốc tế độc lập đảm bảo chất lượng - QAS 2017 | Năm 2017 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Liên Hiệp Chất Lượng Châu Á Thái Bình Dương |
| 23 | Cup của chứng nhận Đảm Bảo Chất Lượng - QAS 2017 do Global GTA-UK công nhận | Năm 2017 | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Global GTA-UK |
| 24 | Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng ISO 22000 : 2005 cho Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi | Năm 2019 đến năm 2021 | CTCP Anova Feed – Chi nhánh Long An | SGS Vietnam |
| 25 | Chứng nhận VietGAP cho trang trại chăn nuôi | Năm 2020 đến năm 2022 | CTCP Anova Farm | CTCP chứng nhận và Giám định Vinacert |
| 26 | Chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật – cơ sở chăn nuôi Xuân Trường | Năm 2020 | CTCP Anova Farm | Chi Cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu |
| 27 | Chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật – cơ sở chăn nuôi Bưng Riềng | Năm 2020 | CTCP Anova Farm | Chi Cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu |
| 28 | Chứng nhận Global G.A.P cho Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi | Năm 2021 đến năm 2022 | CTCP Anova Feed – Chi nhánh Hưng Yên | SGS Vietnam |
| 29 | Chứng nhận Global G.A.P cho Trang trại chăn nuôi | Năm 2021 đến năm 2022 | CTCP Anova Feed – Phú Giáo Farm | SGS Vietnam |
| 30 | Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2015 cho Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi | Năm 2021 | CTCP Anova Feed – Chi nhánh Đồng Nai | SGS Vietnam |

| STT | Giải thưởng | Thời gian | Công ty | Tổ chức chứng nhận |
|-----|---|-----------|--------------------------------------|---|
| 31 | Thương hiệu vàng TP HCM 2021 | Năm 2021 | CTCP Tập đoàn Nova Consumer | UBND Thành phố Hồ Chí Minh |
| 32 | Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam- VNR 500 | Năm 2021 | CTCP Tập đoàn Nova Consumer | CTCP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) |
| 33 | Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh 2021- APEA | Năm 2021 | CTCP Tập đoàn Nova Consumer | Enterprise Asia |
| 34 | Chứng nhận Global G.A.P cho Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi | Năm 2022 | CTCP Anova Feed – Chi nhánh Đồng Nai | SGS Vietnam |
| 35 | Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh 2022- APEA | Năm 2022 | CTCP Tập đoàn Nova Consumer | Enterprise Asia |
| 36 | Giải thưởng “Thương Hiệu Vàng Nông Nghiệp Việt Nam 2022” cho 2 sản phẩm NOVA-AMOX 50% và NOVACIDE | Năm 2022 | Công ty Liên doanh TNHH Anova | Tổng hội Nông nghiệp & Phát triển nông thôn |
| 37 | Xuxifarm được vinh danh top 50 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam 2022 | Năm 2022 | CTCP Thực phẩm Gia đình An Co | Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam |
| 38 | Hàng Việt Nam chất lượng cao | Năm 2023 | Công ty Liên doanh TNHH Anova | Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao |
| 39 | “Doanh nghiệp chất lượng QMix 100:2015” và tiêu chuẩn AN TOÀN CHẤT LƯỢNG CCI:2015 | Năm 2023 | Công ty Liên doanh TNHH Anova | Global GTA chứng nhận |
| 40 | Doanh nghiệp nỗ lực vượt khó và có đóng góp lớn vào ngân sách nhà nước 2020 - 2022 | Năm 2023 | Công ty Liên doanh TNHH Anova | Tổng Cục thuế |
| 41 | Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao | Năm 2023 | CTCP Anova Feed | Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao |

| STT | Giải thưởng | Thời gian | Công ty | Tổ chức chứng nhận |
|-----|-------------------------------------|-----------|---|---|
| 42 | Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao | Năm 2023 | CTCP Sản xuất và Thương mại Sài Gòn Vet | Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao |
| 43 | 12 năm Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao | Năm 2023 | CTCP Sản xuất và Thương mại Sài Gòn Vet | Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao |
| 44 | Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao | Năm 2024 | CTCP Anova Feed | Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao |
| 45 | Chứng nhận ISO 9001.2015 | Năm 2024 | CTCP Anova Feed | SGS Vietnam |
| 46 | Chứng nhận ISO 22000.2018 | Năm 2024 | CTCP Anova Feed | SGS Vietnam |
| 47 | Chứng nhận GLOBAL GAP | Năm 2024 | CTCP Anova Feed | SGS Vietnam |
| 48 | Chứng nhận HACCP | Năm 2024 | CTCP Anova Feed | SGS Vietnam |
| 49 | Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao | Năm 2024 | Công ty Liên doanh TNHH Anova | Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao |

3. Ngành nghề, sản phẩm - dịch vụ và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0301447257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004, cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 09 tháng 12 năm 2025; Nova Consumer được thực hiện các ngành nghề kinh doanh sau đây:

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----|--|---------------------------|
| 1 | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP.HCM) (CPC 631) Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A.16 Phụ lục 1 | 4722 |

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----|---|---------------------------|
| | Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải | |
| 2 | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP.HCM) (CPC 631) Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải | 4791 |
| 3 | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP.HCM) (CPC 631) Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải | 4799 |
| 4 | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng rừng | 0210 |
| 5 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp | 4653 |
| 6 | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP.HCM) (CPC 631) Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A.16 Phụ lục 1 | 4721 |

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----|--|---------------------------|
| | Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải. | |
| 7 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Thực hiện theo quy định Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản. (Ngoại trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng). | 6810 |
| 8 | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ tư vấn phần mềm và tư vấn hệ thống (CPC 842) | 6202 |
| 9 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A.16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải | 8299 |
| 10 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513) | 4299 |
| 11 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ) (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở). | 4659 |
| 12 | Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý) (CPC 865) | 7020 (Chính) |
| 13 | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP.HCM) (CPC 631) | 4723 |

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----|--|---------------------------|
| 14 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ) (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở) | 4669 |
| 15 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ) (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở) | 4620 |
| 16 | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò | 0141 |
| 17 | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn | 0145 |
| 18 | Chăn nuôi gia cầm | 0146 |
| 19 | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp | 0150 |
| 20 | Trồng cây mía | 0114 |
| 21 | Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ) (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở) | 4632 |
| 22 | Bán buôn đồ uống (không hoạt động tại trụ sở) | 4633 |

b. Sản phẩm - Dịch vụ

❖ Sản phẩm, dịch vụ của công ty mẹ

Hoạt động kinh doanh tại công ty mẹ - CTCP Tập đoàn Nova Consumer bao gồm:

- Hoạt động tư vấn cung cấp dịch vụ cho các công ty con:
 - + *Tư vấn xây dựng chiến lược kinh doanh*: định hướng cơ cấu sản phẩm kinh doanh (tư vấn chiến lược nhằm giữ vững doanh số kinh doanh, hỗ trợ các nhà phân phối các giải pháp phòng chống và ngăn chặn lây lan bệnh dịch. Tư vấn các biện pháp phòng chống dịch Covid - 19), xây dựng và phát triển mạng lưới phân phối nhằm tăng doanh số, đào tạo quản trị chiến lược, đàm phán trong việc thương lượng kinh doanh giữa các công ty liên quan;
 - + *Tư vấn quản lý*: hoàn thiện hệ thống kế toán nội bộ, tư vấn các chính sách tài chính kế toán khi có thay đổi, nghiên cứu và đưa ra các giải pháp các vấn đề có liên quan đến việc quản trị tài chính, tìm kiếm các giải pháp nâng cao tính cạnh tranh giữa các đơn vị trong nhóm, xây dựng và tư vấn cơ cấu tài chính về vốn vay và VCSH;
 - + *Tư vấn về kỹ thuật*: tư vấn chuyên môn trực tiếp qua điện thoại cho các nhân viên các công ty thành viên, huấn luyện chuyên môn online qua Microsoft Teams, tổ chức các hội thảo chuyên đề đặc biệt cho các công ty thành viên và tập huấn kỹ năng; hội thảo chống dịch tả lợn Châu Phi cho đối tác; hội thảo chuyên đề về thuốc thú y cho nông dân, soạn thảo các tài liệu về kỹ thuật chuyên môn, bán hàng.
- Công ty đi thuê văn phòng và cho công ty thành viên thuê lại văn phòng tại trụ sở số 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

❖ **Sản phẩm dịch vụ của các công ty con, công ty liên kết**

Nova Consumer định hướng phát triển theo mô hình 3F - từ trang trại đến bàn ăn (Feed - thức ăn chăn nuôi, Farm - nông trại, Food - thực phẩm). Theo đó, thức ăn chăn nuôi được kiểm soát chặt chẽ về giá trị dinh dưỡng và tồn dư chất cấm để nâng cao hiệu quả chăn nuôi và đảm bảo nguồn thịt sạch, truy vấn được nguồn gốc sản phẩm, đưa các sản phẩm chăn nuôi đạt tiêu chuẩn chất lượng vào chế biến thành thực phẩm đến người tiêu dùng.

Đồng thời Nova Consumer cũng mở rộng hoạt động kinh doanh sang mảng thực phẩm hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) như thực phẩm đóng gói, đồ uống, nước giải khát là mắt xích quan trọng giúp gia tăng biên độ lợi nhuận của Nova Consumer.



✚ **Mảng sức khỏe vật nuôi**

Trong lĩnh vực thuốc thú y và vaccine, Nova Consumer thừa hưởng thành quả tốt nhất từ Anova Corporation trong suốt 33 năm qua.

Thuốc thú y

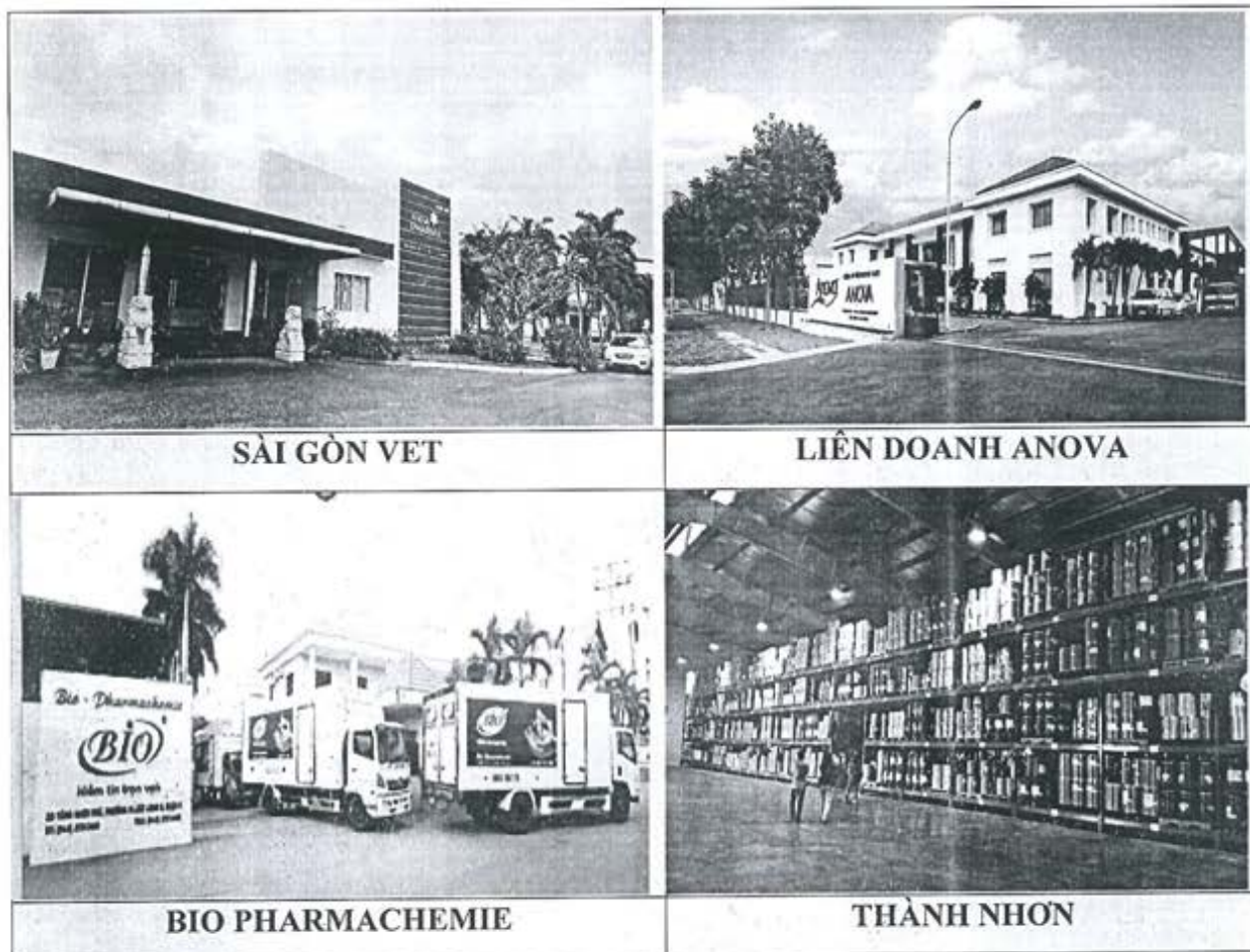
Bắt đầu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và phân phối thuốc thú y từ năm 1992 đến nay, Nova Consumer đã chiếm lĩnh thị phần kinh doanh lớn trong mảng này và có các thương hiệu uy tín, là sự lựa chọn hàng đầu của người nông dân Việt Nam.

Hiện nay, Nova Consumer có 04 công ty con trực tiếp (CTCP SX&TM Sài Gòn Vet, Công ty Liên doanh TNHH Anova, CTCP Thành Nhơn, CTCP Anova Tech) và 01 công ty liên kết (Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie) hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối thuốc thú y; với 2 nhà máy sản xuất thuốc thú y (CTCP SX&TM Sài Gòn Vet, Công ty Liên doanh

TNHH Anova) được đầu tư trang thiết bị hiện đại, dây chuyền sản xuất tự động và đạt tiêu chuẩn WHO-GMP.

Bên cạnh đó, các công ty thành viên trong Công ty đã rất thành công trong việc xây dựng thương hiệu thuốc thú y Việt Nam trên thị trường quốc tế khi xuất khẩu sản phẩm sang hơn 33 quốc gia, bao gồm cả những quốc gia phát triển như Hàn Quốc, Dubai, Malaysia...


HÌNH ẢNH NHÀ MÁY – KHO HÀNG



Vaccine

Đối với sản phẩm Vaccin, Nova Consumer có 01 công ty con trực tiếp (CTCP Anova Biotech), 01 công ty liên kết (CTCP Thuốc Thú y Trung ương Vet Va Co) và 01 công ty đầu tư (CTCP thuốc thú y Trung Ương Navetco) hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu và phân phối vaccine, với hệ thống kho trữ hàng hiện đại, đạt chuẩn, dễ dàng phân phối và cung cấp sản phẩm cho khách hàng.

| Sản phẩm | Hình ảnh sản phẩm tiêu biểu |
|---|--|
| Sản phẩm thuốc trị bệnh (viêm phổi cấp, tiêu chảy, hô hấp...) và bổ sung chất dinh dưỡng trên trâu, bò, heo, gà và chó, mèo |  |

| Sản phẩm | Hình ảnh sản phẩm tiêu biểu |
|--|---|
| Các sản phẩm vaccine, kháng sinh, thảo dược phòng & trị bệnh cho gia súc, gia cầm. |  <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> HC-VAC AFTOPOR PRO-VAC CIRCOMASTER PRO-VAC TP </div> |

✦ *Mãng Thức ăn chăn nuôi*




Nova Consumer hiện sở hữu 01 công ty con trực tiếp là CTCP Anova Feed hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối thức ăn chăn nuôi. Anova Feed chuyên cung cấp các sản phẩm thức ăn chăn nuôi mang thương hiệu Anova Feed, BG Feed, Nova Feed dành cho heo, gia cầm, bò, dê, thủy sản. Nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, Anova Feed đã đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, hoàn toàn tự động nhập khẩu từ châu Âu. Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty đã đạt nhiều chứng nhận quốc tế như: ISO 9001:2015, GLOBAL GAP, ... Mới bước chân vào thị trường thức ăn chăn nuôi hơn 10 năm, nhưng CTCP Anova Feed đã nhanh chóng ghi dấu ấn và trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu. Ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi đầu tư hệ thống máy móc hiện đại, tự động hóa cao, giúp sản xuất ra những sản phẩm thức ăn chăn nuôi chất lượng đồng nhất, đáp ứng nhu cầu của người chăn nuôi. Anova Feed cũng cam kết tuân thủ

tiêu chuẩn quốc tế GLOBAL G.A.P về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu.

Anova Feed sở hữu mạng lưới sản xuất và phân phối rộng khắp cả nước. 3 nhà máy hiện đại đặt tại Tây Ninh, Đồng Nai và Hưng Yên cùng hệ thống phân phối trải dài khắp Việt Nam cho phép Anova Feed đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, tiện lợi và đảm bảo chất lượng cao nhất.

Anova Feed đã có bước tiến chiến lược khi mở rộng sang mảng cung cấp heo con và heo thịt chất lượng cao. Thị trường chăn nuôi đang ghi nhận sự gia tăng mạnh về quy mô và yêu cầu đối với nguồn con giống và vật nuôi thương phẩm đạt chuẩn. Tận dụng lợi thế từ hệ sinh thái nông nghiệp của Nova Consumer, Anova Feed chủ động phát triển lĩnh vực này nhằm đáp ứng xu hướng thị trường. Việc mở rộng không chỉ góp phần hoàn thiện chuỗi cung ứng mà còn tạo động lực thúc đẩy sự PTBV của ngành chăn nuôi.

Nhà máy Thức ăn chăn nuôi cho gia súc và gia cầm

| Nhà máy | Nhà máy Tây Ninh | Nhà máy Đồng Nai | Nhà máy Hưng Yên |
|------------------|---|--|---|
| Địa chỉ | Cụm Công Nghiệp Tập đoàn Anova, Ấp 4, xã Long Cang, Tỉnh Tây Ninh | Lô G8, Đường Đ6A, Khu Công Nghiệp Dầu Giây, Xã Dầu Giây, Tỉnh Đồng Nai | Đường A2, Khu A, Khu Công Nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên |
| Chức năng | Nhà máy sản xuất cám cho gia súc và gia cầm | Nhà máy sản xuất cám cho gia súc và gia cầm | Nhà máy sản xuất cám cho gia súc và gia cầm |
| Hình ảnh |  |  |  |

HÌNH ẢNH MỘT SỐ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA THỨC ĂN CHĂN NUÔI



✦ Mảng Trang trại vật nuôi

Nova Consumer hiện sở hữu 2 công ty con trực thuộc mảng Trang trại vật nuôi, bao gồm CTCP Anova Feed, CTCP Anova Farm. Các công ty này hoạt động trong lĩnh vực trang trại với hệ thống sản xuất theo mô hình chăn nuôi khép kín từ con giống đến sản phẩm cuối cùng. Nhờ áp dụng mô hình này, Nova Consumer có thể truy xuất nguồn gốc sản phẩm dễ dàng và đảm bảo đạt chuẩn Viet G.A.P. Hệ thống trang trại của Nova Consumer gồm trang trại heo tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Trang trại heo giống

Nova Consumer sở hữu hệ thống trang trại heo nái và heo hậu bị. Việc bố trí các trang trại cách xa nhau giúp hạn chế nguy cơ dịch bệnh, đồng thời hệ thống quản trị ERP Oracle được áp dụng để truy xuất nguồn gốc sản phẩm một cách minh bạch và chính xác.

Các trang trại heo giống được thiết kế, bố trí khoa học, thân thiện môi trường hướng tới mô hình chăn nuôi tiên tiến của thế giới như:

(1) Hệ thống điều hòa không khí đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm, tạo môi trường sống thoải mái và an toàn cho đàn heo. Nhờ đó, hệ thống này giúp đáp ứng nhu cầu sinh trưởng và phát triển tốt nhất cho đàn heo, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

(2) Mô hình quản lý luân chuyển heo theo từng trạng thái sản xuất được áp dụng, đi kèm với thiết kế diện tích và bố trí chuồng trại phù hợp. Nhờ vậy, nhân viên chăm sóc có thể điều chỉnh tiêu khí hậu chuồng nuôi một cách linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng loại và lứa tuổi heo, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

(3) Nhờ áp dụng mô hình chăn nuôi khép kín theo chuỗi, việc truy xuất nguồn gốc từng mã đàn heo xuất ra trở nên dễ dàng hơn. Hệ thống phần mềm quản lý tiên tiến bao gồm ERP-Oracle và PigVision giúp theo dõi sát sao lý lịch và năng suất của đàn heo hậu bị giống nhập ngoại. Dữ liệu được cập nhật và lưu trữ liên tục, tạo nền tảng cho công tác tuyển chọn heo giống chặt chẽ, góp phần phát huy tối đa tiềm năng di truyền của đàn heo.

Các sản phẩm được Nova Consumer cung cấp ra thị trường gồm:

- *Heo hậu bị cái bố mẹ*: Sự kết hợp giữa giống Yorkshire và Landrace tạo ra heo lai hai máu York-Land hoặc Land-York. Nhờ ưu thế lai xuất sắc về khả năng sinh sản, dòng heo này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo đàn heo thịt thương phẩm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường.
- *Heo hậu bị cái thuần (bao gồm các giống thuần Landrace và Yorkshire)*: Heo giống thuần chủng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra đàn con đồng đều về tính trạng. Để đạt được điều này, heo giống cần đáp ứng các tiêu chuẩn về giống thông qua quá trình chọn lọc và nhân giống liên tục dựa trên giá trị di truyền. Tính thuần chủng càng cao, độ đồng đều về tính trạng cho đàn con càng được đảm bảo.
- *Heo hậu bị đực thuần (bao gồm các giống thuần Landrace, Yorkshire và Duroc)*: Vai trò của con đực trong công tác giống vô cùng quan trọng, ảnh hưởng lâu dài đến các thế hệ đời con. Do đó, việc sử dụng con đực có tính thuần chủng cao sẽ giúp tạo ra đàn con đồng đều về tính trạng, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

Thông tin trang trại heo giống

| STT | Thông tin trang trại | Sản phẩm cung cấp | Địa chỉ | Diện tích | Thời hạn thuê – Năm thuê |
|-----|---|-------------------|---|-----------|--------------------------|
| 1 | Trại heo giống Tân Thắng | Heo giống | Xã Tân Thắng, H. Hàm Tân, Bình Thuận | 12 ha | 15 năm (Từ năm 2015) |
| 2 | Trại heo giống Lộc Ninh | Heo giống | Huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước | 10,7 ha | 15 năm (Từ năm 2012) |
| 3 | Trại heo giống Bàu Bàng | Heo giống | Thửa đất số 1244, tờ bản đồ số 19, ấp 4, xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng | 10 ha | 15 năm (Từ năm 2017) |
| 4 | Trại heo giống Cát Tiên | Heo giống | Thôn Ninh Hậu, Xã Nam Ninh, Huyện Cát Tiên, Tỉnh Lâm Đồng | 9,6 ha | 15 năm (Từ năm 2021) |
| 5 | Trại heo giống Quảng Sơn (thuộc Chi nhánh Đắk Nông) | Heo giống | Xã Quảng Sơn, Huyện Đắk Nông, Tỉnh Đắk Nông. | 26,5 ha | 15 năm (Từ năm 2022) |
| 6 | Trại heo giống Tuy Đức | Heo giống | Thôn Doãn Văn, Xã Đắk R Tih, Huyện Tuy Đức, Tỉnh Đắk Nông | 9,9ha | 15 năm (Từ năm 2023) |

Trang trại heo thịt

Công ty sở hữu hệ thống trại heo thịt được thiết kế khoa học, thân thiện với môi trường và chú trọng đến phúc lợi động vật. Mô hình chăn nuôi tiên tiến được áp dụng nhằm tạo điều kiện sống tối ưu cho đàn heo, kết hợp với chế độ dinh dưỡng cân bằng và phù hợp. Hệ thống phần mềm quản lý hiện đại như ERP-Oracle và PigVision giúp theo dõi và lưu trữ đầy đủ thông tin về thức ăn, nước uống, thuốc thú y, vaccin... phục vụ cho truy xuất nguồn gốc sản phẩm một cách minh bạch, tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

Hệ thống trại chăn nuôi của Công ty được xây dựng và vận hành theo tiêu chuẩn cao, đảm bảo an toàn cho môi trường và sức khỏe cộng đồng. Các tiêu chuẩn về xây dựng, bảo vệ môi trường và xử lý chất thải được tuân thủ nghiêm ngặt. Áp dụng mô hình chăn nuôi theo tiêu chuẩn Viet G.A.P, cùng quy trình phòng chống dịch bệnh hiệu quả, Công ty đảm bảo đàn vật nuôi được phát triển khỏe mạnh. Hệ thống chăm sóc tự động và bán tự động giúp nâng cao năng suất chăn nuôi, cung cấp nguồn thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

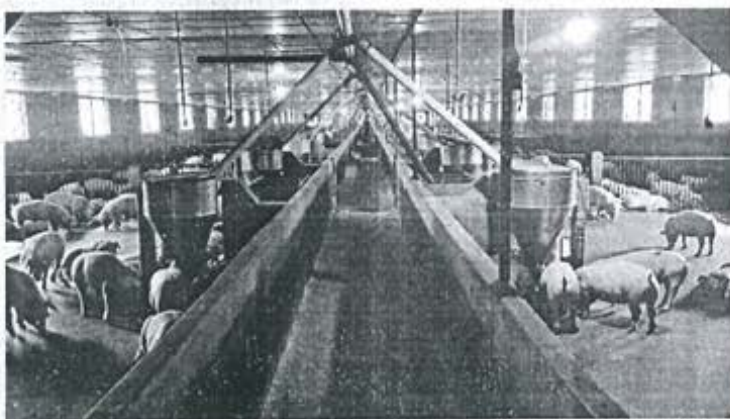
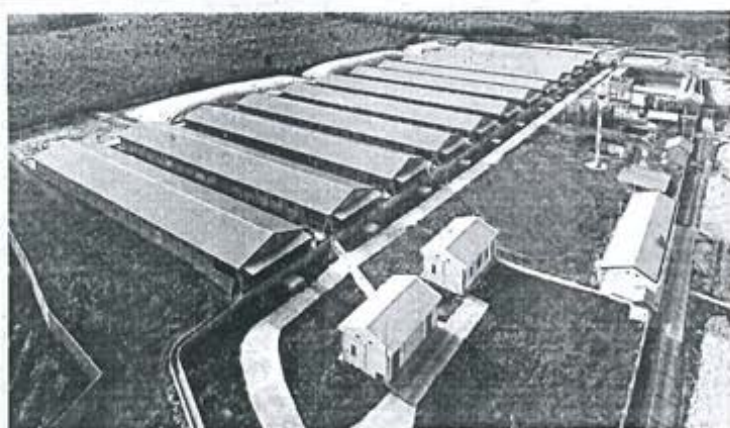
Các sản phẩm được Nova Consumer cung cấp ra thị trường gồm:

- **Heo thịt:** Với ưu thế lai về khả năng sinh trưởng, dòng heo lai được ưu tiên lựa chọn để tạo ra đàn heo thương phẩm chất lượng cao. Nhờ vậy, người tiêu dùng có thể an tâm về nguồn thực phẩm an toàn. Chất lượng thịt heo lai dẻo dai, màu đỏ đẹp mắt cùng vân mỡ ẩn tượng tạo nên hương vị thơm ngon đặc trưng. Thêm vào đó, thịt heo lai dễ dàng chế biến thành các món nguội như chả lụa, giò chả, mang đến sự đa dạng cho bữa ăn gia đình.
- **Heo con nuôi thịt 20kg:** Heo lai ba máu cuối cùng là lựa chọn tối ưu cho việc nuôi thịt bởi ưu thế lai về khả năng sinh trưởng và sức đề kháng bệnh. Dòng heo này được sử dụng để tạo ra đàn heo thịt thương phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường. Nhờ được tiêm phòng đầy đủ, tỷ lệ hao hụt trong giai đoạn nuôi thịt rất thấp, chỉ 2,5%, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi và mang lại lợi nhuận cho người chăn nuôi.

Thông tin trang trại heo thịt

| STT | Thông tin trang trại | Sản phẩm cung cấp | Địa chỉ | Diện tích | Thời hạn thuê – Năm thuê |
|-----|--|-------------------|--|-----------|--------------------------|
| 1 | Trại heo thịt Bưng Riềng | Heo thịt | Xã Bưng Riềng, H. Xuyên Mộc, Bà Rịa Vũng Tàu | 12 ha | 15 năm (Từ năm 2016) |
| 2 | Trại heo thịt Xuân Trường | Heo thịt | Xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai | 10 ha | 10 năm (Từ năm 2020) |
| 3 | Trại heo thịt Tây Ninh | Heo thịt | Huyện Tân Châu, Tây Ninh | 8,6 ha | 15 năm (Từ năm 2022) |
| 4 | Trại heo thịt Phú Giáo (Chi nhánh Bình Dương 2) | Heo thịt | Ấp Cây Khô, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo | 7 ha | 15 năm (Từ năm 2020) |
| 5 | Trại heo thịt Dầu Tiếng | Heo thịt | Ấp Đồng Sến, xã Định An, huyện Dầu Tiếng | 15,3 ha | 15 năm (Từ năm 2020) |
| 6 | Trại heo thịt Phước Sang | Heo thịt | Ấp Sa Dục, Xã Phước Sang, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương. | 9 ha | 15 năm (Từ năm 2022) |
| 7 | Trại heo thịt Quảng Sơn (thuộc Chi nhánh Đắk Nông) | Heo thịt | Xã Quảng Sơn, Huyện Đắk Nông, Tỉnh Đắk Nông. | 26,5 ha | 15 năm (Từ năm 2022) |

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRẠI CHĂN NUÔI HEO

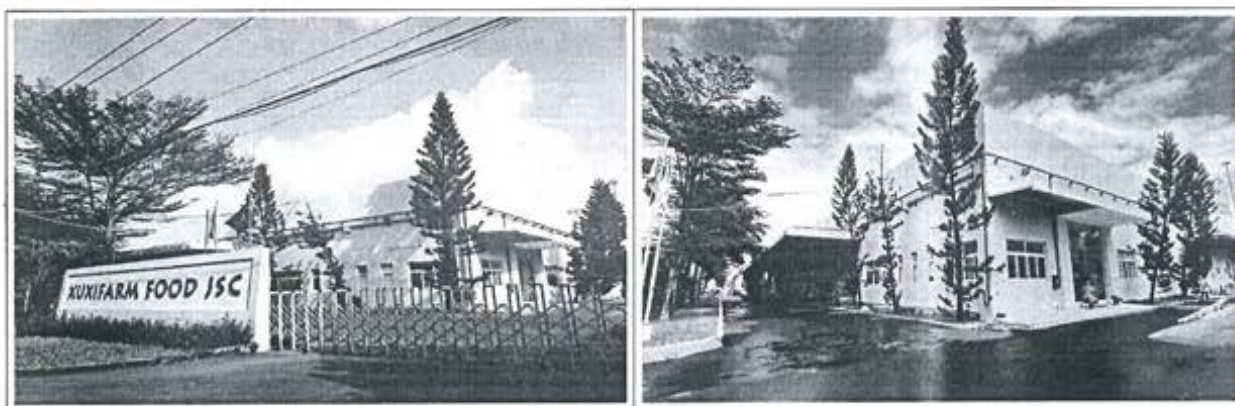


Trong tháng 06/2022, Nova Consumer đã hoàn tất thương vụ M&A để gián tiếp sở hữu CTCP Thực phẩm Xuxifarm (tên cũ là CTCP Thực phẩm Gia Đình An Co).

Công ty hoạt động từ năm 2010 trong lĩnh vực thực phẩm chế biến với nhà máy sản xuất hiện đại, có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước với hơn 30.000 điểm bán lẻ truyền thống và đang từng bước phủ khắp hệ thống siêu thị hiện đại. Sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng, thương hiệu của Công ty nhiều năm đạt tiêu chuẩn Hàng Việt Nam Chất lượng cao trong ngành hàng Thực phẩm khô – Thực phẩm ăn liền.

| Nhà máy XUXIFARM | | Thông tin |
|--------------------|---|-----------|
| Địa chỉ | Lô M, Đường số 10, Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | |
| Diện tích | 15.236 m2 | |
| Thời gian thuê | 47 năm (đến 29/05/2057). | |
| Sản phẩm | Xúc xích tiết trùng: nhãn hàng Xuxifarm và Bé Khỏe | |
| Công nghệ, máy móc | Công nghệ Nhật Bản Pinhole Inspector giúp kiểm định chất lượng sản phẩm | |
| Công suất Thiết kế | 11.000 tấn /năm (Xúc xích) | |

HÌNH ẢNH NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỦA XUXIFARM



HÌNH ẢNH SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



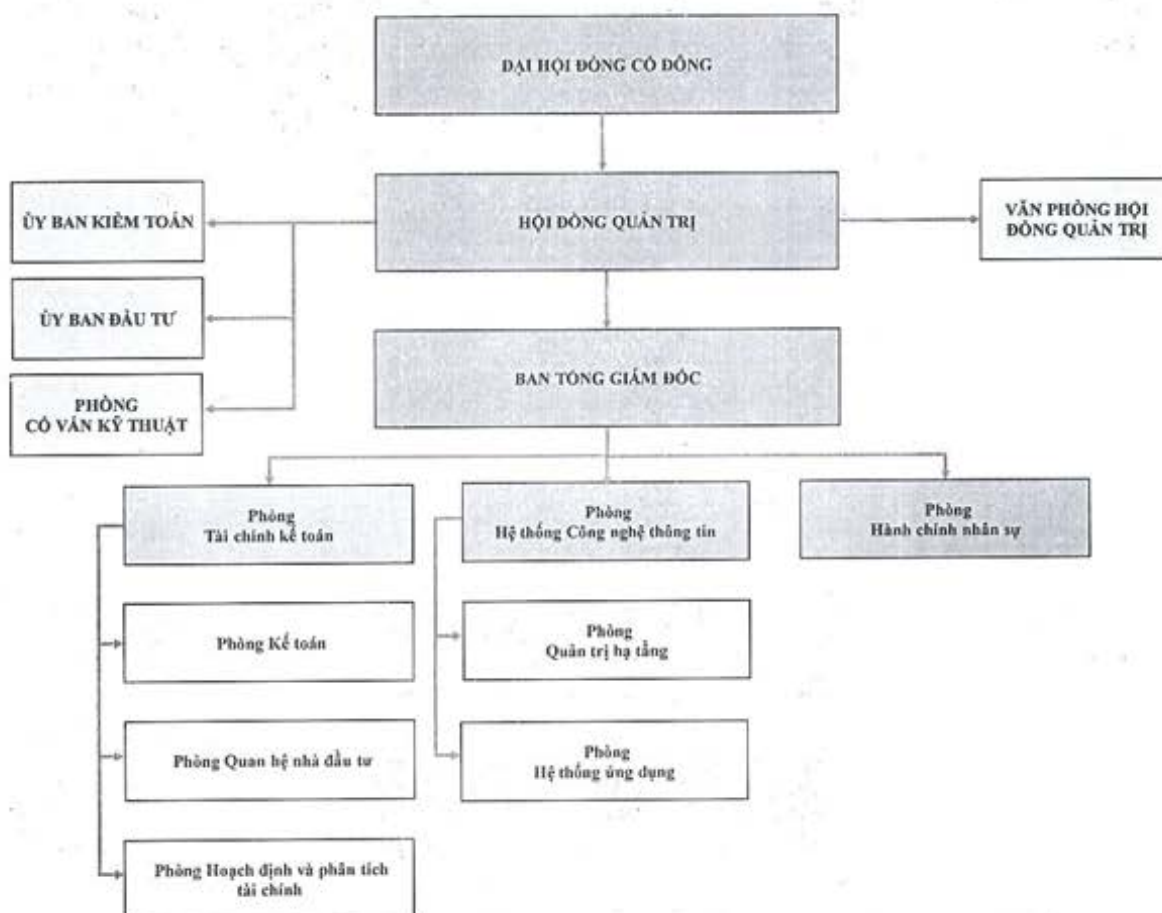
c. Địa bàn kinh doanh

Thông qua mạng lưới phân phối từ Bắc đến Nam và xuất khẩu hơn 33 thị trường quốc tế, các sản phẩm của Nova Consumer đã có mặt ở những thị trường phát triển như Hà Lan, Malaysia, Indonesia, Hàn Quốc, Thái Lan, Tiểu vương quốc Ả Rập...



| | | | |
|---------------|-------------|-----------|-------------|
| Netherlands | Sudan | Iran | Korea |
| Iraq | Kuwait | Malaysia | Laos |
| Jordan | Oman | Indonesia | Thailand |
| Libya | Nepal | | Myanmar |
| Egypt | Yemen | | Philippines |
| Cote D'Ivoire | Dubai U.A.E | | Cambodia |
| Ghana | Bangladesh | | |
| Nigeria | Sri Lanka | | |

a. Sơ đồ tổ chức và quản lý



❖ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCD là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCD thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCD phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCD thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCD có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCD được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

ĐHĐCD có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, thông qua các báo cáo của Công ty (bao gồm BCTC, báo cáo của HĐQT, báo cáo của UBKT); thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm, lựa chọn công ty kiểm toán; và các quyền khác theo các quy định cụ thể trong Điều lệ Hoạt động của Công ty và theo quy định của Pháp luật.

❖ Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý của Nova Consumer, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT của Công ty bao gồm: 03 Thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng Thành viên là 05 năm. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra.

❖ Ủy ban kiểm toán

UBKT trực thuộc HĐQT. UBKT bao gồm tối thiểu hai (02) Thành viên được HĐQT bổ nhiệm. Tiêu chuẩn đối với Chủ tịch UBKT và các Thành viên trong UBKT được quy định trong Điều lệ và Quy chế QTCT của Công ty.

UBKT là bộ phận tham mưu và hỗ trợ HĐQT giám sát tính trung thực các BCTC của Công ty, tuân thủ các quy định pháp luật của Công ty, năng lực và tính độc lập của kiểm toán độc lập, năng lực và tính hiệu quả của KTNB, hiệu quả hoạt động của QLRR và hệ thống KSNB. UBKT hiện tại của Công ty bao gồm: 02 Thành viên.

Công ty đã thành lập UBKT từ ngày 06/07/2021 và ban hành Quy chế hoạt động của UBKT ngày 01/03/2022.

❖ Ủy ban đầu tư

Ủy ban Đầu tư có chức năng tham mưu và hỗ trợ HĐQT trong việc xem xét, thẩm định và đánh giá các cơ hội đầu tư của Công ty, bao gồm các dự án đầu tư mới, hoạt động góp vốn, mua bán – sáp nhập và các khoản đầu tư tài chính.

Ủy ban thực hiện đánh giá hiệu quả tài chính, mức độ phù hợp với chiến lược phát triển, khả năng cân đối nguồn vốn và các rủi ro liên quan, đồng thời theo dõi hiệu quả sau đầu tư nhằm đảm bảo các quyết định đầu tư được triển khai thận trọng, hiệu quả và phù hợp với định hướng PTBV của Công ty.

❖ Phòng cố vấn kỹ thuật

Phòng Cố vấn kỹ thuật có chức năng tham mưu và hỗ trợ HĐQT trong việc rà soát, đánh giá và tư vấn các vấn đề kỹ thuật liên quan đến hoạt động chăn nuôi, bao gồm công tác thú y, quản lý dịch bệnh, vận hành trang trại và áp dụng các quy trình kỹ thuật trong chăn nuôi heo.

Phòng đồng thời tham gia xây dựng, cập nhật và giám sát việc triển khai các tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo an toàn sinh học, kiểm soát rủi ro dịch bệnh và góp phần nâng cao chất lượng đàn vật nuôi theo định hướng PTBV của Công ty.

❖ Văn phòng HĐQT

Văn phòng HĐQT có chức năng tham mưu và hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bảo đảm việc thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Văn phòng chịu trách nhiệm điều phối công tác tổ chức các cuộc họp, chuẩn bị tài liệu phục vụ hoạt động quản trị, theo dõi việc triển khai các nghị quyết của HĐQT, đồng thời hỗ trợ giám sát việc tuân thủ quy định QTCT nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của HĐQT trong quá trình thực hiện chức năng quản lý và định hướng chiến lược của Công ty.

❖ Ban Tổng Giám đốc

TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ trong việc điều hành Nova Consumer nhằm đảm bảo Công ty hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động hiệu quả, vì lợi ích của Công ty, các Cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan, theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT và ĐHĐCĐ phê duyệt. Theo đó, TGD thực hiện vai trò xây dựng và đưa ra các khuyến

nghey định hướng chiến lược; xây dựng và đưa ra khuyến nghị kế hoạch kinh doanh, ngân sách; phát triển nguồn nhân lực và hoạt động điều hành, quản lý doanh nghiệp tuân thủ, hiệu quả; thực hiện hoạt động kinh doanh để đạt được chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

❖ **Các phòng, ban chức năng**

Có nhiệm vụ tham mưu cho TGD về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban TGD Công ty trong hoạt động SXKD của Công ty.

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN:

• **Phòng Kế toán**

- Tổ chức, vận hành quản trị hệ thống kế toán, BCTC, báo cáo thuế, quản lý kiểm soát tài sản của Công ty và các đơn vị thành viên theo đúng quy định của pháp luật và chuẩn mực kế toán hiện hành.

• **Phòng Quan hệ nhà đầu tư**

- Quản lý và triển khai các hoạt động huy động vốn trong và ngoài nước.
- Quan hệ nhà đầu tư thông qua các công cụ trên thị trường vốn và thị trường tài chính quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Xây dựng chiến lược cổ đông, công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật, cầu nối giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư đồng thời quảng bá hình ảnh Nova Consumer.

• **Phòng Hoạch định và phân tích tài chính**

- Quản trị chiến lược và kế hoạch tài chính (bao gồm hoạch định ngân sách vận hành và kế hoạch lợi nhuận).
- Xây dựng các báo cáo quản trị, báo cáo dòng tiền, chính sách tài chính cho Công ty và quản trị mua bán/sáp nhập.
- Thực hiện kiểm soát ngân sách đảm bảo hiệu quả tài chính của Công ty. Quản trị mua bán sáp nhập.

PHÒNG HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN:

• **Phòng Quản trị hạ tầng**

- QLRR thông tin, đảm bảo an toàn thông tin và các hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hoạt động ổn định.
- Ứng dụng chuyển đổi số cho các công ty thành viên.
- Quản lý dự án về phần mềm, hạ tầng, thiết bị và cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho toàn Công ty.

• **Phòng Hệ thống ứng dụng**

- Đề xuất, xây dựng chiến lược cấu trúc, lộ trình phát triển và triển khai các ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin căn cứ trên chiến lược phát triển của Công ty.
- Xây dựng và phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin cho ngành tiêu dùng và ngành nông nghiệp.

PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ:

- Xây dựng, duy trì, cải tiến và tham mưu cho Ban giám đốc, các Khối/ phòng ban chức năng về các vấn đề liên quan quản lý nguồn nhân lực, tổng chế độ đãi ngộ, thu hút nguồn lực.
- Xây dựng hệ thống dữ liệu, quản lý nguồn nhân lực, xây dựng chính sách nhân sự và triển khai thực hiện công tác vận hành nhân sự. Quản lý và tổ chức thực hiện công tác quản lý chứng từ hành chính nhân sự.
- Tuyển dụng nhân sự đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty.
- Xây dựng văn hóa tổ chức, năng lực tổ chức đạt hiệu quả kinh doanh & phát triển con người, năng lực lãnh đạo & quản lý, truyền thông nội bộ, tạo sự gắn kết trong lực lượng lao động

b. Các công ty con và công ty liên kết

Nova Consumer là công ty mẹ của một nhóm các công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn. Các công ty thành viên chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bao gồm: (1) lĩnh vực sức khỏe vật nuôi bao gồm các sản phẩm thuốc thú y và vaccine; (2) Thức ăn chăn nuôi (3) Trang trại và (4) Hàng tiêu dùng.

Thông tin công ty con, công ty liên kết

| STT | Công ty | Ngày thành lập | Số GCN ĐKDN | Lĩnh vực kinh doanh | VĐL (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) |
|---------------------------------|-------------------------------|----------------|-------------|---|---------------|------------------|----------------------|
| CÔNG TY CON | | | | | | | |
| I. CÔNG TY CON TRỰC TIẾP | | | | | | | |
| 1 | Công ty Liên doanh TNHH Anova | 30/06/2008 | 3700471585 | Sản xuất chất bổ sung cho thức ăn trong chăn nuôi và thủy sản, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán nguyên liệu, thành phẩm thuốc thú y | 48 | 57,00 | 57,00 |
| 2 | CTCP Sản xuất và Thương mại | 18/01/2002 | 0302532427 | Sản xuất thuốc thú y, thức ăn | 350 | 99,67 | 99,67 |

| STT | Công ty | Ngày thành lập | Số GCN ĐKDN | Lĩnh vực kinh doanh | VĐL (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) |
|--------------------|--------------------|----------------|-------------|---|---------------|------------------|----------------------|
| CÔNG TY CON | | | | | | | |
| | Sài Gòn Vet | | | chăn nuôi | | | |
| 3 | CTCP Thành Nhơn | 07/06/2007 | 0305054306 | Mua bán, sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, thủy tinh, kinh doanh bất động sản | 45 | 99,556 | 99,556 |
| 4 | CTCP Anova Tech | 09/08/2004 | 0101527480 | Kinh doanh thuốc thú y; thuốc thủy sản và các loại hóa chất, phụ gia thức ăn gia súc | 12 | 85,83 | 85,83 |
| 5 | CTCP Anova Feed | 14/05/2012 | 1101550146 | Sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản | 700 | 99,99 | 99,99 |
| 6 | CTCP Anova Biotech | 02/02/2013 | 0312150071 | Mua bán thuốc thú y, vắc-xin thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thuốc thú y thủy sản | 12,5 | 99,80 | 99,80 |
| 7 | CTCP Anova Farm | 09/11/2013 | 0312540579 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên | 187 | 99,84 | 99,84 |

01/11/2013
CỘNG HÒA
HỒ

| STT | Công ty | Ngày thành lập | Số GCN ĐKDN | Lĩnh vực kinh doanh | VĐL (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) |
|----------------------------------|---|----------------|-------------|---|---------------|------------------|----------------------|
| CÔNG TY CON | | | | | | | |
| | | | | liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chăn nuôi gia súc | | | |
| 8 | Tổng Công ty Mía đường II - CTCP | 30/06/2010 | 0300673461 | Chế biến các sản phẩm cồn, CO2; kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp | 685 | 94,96 | 94,96 |
| 9 | Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mộc (Tên mới: Công ty TNHH Asian Pacific) | 24/09/2020 | 0316503257 | Bán buôn thực phẩm | 448,4 | 99,89 | 99,89 |
| II. CÔNG TY CON GIÁN TIẾP | | | | | | | |
| 10 | CTCP Thực phẩm Xuxifarm | 11/08/2010 | 1101303612 | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt | 178,7 | 99,39 | 99,50 |
| CÔNG TY LIÊN KẾT | | | | | | | |
| 11 | Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | 07/10/2008 | 0300808221 | Sản xuất thuốc thú y, thuốc sát trùng phục vụ ngành chăn nuôi | 49 | 30,01 | 30,01 |
| 12 | CTCP Thuốc Thú y Trung ương Vet Va Co | 23/02/1993 | 0500237656 | SXKD thuốc thú y, xuất nhập khẩu thuốc thú y | 36 | 23,84 | 23,84 |
| CÔNG TY ĐẦU TƯ GÓP VỐN | | | | | | | |

G TẬP NH

| STT | Công ty | Ngày thành lập | Số GCN ĐKDN | Lĩnh vực kinh doanh | VĐL (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) |
|--------------------|-------------------------------------|----------------|-------------|--|---------------|------------------|----------------------|
| CÔNG TY CON | | | | | | | |
| 13 | CTCP Thuốc thú y Trung Ương Navetco | 07/03/2005 | 0300600417 | Sản xuất thuốc thú y, thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản | 160 | 12,18 | 12,18 |

5. Giới thiệu Hội đồng quản trị

a. Danh sách HĐQT

Hiện tại, Công ty có 03 thành viên HĐQT, trong đó có 02 thành viên không điều hành, 01 thành viên điều hành, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT, đáp ứng đầy đủ cơ cấu áp dụng đối với công ty niêm yết theo quy định tại Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng.

Đồng thời, các Thành viên HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT của Công ty cũng đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Thành viên điều hành/ không điều hành |
|-----|------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Chủ tịch HĐQT | Thành viên không điều hành |
| 2 | Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên | Thành viên HĐQT kiêm TGD | Thành viên điều hành |
| 3 | Bà Trần Thị Thu Thảo | Thành viên độc lập HĐQT | Thành viên không điều hành |

b. Sơ yếu lý lịch Thành viên HĐQT

❖ Ông Nguyễn Hiếu Liêm – Chủ tịch HĐQT

- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân chuyên ngành Kinh tế - Khoa Kế Toán- Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
 - + Cử nhân chuyên ngành Chăn nuôi Thú y - Khoa chăn nuôi thú y - Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM.
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---------------|---|---------------------------------------|
| 1982-1987 | Trại heo Vĩnh An, TP.HCM | Giám đốc |
| 1987-1991 | Đại biểu Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (Khóa VIII) | Đại biểu Quốc Hội |
| 1987-1994 | Trại heo Phước Long, TP.HCM | Giám đốc |
| | Công ty Chăn nuôi TP.HCM | Phó giám đốc |
| 1994 - Nay | Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD |
| 2011- 2016 | Nova Consumer | Phó TGD |
| 2016-2020 | Nova Consumer | TGD |
| 2010 - Nay | Công ty Liên Doanh TNHH Anova | Chủ tịch HĐQT |
| 2013 - Nay | CTCP thuốc thú y Trung Ương Navetco | Thành viên HĐQT |
| 2013 - Nay | CTCP thuốc thú y Trung Ương Vet Va Co | Thành viên HĐQT |
| 2021 - Nay | Nova Consumer | Chủ Tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật |
| 2022-Nay | CTCP Anova Farm | TGD |
| 06/2022 - Nay | CTCP Nova Group | Phó Chủ tịch HĐQT |

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- + Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie
- + Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Liên doanh TNHH Anova
- + TGD Công ty CP Anova Farm
- + Thành viên HĐQT CTCP thuốc thú y Trung Ương Navetco
- + Thành viên HĐQT CTCP thuốc thú y Trung Ương Vetvaco
- + Phó Chủ tịch HĐQT tại CTCP Nova Group

- Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần

❖ Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên – Thành Viên HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kiểm toán - Kế Toán, Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh, Cử nhân luật

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|---------------|--|---|
| 2004-2007 | Công ty TNHH KPMG Viet Nam | Kiểm toán viên cấp cao |
| 2007-2009 | Công ty CP Chứng khoán Bản Việt | Chuyên viên cao cấp – phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp |
| 2010 - 2011 | Công ty TNHH Nestle Việt Nam | Chuyên viên cao cấp – phòng kế toán quản trị |
| 2011 – 2021 | CTCP Anova | Giám đốc tài chính/ Phó TGD |
| 2021 – 2023 | CTCP Xuất Nhập Khẩu Bến Tre “Betrimex” | Giám đốc điều hành |
| 08/2025 - Nay | CTCP Anova Feed | Thành viên HĐQT |
| 08/2025 - Nay | CTCP Thành Nhơn | Thành viên HĐQT |
| 08/2025 - Nay | Tổng Công ty Mía Đường II - CTCP | Chủ tịch HĐQT |
| 08/2025 - Nay | Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer | Tổng Giám Đốc |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm TGD

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- + Thành viên HĐQT CTCP Thành Nhơn
- + Thành viên HĐQT CTCP Anova Feed
- + Thành viên HĐQT CTCP Anova Farm
- + Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Mía Đường II – CTCP
- + Chủ tịch HĐQT CTCP Nova Thabico

- Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần

❖ **Bà Trần Thị Thu Thảo – Thành Viên độc lập HĐQT**

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|-----------------|---------------------------|---------------------------------|
| 1/2006 – 8/2008 | Công ty Unilever Việt Nam | Trợ lý Quản lý Báo cáo hợp nhất |
| 8/2008 – 9/2009 | Công ty Diageo Việt Nam | Kiểm soát Tài chính |
| 9/2009 – 4/2010 | Công ty Unilever Việt Nam | Dự án SAP Quy trình Tài chính |
| 4/2010 – 8/2015 | Công ty Diageo Việt Nam | Giám đốc Kiểm soát Tuân thủ |

| Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|-------------------|------------------------------------|--|
| 2/2016 – 12/2016 | Công ty Adidas Việt Nam | Giám đốc Tài chính |
| 12/2016 – 12/2017 | Công ty Modelez Kinh Đô Việt Nam | Giám đốc Tuần thủ |
| 12/2017 – 5/2021 | Công ty Thực Phẩm PepsiCo Việt Nam | Kiểm soát Tài chính |
| 5/2021 – 8/2021 | Công ty DHL Supply Chain Việt Nam | Giám đốc Tài chính |
| 10/2021 – 2/2022 | CTCP Nova Consumer Distribution | Giám đốc KTNB |
| 02/2022 – Nay | Nova Consumer | Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần

6. Giới thiệu Ủy ban kiểm toán

a. Danh sách Thành viên Ủy ban kiểm toán

Hiện tại, Công ty đã đáp ứng đầy đủ cơ cấu thành viên UBKT theo quy định. Đồng thời, các thành viên UBKT của Công ty cũng đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

| STT | Thành viên | Chức vụ |
|-----|----------------------|-----------------|
| 1 | Bà Trần Thị Thu Thảo | Chủ tịch UBKT |
| 2 | Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Thành viên UBKT |

(Lý lịch UBKT xem tại Phần II.5 – Giới thiệu HĐQT)

b. Thay đổi Thành viên Ủy ban kiểm toán trong năm 2025: Không có

7. Giới thiệu Ban điều hành

a. Danh sách Ban điều hành

Hiện tại, Công ty có 01 TGD. Các thành viên Ban điều hành của Công ty đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------------------|----------------|
| 1 | Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên | TGD |
| 2 | Bà Đỗ Thị Mỹ Nhung | Kế toán trưởng |

b. Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban điều hành

❖ Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên – TGD kiêm Thành viên HĐQT

(Lý lịch xem tại Phần II.5 – Giới thiệu HĐQT)

❖ Bà Đỗ Thị Mỹ Nhung - Kế Toán Trưởng

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị | Chức danh |
|----------------------|--|--------------------------------------|
| 06/2014 -07/2016 | Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Rồng Việt | Trưởng nhóm kiểm toán |
| 08/2016 – 09/2018 | Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Asia Dragon | Trưởng nhóm kiểm toán |
| 10/2018 – 12/2020 | CTCP Mía Đường La Ngà | Kế toán tổng hợp |
| 01/2021 – 07/2022 | Nova Consumer | Chuyên viên kế toán dự án cao cấp |
| 22/07/2022 – Nay | Nova Consumer | Kế toán trưởng |

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 0 cổ phần

8. Định hướng phát triển

“Xây dựng mô hình 3F, viết tắt là Feed – Farm – Food là quy trình sản xuất thực phẩm an toàn, truy xuất nguồn gốc, bắt đầu từ thức ăn chăn nuôi, tới quá trình nuôi ở các trang trại đến khâu chế biến thực phẩm.

Gia tăng quy mô trang trại, thúc đẩy nhu cầu cho mảng sức khỏe vật nuôi & thức ăn chăn nuôi. Mở rộng mảng FMCG để gia tăng biên lợi nhuận của Công ty.”



a. Các mục tiêu phát triển chủ yếu

Nova Consumer xác định hướng đi chiến lược trong tương lai tập trung vào hai mảng chính: nông nghiệp và hàng tiêu dùng. Tập đoàn tiếp tục phát huy thế mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp, đồng thời mở rộng sang ngành hàng tiêu dùng. Mô hình 3F đóng vai trò then chốt trong chiến lược này. Mô hình tạo ra chuỗi sản xuất khép kín, giúp Nova Consumer kiểm soát toàn bộ quy trình từ khâu đầu vào đến đầu ra, đảm bảo chất lượng sản phẩm và chủ động nguồn cung. Nhờ vậy, Nova Consumer có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường và khẳng định vị thế trên thị trường.

Theo đó, Công ty nỗ lực để duy trì vị trí dẫn đầu thị trường trong lĩnh vực kinh doanh thuốc thú y và vắc-xin. Đồng thời, Công ty đặt mục tiêu trở thành tập đoàn nông nghiệp hàng đầu Việt Nam với nền tảng tiêu dùng đa dạng. Nền tảng này sẽ tập trung vào sản xuất và cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người tiêu dùng.

b. Định hướng phát triển

Với tầm nhìn xây dựng nền nông nghiệp xanh và nâng tầm giá trị cạnh tranh cho ngành nông nghiệp Việt Nam, Nova Consumer cam kết mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng cao. Nova Consumer từng bước áp dụng tự động hóa vào sản xuất nông nghiệp để đảm bảo an toàn, tăng hiệu quả và cung cấp nhiều phương pháp cải tiến và kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến, nhằm mang đến những sản phẩm chất lượng hoàn hảo nhất.

Dựa trên nền tảng PTBV, hiệu quả hoạt động kinh doanh vững chắc, nền tảng tài chính mạnh mẽ cùng chiến lược rõ ràng và tập trung, Nova Consumer hứa hẹn sẽ có những bước tiến vượt bậc trong tương lai.

c. Phân tích SWOT

❖ Điểm mạnh

Nova Consumer được kế thừa và phát triển từ nền tảng mạng kinh doanh sản xuất nông nghiệp vững chắc trong suốt 33 năm hình thành, hoạt động. Công ty đã có được những thành tựu được ghi nhận bởi những cơ quan, tổ chức đánh giá uy tín như sản phẩm thuộc Công ty 12 năm đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn”, “Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh” năm 2021, 2022 và nhiều giải thưởng uy tín khác.

Hệ thống các thương hiệu tên tuổi trong ngành là cơ sở để Công ty vận hành và sản xuất ra những sản phẩm truy xuất được nguồn gốc, đảm bảo chất lượng từ các công ty như Công ty Liên Doanh Bio Pharmachemie, CTCP Sản Xuất và Thương Mại Sài Gòn Vet với hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận theo tiêu chuẩn WHO-GMP của Tổ chức Y tế Thế giới; CTCP Anova Feed với dây chuyền sản xuất hiện đại, hoàn toàn tự động được nhập khẩu từ châu Âu, đạt tiêu chuẩn Global G.A.P và đạt các tiêu chuẩn quản lý quốc tế khác; Trang trại heo Bưng Riềng thuộc CTCP Anova Feed được tổ chức chứng nhận quốc tế Control Union công bố đạt chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu Global G.A.P vào tháng 6/2017,...

Công ty xác định các nhóm sản phẩm nông nghiệp và cung cấp toàn diện giải pháp chăn nuôi cho người nông dân - sẽ vẫn tiếp tục là ngành nghề kinh doanh cốt lõi mang sự ổn định và lợi nhuận cho Nova Consumer trong nhiều năm tới.

Với bề dày kinh nghiệm lâu năm trong đầu tư, quản lý và vận hành, Nova Consumer đang khai thác lĩnh vực thuốc thú y và vaccine rất hiệu quả thông qua mạng lưới phân phối trong nước từ Bắc tới Nam, xuất khẩu hơn 33 thị trường quốc tế trong đó có những thị trường phát triển như Hà Lan, Malaysia, Indonesia, Hàn Quốc.

❖ Điểm yếu

Thương hiệu các sản phẩm của Nova Consumer tuy được đánh giá cao song chưa quen thuộc với người tiêu dùng trong nước.

❖ Cơ hội

Mục tiêu trong những năm tiếp theo, Công ty sẽ áp dụng mạnh mẽ chuyển đổi số và công nghệ thông tin vào vận hành quản trị, giúp kết nối tốt hơn giữa các nhà phân phối, cửa hàng với Nova Consumer song song với mục tiêu gia tăng số điểm bán/ người tiêu dùng trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm để có thể có danh mục sản phẩm đa dạng, tập trung vào ba nhóm ngành chính: Thực phẩm nhanh, đồ uống và dinh dưỡng, trong đó các sản phẩm đồ uống năng động, hiện đại sẽ là trọng tâm.

❖ Thách thức

Biến động khó lường của nền kinh tế gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Yêu cầu về chất lượng và sự đa dạng của sản phẩm ngày một tăng;

Sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp mới vừa gia nhập thị trường cũng như các doanh nghiệp đã có thị phần lớn;

III. Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm

1. Đánh giá chung về tình hình kinh tế

a. Tổng quan kinh tế vĩ mô thế giới

Năm 2025, bối cảnh thế giới tiếp tục tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định khi các căng thẳng địa chính trị tại một số khu vực vẫn kéo dài, cùng với xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại tại nhiều nền kinh tế lớn. Những biến động này đã tạo áp lực nhất định lên thương mại quốc tế, chuỗi cung ứng và chi phí sản xuất của nhiều ngành.

Bên cạnh đó, tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai diễn biến ngày càng phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh năng lượng, an ninh lương thực và sự ổn định của nguồn cung nguyên vật liệu trên phạm vi toàn cầu.

Tuy vậy, kinh tế thế giới trong năm 2025 cũng ghi nhận một số tín hiệu tích cực khi lạm phát tại nhiều quốc gia có xu hướng hạ nhiệt, điều kiện tài chính từng bước cải thiện và các chính sách hỗ trợ tăng trưởng tiếp tục được triển khai.

b. Tổng quan kinh tế vĩ mô Việt Nam

Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động, Việt Nam trong năm 2025 tiếp tục ghi nhận nhiều kết quả tích cực và duy trì đà tăng trưởng cao. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tăng 8,02% so với năm trước, thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng nổi bật trong khu vực.

Động lực tăng trưởng tiếp tục đến từ khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò dẫn dắt sản xuất và xuất khẩu. Khu vực dịch vụ duy trì mức tăng trưởng tích cực, đóng góp quan trọng vào mức tăng chung của nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, gắn với nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả tăng trưởng. Đồng thời, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngày càng trở thành động lực quan trọng thúc đẩy hoạt động sản xuất và kinh doanh. Năm 2025, tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số ước đạt khoảng 14,02% GDP, cho thấy vai trò ngày càng rõ nét của quá trình số hóa trong nền kinh tế.

Nhìn chung, năm 2025 ghi nhận nhiều điểm sáng khi nền kinh tế duy trì ổn định vĩ mô, các động lực tăng trưởng từng bước được củng cố và môi trường sản xuất – kinh doanh tiếp tục được cải thiện, qua đó tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian tới.

2. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh

Năm 2025 đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ trong hoạt động kinh doanh của Nova Consumer, với kết quả đạt được vượt kỳ vọng so với kế hoạch đề ra. Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức từ biến động kinh tế vĩ mô, dịch bệnh và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong ngành, Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt, tối ưu hóa hoạt động sản xuất – kinh doanh và nâng cao hiệu quả quản trị. Kết quả hoạt động kinh doanh của Nova Consumer cụ thể:

DVT: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | TH 2024 | TH 2025 | %TH2025/TH2024 |
|-------------------------------|---------|---------|----------------|
| Tổng Tài Sản / Tổng Nguồn Vốn | 3.776 | 3.929 | 4,05% |
| Doanh thu thuần | 4.249 | 4.525 | 6,50% |
| Lợi nhuận thuần | 129 | 243 | 88,37% |
| Lợi nhuận khác | (3) | 2 | - |
| LNTT | 126 | 246 | 95,24% |
| LNST | 99 | 216 | 118,18% |

Tại thời điểm 31/12/2025, Tổng Tài Sản/Tổng Nguồn Vốn của Công ty đạt 3.929 tỷ đồng và tăng 4,05 %, tương đương khoảng 153 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm.

Doanh thu thuần hợp nhất của Công ty đạt 4.525 tỷ đồng, tăng 6,50% so với năm 2024. LNTT và LNST hợp nhất lần lượt ghi nhận giá trị 246 tỷ đồng và 216 tỷ đồng.

Kết quả này cho thấy những chuyển biến tích cực trong hoạt động SXKD của Nova Consumer, phản ánh hiệu quả của các giải pháp tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành mà Công ty đã triển khai trong thời gian qua.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Đặc điểm hoạt động đầu tư và thực hiện các dự án tại Nova Consumer

Nova Consumer hoạt động theo mô hình tập đoàn, trong đó công ty mẹ giữ vai trò quản lý, điều phối nguồn lực và hỗ trợ kết nối hoạt động sản xuất, kinh doanh giữa các công ty thành viên.

b. Tình hình thực hiện đầu tư các dự án đầu tư lớn của Nova Consumer trong năm 2025

Trong năm 2025, Nova Consumer tiếp tục thực hiện các hoạt động đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD tại các công ty thành viên thông qua việc tăng cường nguồn lực tài chính và hỗ trợ triển khai các kế hoạch phát triển theo định hướng chung của Tập đoàn. Trong năm, Công ty không phát sinh các dự án đầu tư quy mô lớn ở cấp Tập đoàn.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

ĐVT: Tỷ đồng

| Khoản mục | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | Tăng/Giảm | |
|------------------|--------------|----------------|--------------|----------------|------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ lệ |
| Tài sản ngắn hạn | 2.058 | 54,52% | 2.288 | 58,23% | 230 | 11,18% |
| Tài sản dài hạn | 1.717 | 45,48% | 1.641 | 41,77% | (76) | (4,43%) |
| TTS | 3.776 | 100,00% | 3.929 | 100,00% | 154 | 4,05% |

Tính tới thời điểm ngày 31/12/2025, TTS của Công ty được ghi nhận là 3.929 tỷ đồng, tăng 4,05% so với đầu năm.

Cơ cấu tài sản có sự dịch chuyển theo hướng gia tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn, chiếm 58,23% TTS, so với mức 54,52% tại thời điểm cuối năm 2024. Giá trị tài sản ngắn hạn đạt 2.288 tỷ đồng, tăng 11,18% (tương ứng tăng khoảng 230 tỷ đồng).

b. Tình hình nguồn vốn

ĐVT: Tỷ đồng

| Khoản mục | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | Tăng/Giảm | |
|-----------------------|--------------|----------------|--------------|----------------|------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ lệ |
| Nợ phải trả | 1.771 | 46,91% | 1.801 | 45,84% | 30 | 1,69% |
| - Nợ ngắn hạn | 1.648 | 43,66% | 1.676 | 42,66% | 28 | 1,70% |
| - Nợ dài hạn | 123 | 3,25% | 125 | 3,18% | 2 | 1,63% |
| Nguồn VCSH | 2.005 | 53,09% | 2.128 | 54,16% | 123 | 6,13% |
| Tổng nguồn vốn | 3.776 | 100,00% | 3.929 | 100,00% | 153 | 4,05% |

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng nguồn vốn của Công ty đạt 3.929 tỷ đồng, tăng 4,05% so với đầu năm, tương ứng với mức tăng của tổng tài sản.

Nợ phải trả ghi nhận ở mức 1.801 tỷ đồng, tăng 1,69% so với năm 2024, chiếm 45,84% tổng nguồn vốn, cho thấy Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu đòn bẩy tài chính ở mức hợp lý. Trong đó:

- Nợ ngắn hạn đạt 1.676 tỷ đồng, chiếm 42,66% tổng nguồn vốn, tăng nhẹ so với cùng kỳ, chủ yếu phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động SXKD.
- Nợ dài hạn đạt 125 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,18%, duy trì ở mức thấp và ổn định, phản ánh định hướng thận trọng trong việc sử dụng đòn bẩy tài chính dài hạn của Công ty.

VCSH đạt 2.128 tỷ đồng, tăng 6,13% so với năm trước, nâng tỷ trọng lên 54,16% tổng nguồn vốn. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ LNST chưa phân phối, thể hiện năng lực tạo dòng tiền và tích lũy nội tại của Công ty.

Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn năm 2025 cho thấy Công ty duy trì nền tảng tài chính an toàn, tỷ lệ VCSH ở mức cao, đồng thời kiểm soát tốt nghĩa vụ nợ, qua đó nâng cao khả năng tự chủ tài chính và hạn chế rủi ro thanh khoản.

c. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2025 |
|--|------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Khả năng thanh toán ngắn hạn | lần | 1,25 | 1,37 |
| Khả năng thanh toán nhanh | lần | 0,84 | 0,92 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số nợ/ TTS | lần | 0,47 | 0,46 |
| Hệ số nợ/ VCSH | lần | 0,88 | 0,85 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | vòng | 5,15 | 5,28 |
| Vòng quay TTS | vòng | 1,11 | 1,17 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số LNST/ DTT (ROS) | % | 2,33% | 4,78% |
| Hệ số LNST/ VCSH bình quân (ROE) | % | 5,03% | 10,47% |
| Hệ số LNST/ TTS bình quân (ROA) | % | 2,59% | 5,62% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DTT | % | 3,04% | 5,38% |

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2025, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt 1,37 và 0,92, cải thiện so với mức 1,25 và 0,84 của năm 2024.

Các chỉ số này cho thấy khả năng thanh khoản của Công ty tiếp tục được củng cố. Việc hệ số thanh toán nhanh tiệm cận mức 1 phản ánh Công ty ngày càng nâng cao chất lượng tài sản lưu động, đảm bảo khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn mà không phụ thuộc nhiều vào việc xử lý hàng tồn kho.

Nhìn chung, Công ty duy trì nền tảng thanh khoản an toàn, chủ động trong quản trị vốn lưu động và kiểm soát rủi ro tài chính, qua đó đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định và liên tục.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2025, các chỉ tiêu cơ cấu vốn tiếp tục được cải thiện với hệ số nợ/TTS và nợ/VCSH lần lượt đạt 0,46 và 0,85, giảm nhẹ so với năm 2024 (0,47 và 0,88).

Cơ cấu nguồn vốn lành mạnh là nền tảng quan trọng giúp Công ty tăng trưởng hiệu quả và vẫn kiểm soát được tính thanh khoản của Công ty.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2025, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động có sự cải thiện:

- Vòng quay hàng tồn kho đạt 5,28 vòng, tăng so với mức 5,15 vòng năm 2024.

- Vòng quay TTS đạt 1,17 vòng, tăng so với 1,11 vòng năm 2024.

Các chỉ số này vẫn cho thấy Công ty duy trì hiệu quả vận hành ổn định, đồng thời chủ động chuẩn bị nguồn lực cho chu kỳ tăng trưởng tiếp theo.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2025 ghi nhận sự cải thiện mạnh mẽ về hiệu quả sinh lời của Công ty. Cụ thể:

- ROS đạt 4,78% (so với 2,33% năm 2024)
- ROE đạt 10,47% (so với 5,03% năm 2024)
- ROA đạt 5,62% (so với 2,59% năm 2024)
- Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT đạt 5,38% (so với 3,04% năm 2024)

Sự gia tăng đồng loạt của các chỉ tiêu này phản ánh chất lượng tăng trưởng được cải thiện rõ rệt, không chỉ đến từ tăng doanh thu mà còn nhờ tối ưu chi phí, cải thiện biên lợi nhuận và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

5. Tổ chức và nhân sự

a. Số lượng và cơ cấu nhân sự

Tổng số nhân sự của Nova Consumer tính đến ngày 31/12/2025 là 1.994 nhân viên, tăng tương đương 3,96% so với cùng kỳ năm 2024.

Cơ cấu người lao động tại ngày 31/12/2025 như sau:

Cơ cấu lao động tại Công ty tại ngày 31/12/2025

| STT | Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|------------|------------------------------------|------------------|----------------|
| I | Theo trình độ lao động | 1.994 | 100,00% |
| 1 | Trình độ trên đại học | 50 | 2,51% |
| 2 | Trình độ đại học, cao đẳng | 685 | 34,35% |
| 3 | Trình độ trung cấp | 176 | 8,83% |
| 4 | Công nhân kỹ thuật | 22 | 1,10% |
| 5 | Lao động phổ thông | 1.061 | 53,21% |
| II | Theo loại hợp đồng lao động | 1.994 | 100,00% |
| 1 | Hợp đồng không thời hạn | 712 | 35,71% |
| 2 | Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm) | 153 | 7,67% |
| 3 | Hợp đồng xác định từ 1-3 năm | 1.129 | 56,62% |
| III | Theo giới tính | 1.994 | 100,00% |
| 1 | Nam | 1.361 | 68,25% |
| 2 | Nữ | 633 | 31,75% |

Cơ cấu người lao động tại Công ty mẹ tại ngày 31/12/2025

| STT | Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|------------|------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| I | Theo trình độ lao động | 31 | 100,00% |
| 1 | Trình độ trên đại học | 1 | 3,23% |
| 2 | Trình độ đại học, cao đẳng | 21 | 67,74% |
| 3 | Trình độ trung cấp | 4 | 12,90% |
| 4 | Công nhân kỹ thuật | 0 | 0,00% |
| 5 | Lao động phổ thông | 5 | 16,13% |
| II | Theo loại hợp đồng lao động | 31 | 100,00% |
| 1 | Hợp đồng không thời hạn | 18 | 58,06% |
| 2 | Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm) | 0 | 0,00% |
| 3 | Hợp đồng xác định từ 1-3 năm | 13 | 41,94% |
| III | Theo giới tính | 31 | 100,00% |
| 1 | Nam | 9 | 29,03% |
| 2 | Nữ | 22 | 70,97% |

b. Các chính sách nhân sự

Nova Consumer đề cao giá trị con người, lấy con người làm trọng tâm phát triển. Công ty luôn coi trọng đội ngũ nhân sự như nguồn lực cốt lõi. Nhờ vậy, Công ty đã dành nhiều tâm huyết cho công tác tuyển dụng, đào tạo, phúc lợi và các chính sách khác nhằm xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và gắn kết.

Nova Consumer tự hào mang đến môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và đầy thử thách, nơi mỗi nhân viên được thỏa sức phát huy năng lực bản thân. Chúng tôi đề cao tinh thần đồng tâm hiệp lực, cùng chung tay hướng đến mục tiêu chung và cùng nhau tỏa sáng. Tại đây, mọi đóng góp, dù là nhỏ nhất, hướng đến mục tiêu đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty đều được ghi nhận và tưởng thưởng xứng đáng, công bằng.

Nova Consumer luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt cho sự thành công và PTBV. Chính vì vậy, Công ty luôn dành ưu tiên hàng đầu cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách nhân sự. Trong thời gian tới, Nova Consumer sẽ tập trung cải tiến các chính sách nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của đội ngũ nhân viên, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, khuyến khích sáng tạo và phát triển tiềm năng. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh các hoạt động thu hút nhân tài, tạo dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, gắn bó, góp phần đưa Nova Consumer vươn lên những tầm cao mới.

❖ Chính sách tuyển dụng

Nova Consumer cam kết tuyển dụng dựa trên năng lực và phẩm chất của ứng viên, đảm bảo sự công bằng cho tất cả mọi người.

Với tầm nhìn trở thành tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp, Nova Consumer luôn chú trọng đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực. Bên cạnh tuyển dụng nhân sự qua các kênh truyền

thống, Công ty triển khai chương trình tuyển sinh và đào tạo phối hợp với các đơn vị đào tạo uy tín. Chương trình hướng đến mục tiêu tuyển chọn và đào tạo những ứng viên tiềm năng, có năng lực và đam mê với ngành Nông nghiệp. Qua đó, Nova Consumer tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các nhà máy, nông trại và trang trại, góp phần vào sự phát triển chung của Công ty và ngành Nông nghiệp Việt Nam.

Ngoài ra, nhằm mục đích ổn định nhân sự cũng như tạo thêm việc làm cho con em, người lao động địa phương, Công ty luôn quan tâm phát triển nguồn nhân lực tại địa phương.

Hình thức tuyển dụng: Công ty có các hình thức tuyển dụng như sau:

- *Tuyển dụng chính thức:* Sau khi hoàn thành tốt thời gian thử việc, nhân viên được chính thức tuyển dụng, ký hợp đồng lao động và được hưởng đầy đủ các quyền lợi theo quy định.
- *Tuyển dụng thời vụ:* Áp dụng cho các nhân viên ký hợp đồng lao động thời vụ thời hạn dưới 1 năm, tính chất công việc mang tính thời vụ không ổn định, không áp dụng các chế độ quyền lợi như nhân viên được tuyển dụng chính thức.

Thử việc

- Thời gian thử việc trước khi trở thành nhân viên chính thức là tối đa 60 ngày; thời điểm kết thúc thử việc sẽ được thông báo đến người lao động trong thông báo tuyển dụng và hợp đồng thử việc.
- Trong thời gian thử việc, Công ty và người lao động đều có quyền chấm dứt việc tuyển dụng mà không cần phải báo trước hoặc bồi thường; người lao động được hưởng 90% đến 100% lương. Thời gian thử việc cũng được xem là thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc khi nghỉ việc.
- Khi kết thúc thời gian thử việc, Công ty sẽ đánh giá năng lực và sự phù hợp với vị trí công việc của người lao động. Nếu người lao động đạt yêu cầu, Công ty sẽ tiến hành ký hợp đồng lao động, ngược lại nếu không đạt yêu cầu, Công ty giải quyết thôi việc và thanh toán đầy đủ các chế độ đã thỏa thuận trong hợp đồng thử việc theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng lao động

- Sau khi hết thời gian thử việc, trường bộ phận nhận xét đánh giá và đề nghị Ban TGD phê duyệt quyết định tuyển dụng chính thức, phòng nhân sự có trách nhiệm soạn thảo hợp đồng lao động theo các hình thức sau: (1) Hợp đồng thời vụ có thời hạn dưới 12 tháng, (2) Hợp đồng có thời hạn từ 1 đến 3 năm, (3) Hợp đồng không thời hạn.
- Người lao động được yêu cầu ký và giữ 01 bản hợp đồng lao động theo mẫu qui định.
- Việc gia hạn hay chấm dứt hợp đồng sẽ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng lao động một tháng; thông thường hợp đồng lao động sẽ được gia hạn 01 năm (trừ những trường hợp khác do quyết định của Ban TGD).
- Tùy theo vị trí công việc và tầm quan trọng, người lao động có thể được yêu cầu ký vào hợp đồng cam kết bảo mật thông tin liên quan đến kinh doanh, hoạt động, để Công ty an tâm đào tạo; bản cam kết này hoàn toàn tự nguyện, không bắt buộc.

❖ Chính sách đào tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự PTBV, Nova Consumer luôn ưu tiên đầu tư vào công tác đào tạo và phát triển nhân viên. Chúng tôi tin rằng, việc trang bị kiến thức và kỹ năng chuyên nghiệp cho mỗi cán bộ nhân viên là chìa khóa để họ định hướng nghề nghiệp phù hợp, phát huy tối đa tiềm năng và cống hiến cho sự thành công chung của Công ty. Nova Consumer cam kết tạo môi trường học tập và phát triển toàn diện, giúp mỗi nhân viên hoàn thiện bản thân, trở thành những nhà lãnh đạo tài ba trong tương lai.

Nova Consumer hiểu rằng nguồn nhân lực là yếu tố then chốt cho sự PTBV. Do đó, Công ty luôn đầu tư vào công tác đào tạo và phát triển nhân viên một cách bài bản và hiệu quả. Các chương trình đào tạo được thiết kế đa dạng, phù hợp với nhu cầu của từng cá nhân và từng bộ phận, bao gồm đào tạo chuyên môn, kỹ năng mềm và đào tạo quản lý. Bên cạnh đó, Nova Consumer khuyến khích các cấp quản lý chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và hỗ trợ nhân viên phát triển. Nhờ vậy, Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo, có đủ kiến thức và kỹ năng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần đưa Nova Consumer ngày càng phát triển.

Công tác đào tạo được tổ chức và triển khai dưới các hình thức sau:

Đào tạo ban đầu: Nhân viên mới vào sẽ được tìm hiểu về Nội quy lao động của Công ty, các quy định, chính sách của Công ty, giới thiệu về các hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức của Công ty, nghiệp vụ chuyên môn... để nhanh chóng hòa nhập vào công việc. Việc đào tạo ban đầu do phòng nhân sự, quản lý trực tiếp và các trưởng bộ phận có liên quan thực hiện theo quy trình tiếp nhận nhân viên mới.

Đào tạo trong công việc (coaching, on job training, OJT): Việc đào tạo do các Giám sát hoặc Trưởng bộ phận phụ trách. Việc đào tạo này cũng được thực hiện khi người lao động được chuyển công việc vào vị trí công việc mới. Trong quá trình làm việc, nhân viên có nhiều kinh nghiệm sẽ hướng dẫn công việc cho nhân viên mới vào hay có ít kinh nghiệm hơn, công việc này được tiến hành thường xuyên ở mọi vị trí trong Công ty.

Đào tạo tại Công ty: Việc đào tạo được sắp xếp và tiến hành theo kế hoạch đào tạo hàng năm.

Cử đi đào tạo bên ngoài: Người lao động có thể tham dự những khóa đào tạo hoặc những buổi báo cáo chuyên đề của các tổ chức đào tạo trong nước hoặc ở nước ngoài.

Tự đào tạo: Công ty luôn khuyến khích người lao động tự nâng cao kiến thức ngoài giờ làm việc và thanh toán học phí cho các khóa có liên quan đến nghề nghiệp được Ban TGD duyệt chấp thuận vào đơn xin đi học và đề nghị hỗ trợ học phí.

Trong năm, Công ty đã tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng, các buổi đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn học tập liên tục nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nhận thức của toàn thể người lao động, một số chương trình đào tạo nổi bật:

- + Phát triển trí tuệ cảm xúc
- + Phát huy đồng cảm và kỹ năng tương tác
- + Nâng cao hiệu suất cá nhân trong công việc
- + Kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả

+ Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định

+ Đào tạo quy trình/ quy định/ chuyên môn theo từng khối, phòng ban.

Trung bình năm 2025, tổng số giờ đào tạo các khóa học là 2.426 giờ, với 772 khóa học, mỗi khóa học trung bình từ 3 giờ đến 4 giờ, tổng số khóa đào tạo cụ thể đối với từng phân loại nhân viên như sau:

+ Quản lý: 127 khóa/ năm

+ Nhân viên: 645 khóa/ năm.

❖ Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 44 tiếng/tuần. Trong đó, bộ phận văn phòng làm việc năm ngày làm việc/tuần (từ thứ hai đến thứ sáu); bộ phận sản xuất và bộ phận liên quan sản xuất làm việc sáu ngày làm việc/tuần (từ thứ hai đến thứ bảy).

Nova Consumer luôn quan tâm đến sức khỏe, tinh thần và hiệu quả công việc của cán bộ công nhân viên (CBCNV). Chúng tôi cam kết tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và tiện nghi, giúp CBCNV phát huy tối đa tiềm năng và cống hiến cho sự phát triển chung của Công ty. Nova Consumer đầu tư vào cơ sở vật chất hiện đại, trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị và phương tiện làm việc cần thiết. Đồng thời, Công ty cung cấp đồng phục và thiết bị bảo hộ lao động cá nhân cho CBCNV làm việc tại nhà máy, trang trại, đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe cho mọi người.

Với môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, tạo điều kiện để mỗi cán bộ công nhân viên đều có cơ hội tự khẳng định, phát huy hết năng lực của bản thân, đồng thời luôn có sự hỗ trợ hướng dẫn của cấp trên, sự phối hợp của đồng nghiệp và các bộ phận liên quan trên tinh thần vì sự phát triển chung của Công ty.

❖ Chính sách thưởng và phúc lợi

Tại Nova Consumer, chúng tôi luôn đề cao giá trị con người và cam kết mang đến môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh. Bên cạnh việc đảm bảo chế độ phúc lợi theo quy định pháp luật, Nova Consumer còn xây dựng và ban hành chính sách phúc lợi riêng, nhằm chuẩn hóa và nâng cao chất lượng cuộc sống cho CBCNV. Với sự quan tâm thiết thực của Công ty, CBCNV Nova Consumer luôn có tinh thần làm việc hăng say, gắn bó lâu dài và cống hiến hết mình cho sự phát triển chung của tập thể.

Chính sách chăm sóc sức khỏe: Tại Nova Consumer, sức khỏe và quyền lợi của người lao động luôn được quan tâm hàng đầu. Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động, đảm bảo cho người lao động được hưởng các quyền lợi chính đáng về sức khỏe theo quy định pháp luật hiện hành.

Chính sách lương: đảm bảo đãi ngộ công bằng, xét nâng lương định kỳ, trả lương theo năng lực, thưởng theo thành tích, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

- Mức lương cơ bản của người lao động sẽ được ghi bằng tiền đồng Việt Nam trong hợp đồng lao động.

- Kỳ lương mỗi tháng sẽ thay đổi theo chính sách tại từng công ty thành viên, riêng đối với công ty mẹ Nova Consumer kỳ lương được tính từ ngày 23 tháng trước đến ngày 22 của tháng hiện tại.
- Ngày công làm việc được xác định qua việc chấm công.

Lương hiệu quả công việc (KPI)

- + Lương hiệu quả công việc tại Nova Consumer được xây dựng dựa trên mục tiêu KPI được giao cho nhân viên hàng tháng. Các mục tiêu này được thỏa thuận cụ thể trong phụ lục hợp đồng, đảm bảo sự đồng thuận và thống nhất giữa hai bên.

Ngày trả lương

- + Lương cơ bản và Hiệu quả được thanh toán mỗi tháng một lần bằng tiền đồng Việt Nam vào ngày cuối tháng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhân viên. Nếu ngày trả lương trùng vào ngày lễ hoặc cuối tuần thì ngày trả lương là ngày kế cận trước khi nghỉ lễ hoặc cuối tuần.

Điều chỉnh và tăng lương, tăng thu nhập

- + Việc điều chỉnh lương dựa vào hoạt động kinh doanh của Công ty, mức độ lạm phát và tình hình biến động của thị trường lao động trong năm, lãnh đạo Công ty sẽ xem xét điều chỉnh lương/thu nhập cho phù hợp. Thu nhập chính bằng tiền của nhân viên bao gồm lương cơ bản, lương hiệu quả công việc và tiền thưởng cuối năm.
- + Hàng năm, việc tổng kết đánh giá thực hiện công việc của nhân viên sẽ được thực hiện vào cuối năm dựa vào các kết quả đánh giá và các văn bản khen thưởng hay kỷ luật lưu tại phòng nhân sự trong năm, nhân viên được xem xét điều chỉnh lương và thu nhập.

Phụ cấp ngoài lương: các khoản phụ cấp độc hại, phụ cấp làm thêm giờ, phụ cấp cơm trưa,...

Các khoản khấu trừ lương: các khoản khấu trừ lương nếu có sẽ được thực hiện theo luật định (thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải trả bởi nhân viên; vắng mặt không xin phép; nghỉ không lương, nghỉ lố phép; các khoản khấu trừ khác được sự đồng ý của nhân viên...)

Công tác phí: đảm bảo thanh toán công tác phí đầy đủ trong trường hợp nhân viên được điều động đi công tác.

Chính sách thưởng lễ, Tết và thưởng khác: chi trả lương tháng 13, thưởng hiệu quả cuối năm, tặng quà vào các ngày lễ trong năm, quà tặng sinh nhật cho cán bộ công nhân viên.

Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên soát xét và cải tiến chính sách lương, thưởng cho phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo tính cạnh tranh trong thị trường lao động.

❖ **Các chính sách khác**

Nova Consumer luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của CBCNV và xem đây là yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển chung của Công ty. Công ty phối hợp với các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban nữ công tổ chức nhiều hoạt động văn hóa thể thao sôi nổi, thu hút đông đảo CBCNV tham gia.

Đối với các trường hợp phải làm ca đêm, Công ty còn có các chế độ bồi dưỡng thực tế nhằm bồi dưỡng sức khỏe, tinh thần cũng như tạo tâm lý tốt nhất cho người lao động trong quá trình làm

việc.

Định kỳ hàng năm, Công ty mời các cơ quan chức năng kiểm tra độ ồn, rung, bụi... để có căn cứ nghiên cứu và trang bị bổ sung thêm phương tiện bảo vệ cá nhân như đồng phục, thiết bị bảo hộ cho nhân viên nhằm hạn chế ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe người lao động, giảm trừ những yếu tố nguy hiểm, có hại...; từ đó cải thiện môi trường làm việc và đưa ra chế độ phụ cấp độc hại.

Công ty luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp; trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, tập huấn công tác an toàn, vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

Ngoài ra, hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho Cán bộ công nhân viên được tham gia nghỉ dưỡng, team building và khuyến khích cán bộ công nhân viên nghỉ phép để phục hồi sức lao động.

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Thông tin cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 119.784.325 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 119.784.325 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 119.784.325 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

b. Cơ cấu sở hữu

❖ **Danh mục cổ đông (Tại ngày 31/12/2025)**

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông |
|-----|--------------------|-------------------|------------------|------------------|
| I | Cổ phiếu phổ thông | 119.784.325 | 100,00% | 520 |
| 1 | Cổ đông trong nước | 119.719.625 | 99,95% | 514 |
| | - Tổ chức | 99.155.914 | 82,78% | 03 |
| | - Cá nhân | 20.563.711 | 17,17% | 511 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 64.700 | 0,05% | 06 |
| | - Tổ chức | - | - | - |
| | - Cá nhân | 64.700 | 0,05% | 06 |
| II | Cổ phiếu ưu đãi | - | - | - |
| III | Cổ phiếu quỹ | - | - | - |

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông |
|-----------|-----------|-------------------|------------------|------------------|
| Tổng cộng | | 119.784.325 | 100,00% | 520 |

❖ Tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn: (Tại ngày 31/12/2025)

| STT | Tên | Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) |
|-----|---------------------------|---------------------------------|-------------------------|
| 1 | CTCP Thương Mại Bảo Khang | 78.587.385 | 65,61 |
| 2 | CTCP Đầu Tư A.N.O.V.A | 16.438.921 | 13,72 |

❖ Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50% (Tại ngày 31/12/2025)

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty được thành lập dưới hình thức CTCP vào năm 2004 với số VĐL là 5.005.000.000 đồng. Kể từ khi trở thành CTCP đến nay, Công ty đã thực hiện 09 đợt tăng VĐL nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh.

| Thời điểm | Vốn tăng thêm (đồng) | VĐL (đồng) | Phương thức tăng vốn |
|-----------|-------------------------|-----------------|---|
| 2004 | - | 5.005.000.000 | Thành lập Công ty |
| 2007 | 19.995.000.000 | 25.000.000.000 | Phát hành riêng lẻ, giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 2009 | 85.000.000.000 | 110.000.000.000 | Phát hành riêng lẻ, giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 2009 | 90.000.000.000 | 200.000.000.000 | Chào bán cổ phần riêng lẻ và phát hành cổ phiếu trả cổ tức, giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 2012 | 100.000.000.000 | 300.000.000.000 | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, giá phát hành là 17.000 đồng/cổ phiếu |
| 2015 | 25.000.000.000 | 325.000.000.000 | Chào bán cho cán bộ nhân viên (ESOP), giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 2016 | 62.797.770.000 | 387.797.770.000 | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và trái chủ, giá phát hành là 40.000 đồng/cổ phiếu |
| 2019 | 85.612.420.000 | 473.410.190.000 | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện |

| Thời điểm | Vốn tăng thêm (đồng) | VĐL (đồng) | Phương thức tăng vốn |
|-----------|----------------------|-------------------|---|
| | | | hữu và trái chủ, giá phát hành là 55.000 đồng/cổ phiếu |
| 2021 | 615.433.060.000 | 1.008.843.250.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn VCSH |
| 2022 | 109.000.000.000 | 1.197.843.250.000 | Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, giá chào bán là 44.000 đồng/cổ phiếu |



IV. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá hoạt động kinh doanh trong năm 2025

a. Kết quả hoạt động SXKD năm 2025 so với kế hoạch đã được phê duyệt

ĐVT: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | TH 2024 | KH 2025 | TH 2025 | %TH2025/KH2025 | %TH2025/TH2024 |
|--------------------|---------|---------|---------|----------------|----------------|
| Doanh thu thuần | 4.249 | 4.800 | 4.525 | 94,27% | 106,50% |
| Lợi nhuận sau thuế | 99 | 120 | 216 | 180,00% | 218,18% |

Năm 2025, Doanh thu thuần của Công ty đạt 4.525 tỷ đồng, hoàn thành 94,27% kế hoạch đề ra và tăng 6,50% so với năm 2024. LNST đạt 216 tỷ đồng, vượt 80% kế hoạch năm và tăng 118,18% so với năm trước.

Kết quả trên cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã cải thiện rõ rệt trong năm 2025. Mặc dù doanh thu chưa đạt kế hoạch đề ra, LNST vẫn tăng trưởng mạnh và vượt xa kế hoạch, phản ánh sự cải thiện tích cực về biên lợi nhuận cũng như hiệu quả trong công tác kiểm soát chi phí và tối ưu vận hành.

Kết quả này đến từ việc Công ty tiếp tục nâng cao hiệu quả hệ thống phân phối và tăng cường kiểm soát chi phí trong toàn hệ thống. Đồng thời, các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm tiếp tục được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường.

Với nền tảng hoạt động đã được củng cố, Công ty kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong các năm tiếp theo, hướng tới mục tiêu phát triển ổn định và bền vững.

b. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm 2025, Nova Consumer tiếp tục tăng cường hiệu quả công tác điều hành và phối hợp giữa công ty mẹ và các công ty thành viên, qua đó nâng cao tính đồng bộ trong triển khai kế hoạch kinh doanh trên toàn hệ thống. Việc phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị giúp rút ngắn thời gian ra quyết định, nâng cao hiệu quả triển khai và tăng khả năng thích ứng với diễn biến thị trường.

Đồng thời, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách quản trị theo hướng thống nhất và gắn với hiệu quả thực thi, bao gồm chính sách phát triển nguồn nhân lực, chăm sóc khách hàng và phát triển thị trường. Các chính sách này góp phần nâng cao hiệu quả vận hành nội bộ, cải thiện chất lượng dịch vụ và hỗ trợ hoạt động kinh doanh ổn định trong năm 2025.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a. Hiệu quả hoạt động của các khối phòng ban trong năm

Điều kiện thị trường của ngành chăn nuôi trong năm 2025 có nhiều cải thiện so với năm 2024, tạo nền tảng thuận lợi hơn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở đó, sự phối hợp giữa các khối phòng ban được tăng cường và nguồn lực được điều phối linh hoạt hơn, góp phần duy trì hoạt động ổn định và từng bước nâng cao hiệu quả vận hành.

b. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty được rà soát và hoàn thiện theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban được phân định rõ ràng hơn, đồng thời tăng cường phân cấp và phân quyền phù hợp với mô hình hoạt động theo chuỗi giá trị.

c. Xây dựng văn hóa và nhận dạng thương hiệu

Các hoạt động marketing và chăm sóc khách hàng được triển khai theo định hướng nâng cao chất lượng dịch vụ và củng cố hình ảnh thương hiệu trên thị trường. Các chương trình được thiết kế phù hợp với từng nhóm khách hàng mục tiêu, góp phần duy trì mối quan hệ với khách hàng hiện hữu và hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ.

d. Chiến lược phát triển sản phẩm

Song song với đó, Công ty duy trì định hướng nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua việc tăng cường kiểm soát chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất và phát triển sản phẩm. Đồng thời, cơ cấu sản phẩm được rà soát theo hướng phù hợp hơn với nhu cầu thị trường và hiệu quả kinh

doanh.

Bên cạnh đó, các giải pháp kiểm soát chi phí đầu vào và tối ưu hoạt động cung ứng tiếp tục được triển khai nhằm góp phần ổn định giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả SXKD.

3. Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2026

a. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026

DVT: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2025 | Kế hoạch 2026 | Tăng/ giảm % so với năm 2026 | Tăng/ giảm giá trị so với năm 2026 |
|-----|--------------------|----------------|---------------|------------------------------|------------------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 4.525 | 5.110 | 12,93% | 585 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 216 | 260 | 20,37% | 44 |

b. Kế hoạch đầu tư năm 2026

Trong năm 2026, Công ty sẽ tiếp tục củng cố hoạt động kinh doanh bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm, tập trung tối đa công suất các trang trại đang thuê hiện tại để tối ưu các chi phí. Bên cạnh đó, Công ty vẫn sẽ tiếp tục duy trì và phát triển thị phần hiện tại trong mảng thuốc thú y, nâng công suất sản xuất của các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi hiện hữu để mở rộng thêm thị phần trong năm 2026.

4. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2025, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban TGD không có ý kiến giải trình thêm.

V. Quản trị Công ty

1. Báo cáo Hội đồng quản trị

a. Hoạt động của HĐQT trong năm 2025

Xuyên suốt trong năm 2025, HĐQT sâu sát chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty cụ thể:

- Thực hiện việc giám sát và hỗ trợ Ban TGD trong việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường năm 2025 thành công, kính trình và đã được ĐHĐCĐ 2025 thông qua nhiều vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh.
- Duy trì chế độ báo cáo định kỳ của Ban TGD cho HĐQT về tình hình kinh doanh và điều hành Công ty.
- Duy trì chế độ báo cáo đột xuất và kịp thời chỉ đạo đối với các vấn đề bất thường xảy ra trong hoạt động kinh doanh hằng ngày có ảnh hưởng đến uy tín và kết quả kinh doanh của Công ty.
- HĐQT luôn đồng hành cùng Ban TGD nhằm triển khai các hoạt động SXKD để thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra.

Các cuộc họp của HĐQT

HĐQT đã tổ chức 25 phiên họp và ban hành 34 Nghị quyết thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, trong đó có 25 phiên họp trực tiếp và 0 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Tỷ lệ tham dự như sau:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------------------|-------------------------|-------------|---------------|---|
| 1 | Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Chủ tịch HĐQT | 25/25 | 100% | - |
| 2 | Ông Nguyễn Quang Phi Tín | Thành viên HĐQT | 17/25 | 68% | Miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 27/08/2025 |
| 3 | Bà Trần Thị Thu Thảo | Thành viên độc lập HĐQT | 25/25 | 100% | - |
| 4 | Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên | Thành viên HĐQT | 08/25 | 32% | Được bầu Thành viên HĐQT từ ngày 27/08/2025 |

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành năm 2025

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|--|
| 1 | 01/2025/NQ/HĐQT-NCG | 28/03/2025 | Thông qua bảo lãnh cho khoản cấp tín dụng 7.000.000.000 VND của CTCP Thực phẩm Xuxifarm tại Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam |
| 2 | 02/2025/NQ/HĐQT-NCG | 10/04/2025 | Thông qua gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 |
| 3 | 03/2025/NQ/HĐQT-NCG | 29/04/2025 | Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 |
| 4 | 04/2025/NQ/HĐQT-NCG | 30/05/2025 | Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 |
| 5 | 05/2025/NQ/HĐQT-NCG | 19/06/2025 | Thông qua bổ nhiệm Bà Đặng Ngọc Khánh Vân giữ chức vụ Phó TGĐ Điều hành Và Quản trị Hệ Thống của Công ty |
| 6 | 06/2025/NQ/HĐQT-NCG | 09/07/2025 | Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông Công ty thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 |
| 7 | 07/2025/NQ/HĐQT-NCG | 16/07/2025 | Thông qua việc thay đổi người đại diện quản lý toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sản Xuất và Thương |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|---|
| | | | Mại Nova Beverages |
| 8 | 08/2025/NQ/HĐQT-NCG | 16/07/2025 | Thông qua việc thay đổi người đại diện quản lý toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mộc |
| 9 | 09/2025/NQ/HĐQT-NCG | 18/07/2025 | Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2025 |
| 10 | 10/2025/NQ/HĐQT-NCG | 23/07/2025 | Thông qua bổ nhiệm Ông Huỳnh Bảo Thuận giữ chức vụ Phó TGD Sale và Marketing của Công ty |
| 11 | 11/2025/NQ/HĐQT-NCG | 24/07/2025 | Thông qua mức thù lao cụ thể và thực hiện chi trả thù lao cho các Thành viên HĐQT |
| 12 | 12/2025/NQ/HĐQT-NCG | 30/07/2025 | Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường 2025 |
| 13 | 13/2025/NQ/HĐQT-NCG | 31/07/2025 | Thông qua việc miễn nhiệm TGD và thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty |
| 14 | 14/2025/NQ/HĐQT-NCG | 01/08/2025 | Thông qua việc thay đổi người đại diện vốn của Công ty tại Tổng Công ty Mía Đường II – CTCP |
| 15 | 15/2025/NQ/HĐQT-NCG | 01/08/2025 | Thông qua việc thay đổi người đại diện vốn của Công ty tại CTCP Anova Biotech |
| 16 | 16/2025/NQ/HĐQT-NCG | 01/08/2025 | Thông qua việc thay đổi người đại diện vốn của Công ty tại CTCP Thành Nhơn |
| 17 | 17/2025/NQ/HĐQT-NCG | 01/08/2025 | Thông qua việc thay đổi người đại diện vốn của Công ty tại CTCP Anova Feed |
| 18 | 18/2025/NQ/HĐQT-NCG | 01/08/2025 | Thông qua việc thay đổi người đại diện vốn của Công ty tại CTCP Anova Tech |
| 19 | 19/2025/NQ/HĐQT-NCG | 01/08/2025 | Thông qua bổ nhiệm Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên giữ chức vụ Phó TGD của Công ty |
| 20 | 20/2025/NQ/HĐQT-NCG | 13/08/2025 | Thông qua việc bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường 2025 |
| 21 | 21/2025/NQ/HĐQT-NCG | 15/08/2025 | Thông qua danh sách ứng viên được Cổ đông đề cử vào vị trí Thành viên HĐQT |
| 22 | 22/2025/NQ/HĐQT-NCG | 05/09/2025 | Thông qua việc chấp nhận bảo lãnh cho các nghĩa vụ phát sinh từ các khoản cấp tín dụng của CTCP Thành Nhơn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|---|
| 23 | 23/2025/NQ/HĐQT-NCG | 14/10/2025 | Thông qua việc miễn nhiệm Phó TGD Sale và Marketing đối với ông Huỳnh Bảo Thuận |
| 24 | 24/2025/NQ/HĐQT-NCG | 14/10/2025 | Thông qua việc bổ nhiệm Ông Trần Mạnh Hào giữ chức vụ TGD của Công ty |
| 25 | 25/2025/NQ/HĐQT-NCG | 14/10/2025 | Thông qua việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty |
| 26 | 26/2025/NQ/HĐQT-NCG | 21/10/2025 | Thông qua việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty |
| 27 | 27/2025/NQ/HĐQT-NCG | 17/11/2025 | Thông qua việc chấp nhận bảo lãnh cho các nghĩa vụ phát sinh từ các khoản cấp tín dụng của CTCP Anova Feed tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn |
| 28 | 28/2025/NQ/HĐQT-NCG | 01/12/2025 | Thông qua việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty |
| 29 | 29/2025/NQ/HĐQT-NCG | 01/12/2025 | Thông qua việc miễn nhiệm Phó TGD Điều hành Và Quản trị Hệ Thống của Công ty |
| 30 | 30/2025/NQ/HĐQT-NCG | 01/12/2025 | Thông qua việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị |
| 31 | 31/2025/NQ/HĐQT-NCG | 01/12/2025 | Thông qua việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị |
| 32 | 32/2025/NQ/HĐQT-NCG | 11/12/2025 | Thông qua việc miễn nhiệm Giám Đốc Tài Chính |
| 33 | 33/2025/NQ/HĐQT-NCG | 22/12/2025 | Thông qua việc đầu tư thêm vốn vào Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mọc |
| 34 | 34/2025/NQ/HĐQT-NCG | 31/12/2025 | Thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages |

b. Kết quả thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2025

ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã thông qua các chiến lược phát triển quan trọng cho Công ty. Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên đang nỗ lực để thực hiện các Nghị quyết của Đại hội một cách hiệu quả nhất. Cụ thể như sau:

- DTT đạt 4.525 tỷ đồng tương đương đạt 94,27% so với kế hoạch kinh doanh đã đề ra và tăng 6,05% so với năm 2025, LNST ghi nhận 216 tỷ đồng đạt 218,18% kế hoạch đề ra.

- Lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) – một trong bảy đơn vị kiểm toán đã được ĐHĐCĐ thông qua là đơn vị thực hiện kiểm toán các BCTC của Công ty trong năm tài chính 2025.

c. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2025, trước tình hình kinh tế trong và ngoài nước vẫn còn nhiều biến động, HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên của Công ty đã đồng hành và vượt qua những khó khăn trong năm 2025. Với kết quả kinh doanh khả quan, đạt mục tiêu đề ra, HĐQT tin tưởng Công ty sẽ đạt được các mục tiêu thách thức hơn trong năm 2026.

d. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD

Ban TGD đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT đưa Công ty vượt qua giai đoạn biến động chung của nền kinh tế toàn cầu. Nhờ sự nỗ lực của Ban TGD, các kế hoạch, chiến lược, mục tiêu của Công ty đã được điều chỉnh phù hợp và thực hiện hiệu quả.

Trong năm 2025, HĐQT tiếp tục giám sát, chỉ đạo Ban TGD trong việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. HĐQT luôn đồng hành cùng Ban TGD nhằm triển khai các hoạt động SXKD để thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra, đảm bảo tuân thủ pháp luật trong hoạt động vận hành, kinh doanh.

e. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT

Sự tham gia của thành viên độc lập HĐQT đóng góp vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả hoạt động của HĐQT. Với tinh thần trách nhiệm cao, họ đã đề xuất nhiều giải pháp sáng tạo, đưa ra quyết định đúng đắn, kịp thời và tuân thủ luật pháp, góp phần đưa Công ty PTBV. Cụ thể:

- Với tinh thần trách nhiệm cao, thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát, đảm bảo hoạt động quản lý điều hành của Công ty tuân thủ luật pháp và mang lại lợi ích cho tất cả các cổ đông.
- Thành viên độc lập HĐQT của Công ty đã lập đầy đủ các báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.
- Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT trong UBKT được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ các quy định của Điều lệ và Quy chế QTCT.

f. Hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT:

Ủy ban Kiểm toán:

- Thảo luận về kế hoạch công việc năm 2025 và phân công cho từng thành viên
- Thảo luận về kế hoạch công việc năm 2025 của Phòng KTNB.
- Giám sát hoạt động của Phòng KTNB.
- Tham gia ĐHĐCĐ 2025 và báo cáo hoạt động năm 2024 của Thành viên độc lập HĐQT trong UBKT.

Tiểu Ban Nhân Sự:

- Tham mưu cho Ban TGD, HĐQT chính sách thu hút nhân tài, hoàn thiện tinh gọn bộ máy lao động đảm bảo đúng pháp luật lao động. Việc xây dựng chính sách thu hút

nhân tài và tinh gọn bộ máy lao động đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Tư vấn cho Ban TGD, HĐQT các chính sách đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Tiểu Ban Lương Thưởng:

- Giám sát việc triển khai chính sách thù lao Thành viên HĐQT tuân thủ Nghị Quyết HĐQT đã được phê duyệt.
- Tham mưu cơ cấu thù lao, chính sách lương thưởng, chế độ đãi ngộ nhằm giữ chân nhân sự chủ chốt của Công ty.

Tiểu Ban Chính Sách Phát Triển:

- Trợ giúp HĐQT trong việc xác định các vấn đề chiến lược then chốt đối với Công ty, trợ giúp HĐQT phân tích lựa chọn chiến lược phù hợp.
- Đưa ra các khuyến nghị cho HĐQT về tầm nhìn, sáng kiến chiến lược và những chương trình hành động của Công ty.

g. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về QTCT:

Không có

h. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Chiến lược phát triển của Công ty trong năm 2026 tập trung vào việc triển khai hoạt động kinh doanh cốt lõi trong lĩnh vực nông nghiệp một cách bền vững. Công ty sẽ đầu tư vào mô hình chăn nuôi hiệu quả, ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Mục tiêu của Công ty là xây dựng một chuỗi thực phẩm sạch, an toàn, truy xuất nguồn gốc và khép kín chuỗi cung ứng. Để thực hiện mục tiêu này, Công ty sẽ huy động vốn để đầu tư mạnh mẽ vào các khâu trong chuỗi giá trị, từ sản xuất, chế biến đến phân phối. Việc phát triển mô hình 3F hiệu quả cũng là một phần quan trọng trong chiến lược này.

Dự kiến trong năm 2026, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có bước phát triển hơn năm 2025 vì nền kinh tế phục hồi, tăng trưởng, nhu cầu tiêu dùng nội địa tăng. Bên cạnh sự tăng trưởng bền vững của các mảng kinh doanh truyền thống trong lĩnh vực nông nghiệp, ngành hàng tiêu dùng được đầu tư và phát triển cũng đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh chung của Công ty.

2. Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT

Tại Nova Consumer, hiện tại, HĐQT có ba (03) thành viên, trong đó có một (01) thành viên độc lập giữ chức vụ Chủ tịch UBKT. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong năm 2025 cũng chính là hoạt động của UBKT.

3. Báo cáo của Ủy ban kiểm toán

a. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2025

Trong năm 2025, UBKT đã thực hiện những việc sau:

- Giám sát hệ thống KSNB và QLRR thông qua hệ thống báo cáo QTCT, trao đổi, làm việc với Ban điều hành.

- Giám sát thông qua định kỳ làm việc trực tiếp với KTNB và các báo cáo kiểm toán của KTNB.
- Giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, mức độ hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động, các kế hoạch đã hoàn thành, các vấn đề trọng yếu mà Ban điều hành đang giải quyết, kế hoạch thực hiện thông qua hệ thống báo cáo QTCT.
- Xem xét và báo cáo kết quả KTNB, tình hình giám sát hệ thống KSNB và QLRR đến HĐQT.

Trong năm, UBKT đã tổ chức 02 phiên họp với các nội dung và tỷ lệ thông qua như sau:

| STT | Nội dung | Ngày họp | Nội dung chi tiết | Kết quả |
|-----|--|------------|--|--------------------------|
| 1 | Báo cáo hoạt động 2024 của Thành viên độc lập HĐQT trong UBKT tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 | 24/06/2025 | Thảo luận và đồng ý phát hành Báo cáo hoạt động 2024 của thành viên độc lập HĐQT trong UBKT tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 | Tán thành 02/02 phiếu |
| 2 | Báo cáo hoạt động của UBKT trong 6 tháng đầu năm 2025 | 18/07/2025 | Báo cáo hoạt động của UBKT trong 6 tháng đầu năm 2025 | Tán thành 02/02 phiếu |

Trong năm 2025, UBKT đã thực hiện hai cuộc họp với số lượng thành viên tham dự là 2/2 và tất cả các thành viên UBKT đều bỏ phiếu tán thành cho các nội dung đã trình bày.

b. Kết quả giám sát đối với BCTC, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty

BCTC được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành. BCTC được lập phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính của Công ty.

Các nghị quyết, quyết định được ban hành hợp lệ, đúng thẩm quyền và tuân thủ chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán và tuân thủ chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty và người nội bộ Công ty; người có liên quan của người nội bộ với Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát

Công ty đã tuân thủ quy định có liên quan về thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và thuyết minh giao dịch giữa Công ty và người nội bộ Công ty; người có liên quan của người nội bộ với Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

d. Kết quả đánh giá về hệ thống KSNB và QLRR tại Công ty

Sự phối hợp hiệu quả giữa UBKT và Ban điều hành Công ty đã giúp Công ty chủ động nắm bắt diễn biến thị trường, dự báo rủi ro và đưa ra các phương án kinh doanh phù hợp. Nhờ đó, Công ty đã giảm thiểu được các rủi ro môi trường, kinh tế, luật pháp, rủi ro ngành và các rủi ro khác, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn và hiệu quả.

UBKT thực hiện chương trình giám sát hệ thống KSNB bao gồm đánh giá kế hoạch, chương trình làm việc năm 2025 của phòng QLRR, Quy trình, Tuân thủ.

UBKT thực hiện chương trình chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động phòng KTNB, bao gồm đánh giá Báo cáo Chất lượng KTNB 2025, kế hoạch KTNB 2025 theo định hướng rủi ro, đánh giá, rà soát chất lượng nhân sự KTNB, thẩm định Báo cáo KTNB trước khi phát hành.

UBKT, KTNB cùng tìm hiểu và trao đổi các kế hoạch, kiểm tra góp ý các kế hoạch, kiểm tra, chia sẻ các phát hiện, khuyến nghị trong công tác giám sát hệ thống KSNB, QLRR.

c. Kết quả giám sát đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và Ban quản lý Công ty

HĐQT luôn đảm bảo các cuộc họp được tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch và cẩn thận. Các nội dung thảo luận được báo cáo đầy đủ, đánh giá kỹ lưỡng để đưa ra những định hướng và giải pháp tốt nhất cho Công ty.

UBKT không chỉ thực hiện giám sát theo yêu cầu của HĐQT mà còn chủ động báo cáo chính sách QLRR, đề xuất giải pháp xử lý rủi ro, thúc đẩy củng cố quy chế, đào tạo nhận diện vi phạm, tăng cường an toàn bảo mật. Nhờ đó, UBKT góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả và tuân thủ quy định.

Sự tham dự của Chủ tịch UBKT vào các cuộc họp Ban TGD giúp đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa UBKT và Ban TGD trong việc giám sát và điều hành hoạt động của Công ty.

Sự tham gia của UBKT vào các cuộc họp HĐQT góp phần đảm bảo tính minh bạch, công khai và tuân thủ quy định trong việc xây dựng các văn bản quan trọng của Công ty.

f. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa UBKT, HĐQT và Ban TGD trong năm 2025

Sự phối hợp của UBKT với HĐQT, TGD và các cổ đông góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ quy định, hướng đến mục tiêu phát triển chung.

Ban TGD cởi mở, tạo điều kiện để UBKT tiếp cận nhân sự, hồ sơ, tài liệu phục vụ cho công tác giám sát chuyên môn của UBKT.

UBKT báo cáo định kỳ kết quả chương trình làm việc đến Chủ tịch HĐQT và luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Chủ tịch HĐQT đến các vấn đề rủi ro trọng yếu của Công ty.

g. Kiến nghị và phương hướng hoạt động của UBKT đối với năm 2026

Nhằm thực hiện mục tiêu theo dõi, kiểm soát, UBKT đề xuất kế hoạch hoạt động trong năm 2026 với các nội dung chính như sau:

- Đảm bảo thực hiện khuyến nghị KTNB và nâng cao năng lực KTNB theo kỳ vọng HĐQT.
- Giám sát Ban TGD thực hiện dự án cải tiến hệ thống kiểm soát, nâng cao vai trò và trách nhiệm của Người quản lý, đồng thời nhận diện rủi ro mới.
- Tiếp tục giám sát tập trung vào các dự án cải tiến như điều chỉnh bộ máy tổ chức, quy trình, khai thác dữ liệu, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và giá trị của Công ty.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và UBKT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Trong năm 2025, tổng thù lao của HĐQT đã thực hiện đúng theo phê duyệt của ĐHĐCĐ. Cụ thể như sau:

| STT | Họ và tên | Chức danh | Thù lao (đồng/người/năm) |
|--------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------------------|
| Hội đồng quản trị | | | |
| 1 | Nguyễn Hiếu Liêm | Chủ tịch | 240.000.000 |
| 2 | Nguyễn Quang Phi Tín | Thành viên | 120.000.000 |
| 3 | Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên | Thành viên | 60.000.000 |
| 4 | Trần Thị Thu Thảo | Thành viên độc lập | 180.000.000 |

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

5. Đánh giá việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty

“HĐQT xác định nâng cao chất lượng và năng lực QTCT là trọng tâm chiến lược. Mục tiêu là xây dựng hệ thống quản trị vững mạnh dựa trên thông lệ quốc tế và sức mạnh tổng thể của doanh nghiệp. Hệ thống này giúp kiểm soát và giám sát hoạt động hiệu quả, minh bạch và có trách nhiệm.”

a. Tình hình thực hiện các quy định về QTCT

❖ Tuân thủ quy định về công bố thông tin và minh bạch

Công ty đã nghiêm túc thực hiện các quy định về công bố thông tin tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, quy định của SGDCK Hà Nội và UBCKNN.

Công ty cam kết công khai minh bạch mọi thông tin liên quan đến hoạt động quản trị, kinh doanh và các sự kiện bất thường. Việc công bố thông tin được thực hiện đúng thời hạn quy định, đảm bảo quyền lợi cho tất cả cổ đông và nhà đầu tư.

Để nâng cao tính minh bạch, Công ty đã công bố đầy đủ các văn bản nội bộ quan trọng như Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế Công bố thông tin trên Website Công ty (Mục Quan hệ nhà đầu tư, Điều lệ-Quy chế). Các văn bản này được ĐHĐCĐ/HĐQT ban hành và đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành.

❖ Đối xử công bằng với cổ đông

Nova Consumer cam kết tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của tất cả các cổ đông, bao gồm cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài. Chúng tôi đảm bảo đối xử công bằng với tất cả các cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác, minh bạch, đầy đủ và kịp thời.

Nova Consumer cam kết tổ chức ĐHĐCĐ thường niên hiệu quả và minh bạch. Chúng tôi đảm bảo thông báo mời họp đầy đủ thông tin, tài liệu đính kèm đến các cổ đông. Đồng thời, tài liệu họp cũng được công bố trên website để cổ đông có thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành theo chương trình đã đề cập trong thư mời.

Tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của cổ đông là cam kết của Nova Consumer. Trong các cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, cổ đông được thực hiện đầy đủ các quyền lợi của mình một cách công bằng, bao gồm: đóng góp ý kiến, đề xuất, biểu quyết các nội dung, bầu cử HĐQT. Các quyền này được quy định rõ ràng trong Điều lệ Công ty và được pháp luật Việt Nam bảo vệ.

Năm 2025, Công ty đã tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên dưới hình thức họp trực tiếp ngày 25/06/2025 và cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường dưới hình thức họp trực tiếp ngày 27/08/2025 để thông qua và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ vừa đảm bảo quyền lợi của cổ đông vừa đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp về trình tự, thủ tục tổ chức/lấy ý kiến. Cụ thể, Chủ tịch HĐQT, Ban Điều hành đã trả lời các câu hỏi và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của các cổ đông; Biên bản họp/Biên bản kiểm phiếu ĐHĐCĐ được ghi chép chính xác, đầy đủ kịp thời theo quy định của pháp luật và được công bố kèm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ cho UBCKNN, SGDCK Hà Nội và Website Công ty đúng quy định.

❖ **Đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT**

Năm 2025, Nova Consumer sở hữu HĐQT với số lượng thành viên độc lập đáp ứng quy định. Các thành viên này có năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức cao, góp phần thúc đẩy nhận định độc lập của HĐQT và xây dựng hệ thống quản trị liêm chính, minh bạch.

b. Một số điểm cần tiếp tục cải thiện để nâng cao hiệu quả QTCT

Với mục tiêu áp dụng và từng bước tiệm cận các chuẩn mực về QTCT của khu vực và trên thế giới, trong thời gian tới Công ty cần tiếp tục thực hiện một số công tác sau liên quan đến QTCT:

❖ **Kế hoạch ngắn hạn**

Website của Nova Consumer đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin minh bạch và kết nối với các bên liên quan. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tập trung phát triển website theo hướng nâng cao nội dung, cải thiện giao diện, tăng cường tương tác và bảo mật thông tin. Mục tiêu là mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, nhà đầu tư và các đối tác, đồng thời nâng cao hình ảnh và uy tín của Nova Consumer trên thị trường.

Nova Consumer cam kết tiếp tục cập nhật, sửa đổi, bổ sung và tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin theo yêu cầu tại Thông tư 96/2020/TT-BTC và các chuẩn mực tại thể điểm QTCT khu vực ASEAN. Chúng tôi sẽ cung cấp các thông tin kịp thời, chính xác đến cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua các kênh truyền thông chính thức của Công ty, bao gồm website, báo cáo thường niên, BCTC.

Nâng cao năng lực QTCT là một trong những ưu tiên hàng đầu của Nova Consumer. Chúng tôi tham gia các khóa đào tạo do UBCKNN tổ chức để cập nhật kiến thức và kỹ năng quản trị tiên tiến nhất. Nova Consumer cũng cam kết áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất vào hoạt động QTCT. Để thực hiện cam kết này, chúng tôi thường xuyên cập nhật thông tin về QTCT trên thế giới, đồng thời hợp tác với các tổ chức quốc tế uy tín để xây dựng mô hình quản trị phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty. Nova Consumer tin rằng việc áp dụng QTCT hiệu quả sẽ góp phần nâng cao giá trị và uy tín của Công ty trên thị trường.

❖ **Kế hoạch dài hạn:** Nhằm nâng cao chất lượng QTCT, Công ty đã đặt ra các mục tiêu dài hạn cần tiếp tục tập trung triển khai và hoàn thiện trong giai đoạn tiếp theo như sau:

Nova Consumer luôn nỗ lực nâng cao hiệu quả quản trị để gia tăng giá trị cho các bên liên

quan. Chúng tôi cam kết tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp giữa công ty mẹ và các công ty thành viên, đồng thời nâng cao tính tuân thủ trong toàn hệ thống.

Nova Consumer xác định vai trò quản trị tập trung là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự phát triển đồng bộ và hiệu quả của toàn hệ thống. Chúng tôi sẽ tập trung hỗ trợ các công ty thành viên trong các lĩnh vực tài chính, nhân sự - đào tạo, công nghệ thông tin, thương hiệu, đầu tư, xây dựng cơ bản.

Thường xuyên cập nhật kiến thức, thông lệ quốc tế về QTCT trong và ngoài nước để vận dụng vào thực tiễn hoạt động của Nova Consumer.

Áp dụng Công cụ Thẻ điểm QTCT Khu vực Ascan để nâng cao năng lực và thực hành QTCT của Công ty tại Việt Nam và vươn ra khu vực.

Đẩy mạnh công tác QLRR, tuân thủ và KTNB để cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp.

6. Báo cáo Quản trị rủi ro

a. Mục đích Quản trị rủi ro

Nova Consumer luôn tiên phong trong việc áp dụng các phương pháp quản trị tiên tiến, bao gồm công tác quản trị rủi ro. Công ty đã xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, bao gồm các quy trình, công cụ và phương pháp để xác định, đánh giá và kiểm soát rủi ro. Ban lãnh đạo Công ty luôn cam kết thực hiện quản trị rủi ro một cách hiệu quả và thường xuyên cập nhật hệ thống quản trị rủi ro để phù hợp với môi trường kinh doanh thay đổi. Nhờ vậy, Nova Consumer đã có thể giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động và hướng đến mục tiêu PTBV. Hoạt động quản trị rủi ro tại Công ty hướng đến các mục tiêu:

- Kịp thời nhận diện rủi ro và khai thác các cơ hội, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động;
- Tăng cường năng lực trong việc ra quyết định, lập kế hoạch trên cơ sở hiểu biết thấu đáo về hoạt động và môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức của Công ty;
- Bảo vệ và tăng cường tài sản cũng như hình ảnh Nova Consumer;
- Phân định rõ ràng trách nhiệm sở hữu và quản trị rủi ro, xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục trong toàn Công ty.

b. Nhận diện rủi ro

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, cùng với các hoạt động kinh doanh của Nova Consumer, các rủi ro và mức độ ảnh hưởng đã được Ban lãnh đạo xác định bao gồm:

| Các rủi ro trọng yếu | Đánh giá mức độ rủi ro |
|-----------------------------|------------------------|
| Rủi ro tài chính | |
| - Rủi ro kinh tế | Cao |
| - Rủi ro tỷ giá | Cao |
| - Rủi ro lãi suất | Cao |
| Rủi ro đặc thù ngành | |

| | |
|---|------------|
| - Rủi ro về thị trường | Cao |
| - Rủi ro cạnh tranh | Trung bình |
| - Rủi ro nguyên liệu đầu vào | Trung bình |
| - Rủi ro về dịch bệnh và sự biến đổi khí hậu | Cao |
| Rủi ro hoạt động | |
| - Rủi ro pháp luật | Trung bình |
| - Rủi ro nguồn nhân lực | Thấp |
| - Rủi ro mua bán, sáp nhập (M&A) | Trung bình |
| - Rủi ro thương hiệu | Trung bình |
| Rủi ro môi trường – xã hội | |
| - Rủi ro ô nhiễm và sự cố môi trường | Trung bình |
| - Rủi ro an toàn và sức khỏe người lao động | Thấp |
| - Rủi ro sự cố chất lượng, an toàn thực phẩm, trách nhiệm cộng đồng | Thấp |
| Rủi ro khác | Thấp |

c. Phân tích và quản trị các rủi ro trọng yếu

❖ Rủi ro tài chính

Rủi ro kinh tế

Năm 2025, mặc dù kinh tế Việt Nam duy trì ổn định vĩ mô và ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực, môi trường kinh doanh vẫn tiềm ẩn một số yếu tố bất định do ảnh hưởng từ diễn biến kinh tế thế giới và sự phục hồi chưa đồng đều của nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Đối với ngành chăn nuôi, thị trường trong năm ghi nhận diễn biến đan xen khi giá heo hơi có xu hướng cải thiện trong một số giai đoạn, góp phần hỗ trợ hoạt động sản xuất của người chăn nuôi. Tuy nhiên, giá vẫn xuất hiện những nhịp điều chỉnh trong năm, cùng với rủi ro dịch bệnh, tiếp tục ảnh hưởng đến tâm lý và kế hoạch tái đàn.

Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng thực phẩm và hàng tiêu dùng tuy có dấu hiệu cải thiện nhưng vẫn duy trì ở mức thận trọng, dẫn đến sự phân hóa giữa các nhóm sản phẩm và thị trường tiêu thụ.

Trước bối cảnh đó, Công ty tiếp tục theo dõi sát diễn biến thị trường và chủ động triển khai các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp nhằm nâng cao khả năng thích ứng với các biến động có thể phát sinh trong giai đoạn tới.

Rủi ro tỷ giá

Biến động tỷ giá trong năm đã tạo áp lực nhất định lên chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu của Công ty. Tuy nhiên, nhờ chủ động cân đối nguồn ngoại tệ và điều chỉnh kế hoạch mua hàng phù hợp, tác động của tỷ giá được kiểm soát ở mức hợp lý. Đồng thời, hoạt động xuất khẩu cũng góp phần tạo nguồn thu ngoại tệ, hỗ trợ giảm thiểu một phần rủi ro tỷ giá.

Bước sang giai đoạn cuối năm 2025 và đầu năm 2026, thị trường ngoại hối có dấu hiệu ổn định hơn nhờ sự điều hành linh hoạt của cơ quan quản lý. Tuy vậy, trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều biến động, rủi ro tỷ giá vẫn có thể tiếp tục ảnh hưởng đến chi phí đầu vào và biên lợi nhuận của Công ty trong các kỳ tiếp theo.

Do đó, Công ty tiếp tục theo dõi sát diễn biến thị trường ngoại hối và chủ động triển khai các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp nhằm nâng cao khả năng ứng phó với biến động tỷ giá.

Rủi ro lãi suất

Trong năm 2025, mặt bằng lãi suất cho vay duy trì ở mức tương đối ổn định và có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2024, góp phần giảm áp lực chi phí tài chính và hỗ trợ hoạt động SXKD của Công ty.

Tuy nhiên, bước sang năm 2026, mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng trở lại do chịu ảnh hưởng từ áp lực lạm phát, biến động tỷ giá và các yếu tố điều hành chính sách tiền tệ trong và ngoài nước. Diễn biến này có thể làm gia tăng chi phí vốn, đặc biệt đối với các khoản vay ngắn hạn phục vụ nhu cầu vốn lưu động, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở đó, Nova Consumer tiếp tục duy trì chính sách quản trị vốn thận trọng, chủ động cân đối dòng tiền, tối ưu cơ cấu vay nợ và kiểm soát tỷ lệ đòn bẩy ở mức hợp lý nhằm giảm thiểu tác động của biến động lãi suất và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong các kỳ tiếp theo.

❖ Rủi ro đặc thù ngành

Nova Consumer hoạt động trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và chăn nuôi, do đó kết quả kinh doanh chịu ảnh hưởng trực tiếp từ diễn biến của thị trường chăn nuôi, đặc biệt là biến động giá heo hơi và nhu cầu tái đàn của người chăn nuôi.

Rủi ro về thị trường

Trong năm 2025, giá heo hơi vẫn biến động theo chu kỳ, qua đó ảnh hưởng đến tâm lý người chăn nuôi và nhu cầu tiêu thụ thức ăn chăn nuôi.

Bên cạnh đó, mức độ cạnh tranh trong ngành tiếp tục gia tăng, không chỉ từ các doanh nghiệp trong nước mà còn từ các tập đoàn đa quốc gia có lợi thế về quy mô, công nghệ và nguồn lực tài chính, tạo áp lực lên thị phần và biên lợi nhuận của doanh nghiệp trong ngành.

Trước những diễn biến này, Nova Consumer tiếp tục theo dõi sát diễn biến thị trường và triển khai các giải pháp quản trị phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của biến động thị trường và duy trì hiệu quả hoạt động trong các kỳ tiếp theo.

Rủi ro về cạnh tranh

Nông nghiệp Việt Nam hiện nay đang trong quá trình hội nhập sâu vào kinh tế thế giới với quy mô sản xuất nhỏ lẻ. Thực trạng này khiến cho ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Hội nhập kinh tế gia tăng áp lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp trong nước như Nova Consumer. Khi hàng rào thuế quan được gỡ bỏ, các doanh nghiệp phải đối mặt với sự khốc liệt của thị trường, với các hàng rào kỹ thuật, phí thuế quan và thậm chí là bảo hộ mậu dịch. Để tồn tại và phát triển, Công ty cần nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

Rủi ro về nguyên liệu đầu vào

Hoạt động sản xuất của Nova Consumer phụ thuộc vào sự ổn định và tính hiệu quả của nguồn cung nguyên liệu. Việc thiếu hụt hoặc biến động giá cả nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng và chi phí sản xuất của Nova Consumer. Các tác động khi nguồn cung thay đổi hay sự thiếu hụt trên thị trường thế giới có thể ảnh hưởng đến số lượng, giá cả nguyên liệu đầu vào, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro, Nova Consumer cần đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu, tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp uy tín và chủ động xây dựng dự trữ nguyên liệu.

Rủi ro về dịch bệnh và sự biến động của thời tiết

Trong năm 2025, rủi ro từ dịch bệnh và biến đổi khí hậu tiếp tục là thách thức lớn đối với ngành chăn nuôi. Các yếu tố thời tiết cực đoan như mưa bão, lũ lụt và nắng nóng kéo dài không chỉ ảnh hưởng đến điều kiện chăn nuôi mà còn tạo môi trường thuận lợi cho dịch bệnh phát sinh và lây lan.

Mặc dù vậy, ngành chăn nuôi cũng ghi nhận những tín hiệu tích cực khi dịch bệnh từng bước được kiểm soát tại một số khu vực, tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất dần phục hồi. Tuy nhiên, rủi ro dịch bệnh vẫn hiện hữu và có thể tái bùng phát bất cứ lúc nào, đặc biệt trong bối cảnh điều kiện thời tiết ngày càng khó lường.

Trước những thách thức trên, Nova Consumer tiếp tục chủ động tăng cường kiểm soát an toàn sinh học và phòng chống dịch bệnh trên toàn hệ thống. Công ty duy trì nghiêm ngặt các tiêu chuẩn chăn nuôi, triển khai chương trình tiêm phòng, kiểm soát vận hành và tăng cường vệ sinh, khử trùng tại trang trại. Đồng thời, Công ty áp dụng các tiêu chuẩn như Viet G.A.P nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và hạn chế tối đa rủi ro dịch bệnh.

❖ Rủi ro hoạt động

Với mô hình quản trị gồm công ty mẹ và nhiều công ty thành viên thuộc nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau và trải dài tại nhiều khu vực địa lý thì rủi ro hoạt động luôn hiện hữu tại Nova Consumer. Rủi ro hoạt động có thể gây ra nhiều tổn thất đáng kể cho Công ty, giảm doanh thu, tăng chi phí và gây tổn hại đến uy tín thương hiệu. Để giảm thiểu rủi ro hoạt động, Nova Consumer cần nâng cao hiệu quả hoạt động của các quy trình, con người và hệ thống, tăng cường KSNB và QLRR hiệu quả.

Rủi ro pháp luật

Nova Consumer cam kết hoạt động sản xuất và kinh doanh tuân thủ nghiêm ngặt luật pháp Việt Nam, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư,... Nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế và nâng cao khả năng xuất khẩu, Công ty luôn cập nhật và tuân thủ các bộ luật, chính sách quốc tế cũng như các quy định của quốc gia nơi hợp tác. Nắm vững và thực hiện quy trình chất lượng đạt tiêu chuẩn là chìa khóa giúp Nova Consumer xuất khẩu sản phẩm một cách thuận lợi và hiệu quả.

Với đặc thù kinh doanh thực phẩm, Nova Consumer luôn tuân thủ và đáp ứng nghiêm ngặt các quy định, chính sách của thị trường khách hàng. Công ty chủ động cập nhật và áp dụng các luật và bộ luật mới được sửa đổi, điều chỉnh tại Việt Nam nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh tuân thủ pháp luật, phù hợp với xu thế thị trường và tạo điều kiện cho sự phát triển lâu dài.

Ban lãnh đạo Nova Consumer luôn đề cao việc tuân thủ pháp luật. Do đó, Công ty đã thành

lập bộ phận pháp chế chuyên trách theo dõi, cập nhật và điều chỉnh nội dung phù hợp với các quy định pháp luật mới nhất. Sau mỗi lần điều chỉnh, nội dung mới sẽ được phổ biến đến toàn bộ công nhân viên nhằm đảm bảo mọi người đều nắm bắt và thực hiện đúng các điều khoản pháp luật hiện hành.

Rủi ro về nguồn nhân lực

Ngành sản xuất đặc trưng bởi nhu cầu nhân lực cao và biến động liên tục về nguồn cung ứng lao động. Do đó, rủi ro thiếu hụt nhân lực luôn là mối lo ngại thường trực đối với các doanh nghiệp trong ngành, bao gồm cả Nova Consumer.

Để giảm thiểu rủi ro thiếu hụt nhân lực, Nova Consumer đã áp dụng nhiều chiến lược hiệu quả. Công ty luôn chuẩn bị sẵn sàng phương án tuyển dụng dự phòng để ứng phó với các tình huống bất ngờ. Bên cạnh đó, Nova Consumer cũng xây dựng chính sách lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và năng động để thu hút và giữ chân nhân tài.

Rủi ro mua bán, sáp nhập (M&A)

Sự khác biệt về môi trường văn hóa giữa Nova Consumer và các công ty thành viên là một vấn đề cần được quan tâm khi thực hiện đầu tư. Sự xáo trộn của nguồn nhân lực trung và cao cấp có thể xảy ra do sự khác biệt trong cách quản lý, quy trình làm việc và mục tiêu chiến lược. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để tạo ra các giá trị cộng hưởng. Việc kết hợp các nền văn hóa khác nhau có thể giúp Nova Consumer học hỏi những kinh nghiệm mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo ra lợi thế cạnh tranh.

Nova Consumer luôn đề cao sự chuyên nghiệp trong hoạt động M&A. Công ty sở hữu quy trình M&A bài bản, với việc xác định mục tiêu rõ ràng, đánh giá tiềm năng công ty mục tiêu một cách cẩn trọng và đưa ra mức giá đầu tư hợp lý. Bí quyết thành công của Nova Consumer trong M&A chính là quy trình chiến lược được xây dựng hoàn chỉnh và hiệu quả. Quy trình này bao gồm: lên kế hoạch chi tiết, đánh giá sự phù hợp giữa hai công ty, và xử lý hiệu quả các vấn đề sau M&A như kết hợp văn hóa doanh nghiệp, quy trình quản lý và nhân sự. Nhờ vậy, Nova Consumer luôn đảm bảo giá trị doanh nghiệp được gia tăng và đạt được những lợi ích như kỳ vọng.

❖ Rủi ro thương hiệu

Nova Consumer luôn đối mặt với rủi ro từ việc lan truyền thông tin sai sự thật. Những thông tin này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến lòng tin của khách hàng, cổ đông, đối tác, cộng đồng, và tác động đến nhu cầu sử dụng sản phẩm của Công ty. Rủi ro này có thể dẫn đến tổn thất tài chính và ảnh hưởng đến thương hiệu mà Nova Consumer đã dày công xây dựng. Tuy nhiên, với hơn 33 năm kinh nghiệm và uy tín, thương hiệu vững mạnh, Nova Consumer có khả năng kiểm soát rủi ro này ở mức thấp.

Nhận thức tầm quan trọng của thương hiệu, Nova Consumer luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro liên quan đến lĩnh vực này. Các cán bộ quản lý được giao nhiệm vụ trọng tâm trong việc bảo vệ tài sản vô hình giá trị này. Nova Consumer cam kết tuân thủ quy định pháp luật về công bố thông tin, đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch và kịp thời cho mọi thông tin, bao gồm cả thông tin thường xuyên và bất thường.

❖ Rủi ro môi trường – xã hội

Rủi ro ô nhiễm và sự cố môi trường

Nova Consumer đã áp dụng quy trình sản xuất chăn nuôi khép kín, tuân thủ tiêu chuẩn sản

xuất của Việt Nam và quốc tế. Song song đó, Công ty luôn chú trọng bảo vệ môi trường, tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Chất thải được lưu giữ và xử lý theo quy trình khép kín, đạt chuẩn, đồng thời ứng dụng công nghệ hiện đại để giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro an toàn và sức khỏe người lao động

Do đặc thù kinh doanh chính trong lĩnh vực nông nghiệp, rủi ro về các sự cố lao động tại Nova Consumer tuy không thường xuyên xảy ra nhưng lại có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng người lao động và dẫn đến trách nhiệm pháp lý cho Công ty. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, Nova Consumer luôn ưu tiên hàng đầu việc đảm bảo an toàn và sức khỏe cho đội ngũ nhân viên của mình.

Nova Consumer không chỉ tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn sức khỏe lao động như khám sức khỏe, trang bị bảo hộ, tập huấn... mà còn đầu tư mạnh mẽ vào dây chuyền sản xuất và công cụ thiết bị hiện đại. Việc áp dụng công nghệ tiên tiến giúp giảm thiểu rủi ro sự cố, hạn chế tối đa công việc nguy hiểm và độc hại, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động.

Rủi ro sự cố chất lượng, an toàn thực phẩm, trách nhiệm cộng đồng

Rủi ro về chất lượng sản phẩm luôn hiện hữu trong ngành nông nghiệp và thực phẩm, thậm chí có thể gây nguy hại cho người sử dụng. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến Nova Consumer, không chỉ về mặt tài chính mà còn là uy tín và niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, Nova Consumer luôn chú trọng xây dựng hệ thống sản xuất và kiểm soát chất lượng chặt chẽ, ứng dụng công nghệ và công cụ quản trị tiên tiến để tạo ra sản phẩm chất lượng tốt, đáp ứng cam kết và thông tin trên bao bì và truyền thông.

❖ Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã nêu, Nova Consumer còn phải đối mặt với các yếu tố bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai. Những rủi ro này có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Nhằm giảm thiểu thiệt hại, Nova Consumer luôn chủ động đề phòng, xây dựng giải pháp ứng phó kịp thời và nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh và huấn luyện phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn cho con người và tài sản.

VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

1. Trách nhiệm đối với người lao động

Nova Consumer chú trọng đầu tư vào nguồn nhân lực, coi đây là yếu tố quyết định cho sự PTBV của Công ty.

Công ty luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ công nhân viên thông qua việc áp dụng chính sách lao động hợp lý, đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi. Nhờ vậy, tinh thần làm việc của họ được nâng cao, từ đó, họ hăng hái, chuyên cần và cống hiến nhiều hơn cho Công ty. Đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước và cải thiện đời sống của người lao động. Cụ thể:

- Triển khai đồng bộ các giải pháp cải tiến về việc làm và thu nhập, chủ động điều chỉnh đơn giá lương và chính sách thưởng nhằm nâng cao tính cạnh tranh;
- Minh bạch giờ công, tiền lương, các chế độ phúc lợi xã hội;
- Cải tiến môi trường làm việc năng động và chuyên nghiệp hơn;

- Cung cấp cho người lao động đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động đạt chuẩn, phù hợp với từng công việc. Nhờ vậy, người lao động có thể an tâm làm việc và cống hiến hết mình cho Công ty;
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị. Chúng tôi đầu tư vào các chương trình đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho cán bộ công nhân viên.

2. Trách nhiệm đối với môi trường

Bức tranh môi trường toàn cầu đang gây ra các hệ lụy xấu do tác động tiêu cực từ con người. Việt Nam, với vị trí địa lý và đặc điểm khí hậu, là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Nắm bắt được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, Nova Consumer đã cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định về môi trường và không ngừng nỗ lực cải thiện hiệu quả hoạt động để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Nhờ vậy, trong năm 2025, Nova Consumer đã hoàn thành xuất sắc mục tiêu bảo vệ môi trường và không bị nhắc nhở hay phạt vi phạm nào.

❖ Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nova Consumer sở hữu chuỗi cung ứng khép kín, giúp đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu chính cho hoạt động SXKD luôn ổn định. Nhờ vậy, Công ty có thể kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, hạn chế tối đa việc sử dụng nguyên vật liệu không đảm bảo tiêu chuẩn, gây hại cho môi trường và cộng đồng. Đồng thời, Nova Consumer cũng luôn khuyến khích, hướng dẫn và chỉ đạo các công ty con, công ty liên kết chú trọng quản lý nguồn nguyên vật liệu, góp phần bảo vệ môi trường và PTBV thông qua các hành động cụ thể như sau:

- Khuyến khích sử dụng các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, có thể tái chế và tái sử dụng.
- Nova Consumer luôn ý thức được tầm quan trọng của việc kiểm soát chất lượng nguồn cung nguyên vật liệu. Chúng tôi lựa chọn hợp tác với các đối tác uy tín, có kinh nghiệm và năng lực cung cấp nguyên liệu đạt tiêu chuẩn chất lượng cao. Việc này giúp Nova Consumer và các công ty con, công ty liên kết tránh rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm thành phẩm, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường.

Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng trong năm 2025 là 231.847 tấn, trong đó 100% lượng nguyên vật liệu có thể tái sử dụng hoặc tái chế đều sẽ được Công ty tận dụng tối đa vào các hoạt động SXKD.

❖ Quản lý tiêu thụ năng lượng

Nova Consumer luôn tiên phong trong việc ứng dụng các nguyên tắc PTBV vào hoạt động SXKD. Một trong những trọng tâm của Công ty là sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm. Việc sử dụng năng lượng hợp lý giúp Nova Consumer giảm thiểu chi phí hoạt động, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu. Trong những năm qua, Công ty đã triển khai nhiều biện pháp tiết kiệm điện năng hiệu quả, góp phần xây dựng một môi trường sống xanh - sạch - đẹp cho thế hệ tương lai như:

- Để đảm bảo an toàn và hạn chế rủi ro trong hoạt động SXKD, Nova Consumer luôn chú trọng kiểm tra định kỳ tình hình bố trí điện và mạng lưới điện.

- Tất các thiết bị điện khi không sử dụng và rút nguồn các thiết bị điện không cần thiết.
- Công ty đã triển khai nhiều giải pháp tiết kiệm năng lượng, trong đó có việc cải tiến hệ thống chiếu sáng. Việc thay thế các thiết bị chiếu sáng cũ bằng các thiết bị tiết kiệm năng lượng, tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên và không khí mát tự nhiên đã mang lại hiệu quả tích cực cho Công ty.
- Công ty thường xuyên thực hiện các hoạt động tuyên truyền, nhắc nhở về tiết kiệm điện. Việc tuyên truyền được thực hiện qua nhiều kênh khác nhau như thông báo nội bộ, email, bảng tin, hội nghị chuyên đề,... Nhờ vậy, thói quen và văn hóa tiết kiệm điện năng đã dần được hình thành và lan tỏa trong toàn Công ty.

Tổng khối lượng điện mà Công ty đã sử dụng trong năm là 26.542.615 kWh/năm, mức tiêu thụ này được đánh giá là phù hợp đối với tình hình hiện tại của Công ty. Đồng thời, nhờ vào giải pháp tiết kiệm năng lượng như trên, tính đến cuối năm 2025, Chúng tôi cam kết tiếp tục nỗ lực hơn nữa trong việc quản lý nhiên liệu tiêu hao nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nova Consumer luôn hướng đến PTBV và đồng hành cùng cộng đồng xây dựng một tương lai xanh cho thế hệ sau.

❖ Quản lý tiêu thụ nước

Nova Consumer luôn hướng đến PTBV và bảo vệ môi trường. Một trong những nỗ lực của Công ty là sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm. Nước là nguồn tài nguyên quý giá và cần được sử dụng hợp lý để bảo vệ cho thế hệ sau. Để đạt được mục tiêu này, Nova Consumer đã triển khai nhiều giải pháp như:

- Kiểm tra nguồn nước phải được khóa kỹ lưỡng sau khi sử dụng xong.
- Tái sử dụng nước nếu vẫn còn sử dụng được cho sinh hoạt, sản xuất.
- Kiểm tra hệ thống nước định kỳ nếu có dấu hiệu bất thường về định mức, đảm bảo đã đóng chặt van nước sau khi sử dụng.
- Tìm kiếm thêm các biện pháp thay thế, thay đổi quy trình sản xuất để tiếp tục có các giải pháp tích cực cho môi trường.

Tổng lượng nước tiêu thụ cho mục đích sinh hoạt vào trong năm là 162.714 m³. Đồng thời với các giải pháp tiết kiệm nước như trên, Công ty đã tận dụng 100% nước sau sử dụng còn có thể tái sử dụng được cho các hoạt động sinh hoạt, SXKD.

Ngoài ra, Nova Consumer luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. Do đó, Công ty đã đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải hiện đại. Hệ thống này hoạt động hiệu quả, giúp xử lý triệt để các chất ô nhiễm trong nước thải trước khi thải ra môi trường. Nhờ vậy, Nova Consumer đã góp phần bảo vệ nguồn nước, hệ sinh thái và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng xung quanh.

3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Nova Consumer không chỉ chú trọng vào hoạt động kinh doanh mà còn luôn hướng về cộng đồng với tinh thần trách nhiệm cao. Chúng tôi mong muốn đóng góp một phần sức lực để chung tay xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân. Bên cạnh các hoạt động thiện nguyện, Nova Consumer luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về thuế, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế theo đúng thời gian quy định của Nhà nước. Đây là cách mà Công ty thể hiện trách nhiệm

với cộng đồng và góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

Trong nhiều năm qua, Công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của mình thông qua việc tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động địa phương, tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ xã hội, từ thiện và trao học bổng cho các học sinh nghèo hiếu học. Những hoạt động này đã góp phần nâng cao đời sống của người dân địa phương, thúc đẩy sự phát triển chung của cộng đồng.

Riêng trong năm 2025, Nova Consumer đã có nhiều hoạt động vì cộng đồng như:

- Chương trình “Gửi trọn yêu thương” tại ANOVA FEED.
- Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lũ Miền Trung.
- Ủng hộ chương trình “Tặng sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế cho người có hoàn cảnh khó khăn”

VII. Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

đã được kiểm toán

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
NOVA
CONSUMER
R

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=315
Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân
Hòa, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt
Nam, O=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP
ĐOÀN NOVA CONSUMER, OU=
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
NOVA CONSUMER, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA
CONSUMER,
OID.2.5.2342.19000000.100.1.1+
345T2301447257, E=jen.dinhnhong
@novaconsumer.com.vn
Reason: I am the author of this
document
Date: 2026.09.31 15:30:12+0700
Foxit PDF Reader Version: 12.1.0

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh

www.aascs.com.vn

Tel : (+84) 028 3820 5944

Fax : (+84) 028 3820 5947



Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer
315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|---------|
| BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 3 - 6 |
| BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 7 - 8 |
| BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | |
| - Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 9 - 11 |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 12 |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 13 - 14 |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 15 - 53 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

I. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301447257 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 9 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 1.197.843.250.000 đồng.
Trụ sở chính : 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : +(84) (028) 3846 6888

Quyết định số 1124/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 26 tháng 10 năm 2023, mã chứng khoán giao dịch là NCG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý (CPC 865));
- Bán buôn chuyển doanh khác chưa được phân vào đầu.

Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Trồng cây mía;
- Bán buôn thực phẩm.

Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);

- Bán buôn đồ uống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyển doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Bán lẻ các hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

Chi tiết: Ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp. *Chi tiết:* Trồng rừng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.

Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ); (CPC 622) (không hoạt động tại trụ sở);

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê.

Chi tiết: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản, ngoại trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng;

- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy tính.

Chi tiết: Dịch vụ tư vấn phần mềm và tư vấn hệ thống (CPC 842);

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh, ngoại trừ các hoạt động kinh doanh theo Mục A. 16 Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, trong đó có các sản phẩm bị ngoại trừ ra khỏi phạm vi cam kết WTO như thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer
315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513);

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (CPC 631).

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

| Họ tên | Chức danh | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------------------|--|--|
| - Hội đồng Quản trị | | |
| Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 25/06/2021 |
| Ông Nguyễn Quang Phi Tín | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2022 Miễn nhiệm ngày 27/08/2025 |
| Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/08/2025 |
| Bà Trần Thị Thu Thảo | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 11/02/2022 |
| - Ủy ban Kiểm toán | | |
| Bà Trần Thị Thu Thảo | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 11/02/2022 |
| Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26/12/2022 |
| - Ban Tổng Giám đốc | | |
| Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 23/01/2026 |
| | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/08/2025 |
| Ông Trần Mạnh Hào | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14/10/2025 Miễn nhiệm ngày 23/01/2026 |
| Ông Nguyễn Quang Phi Tín | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18/03/2022 Miễn nhiệm ngày 01/08/2025 |
| Bà Đặng Ngọc Khánh Vân | Phó Tổng Giám đốc Điều hành và Quản trị hệ thống | Bổ nhiệm ngày 19/06/2025 Miễn nhiệm ngày 01/12/2025 |
| Ông Huỳnh Bảo Thuần | Phó Tổng Giám đốc Sale và Marketing | Bổ nhiệm ngày 23/07/2025 Miễn nhiệm ngày 14/10/2025 |
| Ông Nguyễn Vĩnh Huy | Giám đốc tài chính | Bổ nhiệm ngày 23/05/2023 Miễn nhiệm ngày 11/12/2025 |
| - Người đại diện pháp luật | | |
| Ông Nguyễn Hiếu Liêm | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 01/08/2025 Miễn nhiệm ngày 14/10/2025 Bổ nhiệm ngày 01/12/2025 |
| Ông Trần Mạnh Hào | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14/10/2025 Miễn nhiệm ngày 01/12/2025 |
| Ông Nguyễn Quang Phi Tín | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18/03/2022 Miễn nhiệm ngày 01/08/2025 |

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Hiếu Liêm - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này.

IV. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Tập đoàn tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Duyệt ngày 30 tháng 03 năm 2026

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hiếu Liêm
Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật



Số 48 /BCKT/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 03 năm 2026, được trình bày từ trang 9 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ồ P
NOI
H

Ý kiến khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

TP. HCM, Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN KTV số: 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Giấy CN ĐKHN KTV số: 1091-2023-142-1



10
CÔ
HÀ
A
H

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND | 1/1/2025 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.288.099.903.442 | 2.058.303.725.144 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 274.017.374.262 | 114.424.543.373 |
| Tiền | 111 | | 274.017.374.262 | 103.424.543.373 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 11.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 35.827.058.138 | 14.917.058.138 |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2.1 | 470.095 | 470.095 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2.2 | 35.826.588.043 | 14.916.588.043 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.207.707.885.568 | 1.211.726.168.659 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 670.153.768.441 | 674.945.793.131 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4.1 | 134.592.863.540 | 173.194.622.006 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 639.713.943.458 | 641.623.858.242 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6.1 | 289.497.252.061 | 230.316.347.772 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.9 | (526.249.941.932) | (508.354.452.492) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 744.353.748.421 | 679.784.771.281 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 745.517.460.485 | 682.145.530.219 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.163.712.064) | (2.360.758.938) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 26.193.837.053 | 37.451.183.693 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8.1 | 4.043.847.290 | 13.204.013.824 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 2.268.552.966 | 2.133.363.006 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.18 | 19.881.436.797 | 22.113.806.863 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.640.937.857.998 | 1.717.199.981.200 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 270.282.951.625 | 290.230.962.757 |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | V.4.2 | 132.000.000.000 | 152.000.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6.2 | 138.282.951.625 | 475.230.962.757 |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | V.9 | - | (337.000.000.000) |

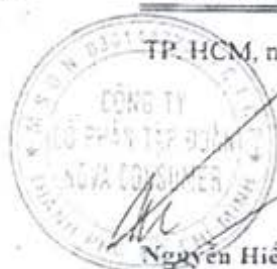
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Chi tiêu | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND | 1/1/2025 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| II. Tài sản cố định | 220 | | 815.874.811.750 | 887.000.795.309 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 696.011.188.955 | 757.508.598.625 |
| - Nguyên giá | 222 | | 1.391.450.233.091 | 1.388.899.753.666 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (695.439.044.136) | (631.391.155.041) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.11 | 20.523.825.866 | 22.554.729.291 |
| - Nguyên giá | 225 | | 26.005.404.773 | 26.005.404.773 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (5.481.578.907) | (3.450.675.482) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 99.339.796.929 | 106.937.467.393 |
| - Nguyên giá | 228 | | 161.462.087.207 | 161.411.087.207 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (62.122.290.278) | (54.473.619.814) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 87.387.406.906 | 85.345.406.906 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.13 | 87.387.406.906 | 85.345.406.906 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 155.316.256.754 | 161.129.260.669 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2.3 | 89.851.267.817 | 93.005.975.891 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2.4 | 68.123.284.778 | 68.123.284.778 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (2.658.295.841) | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 312.076.430.963 | 293.493.555.559 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8.2 | 231.787.565.231 | 204.156.342.457 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.14 | 9.688.449.234 | 7.875.194.065 |
| Lợi thế thương mại | 269 | V.15 | 70.600.416.498 | 81.462.019.037 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 3.929.037.761.440 | 3.775.503.706.344 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND | 1/1/2025 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.800.652.855.732 | 1.770.900.493.156 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.675.990.299.331 | 1.648.354.423.788 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.16 | 224.547.407.996 | 243.771.681.553 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.17 | 27.681.760.092 | 29.818.238.685 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.18 | 24.126.507.126 | 24.284.636.042 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 25.027.507.540 | 27.211.466.061 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.19 | 84.911.322.384 | 69.964.098.870 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 37.347.760 | 97.678.786 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.20.1 | 87.157.873.745 | 59.651.776.665 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.23.1 | 1.197.089.021.833 | 1.187.694.540.981 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.21.1 | 1.742.802.231 | 1.742.802.231 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.22 | 3.668.748.624 | 4.117.503.914 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 124.662.556.401 | 122.546.069.368 |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 78.550.400 | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | V.20.2 | 280.000.000 | 280.000.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.23.2 | 709.699.895 | 61.836.671.591 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | V.14 | 117.243.207.826 | 54.420.092.082 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | V.21.2 | 6.351.098.280 | 6.009.305.695 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 2.128.384.905.708 | 2.004.603.213.188 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.24 | 2.128.384.905.708 | 2.004.603.213.188 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 1.197.843.250.000 | 1.197.843.250.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.197.843.250.000 | 1.197.843.250.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 426.598.785.061 | 426.598.785.061 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | (3.772.154.614) | (3.772.154.614) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 72.502.285.340 | 71.988.693.710 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 401.801.771.790 | 289.556.800.536 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm trước | 421a | | 208.801.279.908 | 206.687.922.078 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm nay | 421b | | 193.000.491.882 | 82.868.878.458 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 33.410.968.131 | 22.387.838.495 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 3.929.037.761.440 | 3.775.503.706.344 |

Đỗ Thị Mỹ Nhung
 Kế toán trưởng kiêm người lập



TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Hiếu Liêm
 Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|-------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 4.882.703.640.388 | 4.563.962.481.426 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 357.829.131.643 | 315.083.869.226 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 4.524.874.508.745 | 4.248.878.612.200 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 3.770.416.209.118 | 3.679.072.551.820 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 754.458.299.627 | 569.806.060.380 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 60.270.384.133 | 41.431.267.824 |
| Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 103.153.473.902 | 110.103.609.988 |
| - Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 71.656.095.055 | 86.004.779.141 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | 20.585.980.714 | 14.662.868.617 |
| Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 293.703.861.845 | 246.542.976.322 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 195.126.020.279 | 140.090.584.776 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | 243.331.308.448 | 129.163.025.735 |
| Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 3.177.884.086 | 829.125.122 |
| Chi phí khác | 32 | VI.9 | 711.132.189 | 4.194.011.676 |
| Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 2.466.751.897 | (3.364.886.554) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 245.798.060.345 | 125.798.139.181 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | V.18 | 35.757.025.126 | 34.286.552.417 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | (6.388.454.425) | (7.675.415.859) |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 216.429.489.644 | 99.187.002.623 |
| Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 193.000.491.882 | 82.868.878.458 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 23.428.997.762 | 16.318.124.165 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 1.611 | 692 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | 1.611 | 692 |



[Signature]

Đỗ Thị Mỹ Nhung
 Kế toán trưởng kiêm người lập



TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026

[Signature]
Nguyễn Hiếu Liêm
 Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 245.798.060.345 | 125.798.139.181 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BDSĐT | 02 | | 95.083.734.262 | 98.429.444.531 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (317.301.469.008) | (44.255.799.517) |
| - Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 9.312.593.856 | 14.957.469.388 |
| - Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (61.860.047.700) | (52.062.540.473) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 71.656.095.055 | 86.004.779.141 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 42.688.966.810 | 228.871.492.251 |
| - (Tăng)/Giảm các khoản phải thu | 09 | | 380.803.496.494 | (180.409.531.250) |
| - (Tăng)/Giảm hàng tồn kho | 10 | | (63.371.930.266) | 71.507.131.470 |
| - Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | (21.170.805.955) | (47.541.360.391) |
| - (Tăng)/Giảm chi phí trả trước | 12 | | (18.471.056.240) | 17.689.488.547 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (42.556.326.954) | (57.710.358.453) |
| - Thuế TNDN đã nộp | 15 | | (32.437.458.808) | (41.333.909.920) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (15.400.805.630) | (15.427.887.336) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 230.084.079.451 | (24.354.935.082) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (12.356.733.017) | (15.856.511.116) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 1.017.299.911 | 8.290.848.189 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (79.908.085.216) | (256.508.588.043) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 63.298.000.000 | 203.728.661.758 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 21.965.555.335 | 68.390.815.097 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (5.983.962.987) | 8.045.225.885 |

31:729-C
 CÔNG TY
 TNHH
 (VU TỰ VAI)
 KINH KẾ TỐ
 KIỂM TOÁN
 PHIA NAM
 C.P.H.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026/V

Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm người lập

Nguyễn Hữu Liêm
Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301447257 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 9 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính : 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ : 1.197.843.250.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý); sản xuất và kinh doanh thuốc thú y, thuốc thủy sản, thuốc sát trùng; kinh doanh vắc-xin thú y; sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản; chế biến các sản phẩm cồn và CO₂; kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp; Bán lẻ lương thực, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của các công ty trong Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 10 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nova Beverages và Công ty Cổ phần HKV tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

5b. Danh sách các công ty con được hợp nhất

| Công ty - Trụ sở | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Công ty Cổ phần Anova Feed Trụ sở: Cụm công nghiệp Tập đoàn Anova, Ấp 4, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. | 99,99% | 99,99% |
| Tổng Công ty Mía đường II - CTCP Trụ sở: 54 - 56 Lê Quốc Hưng, phường Xóm Chiếu, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam. | 94,96% | 94,96% |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET Trụ sở: Cụm công nghiệp Tập đoàn Anova, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. | 99,67% | 99,67% |
| Công ty Cổ phần Anova Farm Trụ sở: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam. | 99,84% | 99,84% |
| Công ty Liên doanh TNHH Anova Trụ sở: 36 Đại lộ Độc Lập, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam. | 57,00% | 57,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Công ty - Trụ sở | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|---|------------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Thành Nhơn Trụ sở: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam. | 99,556% | 99,556% |
| Công ty Cổ phần Anova Biotech Trụ sở: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam. | 99,80% | 99,80% |
| Công ty Cổ phần Anova Tech Trụ sở: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam. | 85,83% | 85,83% |
| Công ty TNHH Asian Pacifico (Tên cũ là Công ty TNHH Thực phẩm Mặt Trời Mọc) Trụ sở: 5.07 Khu chung cư kết hợp thương mại Văn phòng Lô X (Sunsise City North) 27 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam. | 99,89% | 99,89% |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm (Công ty con trực tiếp của Công ty TNHH Asian Pacifico) Trụ sở: Lô M, Đường số 10, Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn, phường Khánh Hậu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. | 99,39% | 99,39% |

5c. Danh sách các công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Công ty - Trụ sở | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|--|------------------|------------------|
| Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie Trụ sở: 2/3 Đường Tăng Nhơn Phú, khu phố 19, phường Phước Long, Tp.Hồ Chí Minh. | 30,00% | 30,00% |
| Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co Trụ sở: Km 18, Quốc lộ 32, xã Hoài Đức, Tp.Hà Nội. | 23,84% | 23,84% |
| Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa (Công ty liên kết trực tiếp với Tổng Công ty Mía đường II - CTCP) Trụ sở: Khu vực 1, xã Hiệp Hòa, tỉnh Tây Ninh. | 20,66% | 20,66% |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất
 Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.994 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.918 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến quyền mất kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập Đoàn trong tài sản thuần của Công ty con và số chỉ hoặc thu từ việc thoái vốn tại Công ty con được ghi vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phần bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay: áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại;
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận góp vốn: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn, nhận góp vốn;
- Đối với nợ phải thu: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

b. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí phát sinh. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm. Các khoản được chia khác (ngoại trừ lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu cho vay được trích lập dựa trên dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư: khoản tổn thất do đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu giao dịch bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Tập đoàn và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/nhuận bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- **Phải thu khác:** các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Tập đoàn đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Tập đoàn có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Tập đoàn mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn).

7. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

8. Chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Vật nuôi

Chi phí vật nuôi và heo giống không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (40-44 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản hữu hình, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo KQKD.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------------|---------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc | 05 - 52 |
| - Máy móc thiết bị | 03 - 10 |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 02 - 10 |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 02 - 08 |
| - Cây lâu năm, gia súc | 04 - 16 |
| - Tài sản cố định hữu hình khác | 03 - 05 |

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản

- Máy móc thiết bị

Số năm

04 - 15

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mua mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một số tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi thanh lý tài sản vô hình, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo KQKD.

Tài sản vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp với đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn bao gồm quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 (tức ngày 1 tháng 7 năm 2004) được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian giao đất (42-44,8 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến chương trình phần mềm máy tính không phải là bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 - 10 năm.

Thương hiệu

Thương hiệu được xác định khi mua lại Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả giao dịch bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ;

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Tập đoàn đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

13. Dự phòng phải trả

Khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ này có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng của Tập đoàn bao gồm:

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho một năm làm việc.

Tăng, giảm số dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Dự phòng hoàn nguyên môi trường

Khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường liên quan đến việc ước tính các chi phí thu dọn, tháo dỡ và vận chuyển máy móc thiết bị, nhà xưởng để khôi phục và hoàn trả mặt bằng.

Tăng, giảm số dự phòng hoàn nguyên môi trường cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

14. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Các khoản vay, nợ phải trả bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn vay tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tập đoàn đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch khoản vay.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá. Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

17. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, sai sót trọng yếu của các năm trước. Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành. Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ.

Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cần nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phản loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quả biểu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

19. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

- Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2025 VND | 1/1/2025 VND |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Tiền mặt | 321.010.999 | 25.407.086.991 |
| - Tiền gửi ngân hàng | 273.696.363.263 | 78.017.456.382 |
| - Các khoản tương đương tiền | - | 11.000.000.000 |
| Cộng | 274.017.374.262 | 114.424.543.373 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1. Chứng khoán kinh doanh

| | 31/12/2025 | | 1/1/2025 | |
|-------------------------|--------------------|-----------------------|-----------------|--------------------|
| | Giá trị gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND | Giá trị gốc VND |
| - Tổng giá trị cổ phiếu | 470.095 | - | - | 470.095 |
| Cộng | 470.095 | - | - | 470.095 |

2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2025 | | 1/1/2025 | |
|----------------------|----------------|-----------------------|----------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND |
| <i>a. Ngắn hạn</i> | | | | |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | 35.826.588,043 | 35.826.588,043 | 14.916.588,043 | 14.916.588,043 |
| | 35.826.588,043 | 35.826.588,043 | 14.916.588,043 | 14.916.588,043 |
| <i>b. Dài hạn</i> | | | | |
| Cộng | 35.826.588,043 | 35.826.588,043 | 14.916.588,043 | 14.916.588,043 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

| | 31/12/2025 | 1/1/2025 | |
|---|-----------------------|---|-----------------------|
| | Giá trị gốc VND | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư VND | Cộng VND |
| - Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie i | 14.821.385.049 | 53.125.599.417 | 67.946.984.466 |
| - Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co ii | 28.733.839.420 | (6.829.556.069) | 21.904.283.351 |
| - Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa | | | |
| Cộng | 43.555.224.469 | 46.296.043.348 | 89.851.267.817 |

i. Tập đoàn đầu tư vào Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie 14.821.385.049 VND, tương đương 30% vốn điều lệ

ii. Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co 8.584.000.000 VND, tương đương 23,84% vốn điều lệ, với giá phi khoản đầu tư là 28.733.839.420 VND.

- Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau

| | Giá trị phần sở hữu đầu năm VND | Phần lãi hoặc lỗ trong năm VND | Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm VND | Giá trị phần sở hữu cuối năm VND |
|--|---------------------------------------|--------------------------------------|---|--|
| - Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie | 67.578.219.079 | 24.109.454.175 | (23.740.688.788) | 67.946.984.466 |
| - Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co | 25.427.756.812 | (3.523.473.461) | - | 21.904.283.351 |
| - Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa | | | | |
| Cộng | 93.005.975.891 | 20.585.980.714 | (23.740.688.788) | 89.851.267.817 |

- Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa không hoạt động, Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co hoạt động kinh doanh bị lỗ, Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết (tiếp theo)

- Các giao dịch chủ yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---------------------------------------|------------------|--------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty Liên doanh Bío - Pharmachemie | Công ty liên kết | Cung cấp dịch vụ | 345.600.000 | 288.000.000 |
| | | Bán hàng hoá | 37.097.299.601 | 37.865.902.039 |
| | | Mua hàng hoá | 15.237.557.045 | 12.725.175.710 |
| | | Thuế xe | 360.000.000 | 360.000.000 |
| | | Cổ tức nhận được | 23.740.688.788 | 24.254.821.086 |

2.4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2025 | | 1/1/2025 | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Giá trị gốc VND |
| - Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Navetco | 33.530.784.778 | (2.658.295.841) | 30.872.488.937 | 33.530.784.778 |
| - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần | 34.592.500.000 | - | - | - |
| Cộng | 68.123.284.778 | (2.658.295.841) | | 68.123.284.778 |
| | | | | 34.907.811.107 |

Giá trị hợp lý

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Navetco được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM). Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2025 được xác định là bình quân giao dịch 30 ngày có giao dịch gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần do không có giá niêm yết và chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------|
| Số đầu năm | - | (5.335.744.712) |
| Số trích/hoàn nhập dự phòng trong năm | (2.658.295.841) | 5.335.744.712 |
| Số cuối năm | <u>(2.658.295.841)</u> | <u>-</u> |

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2025 VND | 1/1/2025 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| 3.1. Phải thu ngắn hạn các bên liên quan | 4.747.469.350 | 2.205.777.662 |
| - Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie | 4.747.469.350 | 2.205.777.662 |
| 3.2. Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác | 665.406.299.091 | 672.740.015.469 |
| - Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution | 286.492.793.195 | 299.851.824.065 |
| - Các khách hàng khác | 378.913.505.896 | 372.888.191.404 |
| Cộng | <u>670.153.768.441</u> | <u>674.945.793.131</u> |

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2025 VND | 1/1/2025 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| 4.1 Ngắn hạn | | |
| - Enerfo Pte Ltd | 19.684.425.800 | 69.554.359.976 |
| - Louis Dreyfus Company Asia Pte, Ltd | 58.354.380.208 | - |
| - Hong Kong JF Agriculture Co., Ltd | 25.507.284.000 | - |
| - Các nhà cung cấp khác | 31.046.773.532 | 103.640.262.030 |
| Cộng | <u>134.592.863.540</u> | <u>173.194.622.006</u> |
| 4.2 Dài hạn | | |
| - Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution | 132.000.000.000 | 152.000.000.000 |
| Cộng | <u>132.000.000.000</u> | <u>152.000.000.000</u> |

Khoản ứng trước của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn Vet cho Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution theo Hợp đồng nguyên tắc số 0111/HTPP-AFF/2022 ngày 01/11/2022 về phân phối hàng hoá, phát triển sản phẩm và phát triển hệ thống phân phối với thời hạn kể từ ngày ký đến ngày 31/12/2025 và được gia hạn thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 31/12/2028 theo Phụ lục số 01 ngày 28/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

| | 31/12/2025 VND | 1/1/2025 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| - Công ty Cổ phần Cụm công nghiệp Anova | 611.541.858.242 | 635.423.858.242 |
| - Các đối tượng khác | 28.172.085.216 | 6.200.000.000 |
| Cộng | 639.713.943.458 | 641.623.858.242 |

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2025 Giá trị VND | Dự phòng VND | 1/1/2025 Giá trị VND | Dự phòng VND |
|---|------------------------------|----------------------|----------------------------|--------------------------|
| 6.1 Ngắn hạn | | | | |
| - Tam ứng | 2.747.333.513 | - | 37.684.967.966 | - |
| - Ký quỹ, ký cược (i) | 171.005.440.000 | - | 130.645.340.000 | - |
| - Cổ tức và lợi nhuận được chia | 1.027.500.000 | - | 1.027.500.000 | - |
| - Lãi cho vay và lãi tiền gửi dự thu | 76.447.340.415 | (644.738.993) | 36.498.161.430 | (349.636.437) |
| - Các khoản phải thu khác | 38.269.638.133 | (1.020.000) | 24.460.378.376 | (1.020.000) |
| Cộng | 289.497.252.061 | (645.758.993) | 230.316.347.772 | (350.656.437) |
| 6.2 Dài hạn | | | | |
| - Hợp đồng hợp tác kinh doanh | - | - | 337.000.000.000 | (337.000.000.000) |
| - Ký quỹ ký cược (ii) | 138.282.951.625 | - | 138.230.962.757 | - |
| Cộng | 138.282.951.625 | - | 475.230.962.757 | (337.000.000.000) |

(i) Theo Thỏa thuận hứa mua, hứa bán phần vốn góp ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET và Công ty Cổ phần Đầu tư Tiêu dùng về việc mua lại toàn bộ cổ phần mà Công ty Cổ phần Đầu tư Tiêu dùng đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Nova Nutrition & Wellness (tương đương tỷ lệ 99,92%) với khoản đặt cọc trị giá 130.000.000.000 đồng. Hợp đồng được gia hạn theo phụ lục số 02 ngày 19 tháng 12 năm 2024.

(ii) Ký quỹ, ký cược dài hạn chủ yếu phục vụ thuê trại chăn nuôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2025 | | 1/1/2025 | |
|---------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| - Hàng đang di trên đường | 34.516.460.743 | - | 31.102.814.563 | - |
| - Nguyên vật liệu | 303.014.109.750 | (478.041.800) | 271.481.762.870 | (787.455.915) |
| - Công cụ, dụng cụ | 9.474.461.872 | - | 9.235.628.539 | (101.776.886) |
| - Chi phí SXKD dở dang | 267.492.409.333 | - | 268.425.288.479 | - |
| - Thành phẩm | 33.205.314.094 | (172.830.376) | 29.490.904.654 | (95.239.849) |
| - Hàng hóa | 97.814.704.693 | (512.839.888) | 72.409.131.114 | (1.376.286.288) |
| Cộng | 745.517.460.485 | (1.163.712.064) | 682.145.530.219 | (2.360.758.938) |

Tình hình biến động giảm giá hàng tồn kho

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Số đầu năm | 2.360.758.938 | 5.229.322.873 |
| - Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng | (1.197.046.874) | (2.868.563.935) |
| - Số cuối kỳ | 1.163.712.064 | 2.360.758.938 |

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2025 VND | 1/1/2025 VND |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| 8.1 Ngắn hạn | | |
| - Chi phí công cụ, dụng cụ | 3.256.259.529 | 2.224.101.139 |
| - Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 787.587.761 | 10.979.912.685 |
| Cộng | 4.043.847.290 | 13.204.013.824 |
| 8.2 Dài hạn | | |
| - Vật nuôi | 71.708.772.459 | 94.452.680.974 |
| - Tiền thuê đất trả trước | 60.744.923.112 | 62.456.828.327 |
| - Phí cơ sở hạ tầng | 87.434.802.961 | 40.193.238.102 |
| - Chi phí công cụ, dụng cụ | 5.621.641.738 | 3.332.968.758 |
| - Chi phí trả trước dài hạn khác | 6.277.424.961 | 3.720.626.296 |
| Cộng | 231.787.565.231 | 204.156.342.457 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9 . NỢ XẤU

| | 31/12/2025 | | 1/1/2025 | |
|--|------------------------|----------------------------------|------------------------|----------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| 9.1. Phải thu về cho vay | | | | |
| - Công ty Cổ phần Cụm công nghiệp Anova | 556.920.127.670 | 46.162.288.600 | 493.506.858.242 | 3.000.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Anova Agri Bình Dương | 550.810.127.670 | 44.452.288.600 | 487.306.858.242 | - |
| | 6.110.000.000 | 1.710.000.000 | 6.200.000.000 | 3.000.000.000 |
| 9.2. Phải thu khách hàng ngắn hạn | | | | |
| - Công ty Cổ phần Đại Nam Ông Biễn | 13.039.157.919 | 76.578.250 | 15.934.985.394 | 321.811.781 |
| - Công ty TNHH Liên doanh TopCake | 6.910.000.000 | - | 6.910.000.000 | - |
| - Ông Lê Hồng Phong | 3.197.700.000 | - | 3.197.700.000 | - |
| - Các khách hàng khác | - | - | 2.165.989.841 | - |
| | 2.931.457.919 | 76.578.250 | 3.661.295.553 | 321.811.781 |
| 9.3. Trả trước cho nhà cung cấp | | | | |
| - Công ty TNHH TM DV XNK Nông sản Quốc tế | 1.883.764.200 | - | 1.883.764.200 | - |
| | 1.883.764.200 | - | 1.883.764.200 | - |
| 9.4. Phải thu ngắn hạn khác | | | | |
| - Các đối tượng khác | 1.074.911.634 | 429.152.641 | 783.647.393 | 432.990.956 |
| | 1.074.911.634 | 429.152.641 | 783.647.393 | 432.990.956 |
| 9.5. Phải thu dài hạn khác | | | | |
| - Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution | - | - | 337.000.000.000 | - |
| | - | - | 337.000.000.000 | - |
| Cộng | 572.917.961.423 | 46.668.019.491 | 849.109.255.229 | 3.754.802.737 |



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| Chi tiêu | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện, vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Cây lâu năm, gia súc VND | TSCĐ hữu hình khác VND | Cộng VND |
|---|----------------------------------|-------------------------------|--|-------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 622.380.007.058 | 675.406.576.186 | 45.114.500.755 | 33.889.338.920 | 7.447.896.887 | 4.661.433.860 | 1.388.899.753.666 |
| - Mua trong năm | 208.135.992 | 8.641.358.174 | 3.084.338.908 | 333.899.943 | - | - | 12.267.733.017 |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | 138.538.790 | - | - | - | - | - | 138.538.790 |
| - Thanh lý, nhượng bán | (92.990.909) | (2.855.243.776) | (4.313.069.001) | (1.216.418.182) | (689.227.787) | - | (9.166.949.655) |
| - Giảm khác | - | (103.400.000) | - | - | - | - | (103.400.000) |
| - Giảm do thoái vốn công ty con | - | (369.500.000) | - | (215.942.727) | - | - | (585.442.727) |
| Số dư cuối năm | 622.633.690.931 | 680.719.790.584 | 43.885.770.662 | 32.790.877.954 | 6.758.669.100 | 4.661.433.860 | 1.391.450.233.091 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 230.652.792.140 | 336.965.327.017 | 28.020.746.289 | 25.399.248.190 | 7.088.207.037 | 3.264.834.368 | 631.391.155.041 |
| - Khấu hao trong năm | 27.217.877.191 | 40.910.997.832 | 2.716.753.226 | 2.172.437.800 | 1.257.173.583 | 229.318.202 | 74.504.557.834 |
| - Thanh lý, nhượng bán | (92.990.909) | (2.855.243.776) | (4.124.930.108) | (1.216.418.182) | (467.587.538) | - | (8.757.170.513) |
| - Giảm khác | - | - | - | - | (1.403.341.183) | - | (1.403.341.183) |
| - Giảm do thoái vốn công ty con | - | (134.199.998) | - | (161.957.045) | - | - | (296.157.043) |
| Số dư cuối năm | 257.777.678.422 | 374.886.881.075 | 26.612.569.407 | 26.193.310.763 | 6.474.451.899 | 3.494.152.570 | 695.439.044.136 |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| - Tại ngày đầu năm | 391.727.214.918 | 338.441.249.169 | 17.093.754.466 | 8.490.090.730 | 359.689.850 | 1.396.599.492 | 757.508.598.625 |
| - Tại ngày cuối năm | 364.856.012.509 | 305.832.909.509 | 17.273.201.255 | 6.597.567.191 | 284.217.201 | 1.167.281.290 | 696.011.188.955 |
| - Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay | | | | | | | 595.747.567.900 VND |
| - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | | | | | | | 146.032.511.400 VND |



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

| | Nguyên giá VND | Hao mòn lũy kế VND | Giá trị còn lại VND |
|--------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 26.005.404.773 | 3.450.675.482 | 22.554.729.291 |
| Khấu hao trong năm | - | 2.030.903.425 | - |
| Số cuối năm | 26.005.404.773 | 5.481.578.907 | 20.523.825.866 |

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Chương trình phần mềm VND | Thương hiệu VND | Cộng VND |
|---|-----------------------------|---------------------------------|--------------------|-----------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 98.094.865.106 | 19.982.222.101 | 43.334.000.000 | 161.411.087.207 |
| Mua trong năm | - | 89.000.000 | - | 89.000.000 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (38.000.000) | - | (38.000.000) |
| Số cuối năm | 98.094.865.106 | 20.033.222.101 | 43.334.000.000 | 161.462.087.207 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 25.937.483.289 | 17.702.636.525 | 10.833.500.000 | 54.473.619.814 |
| Khấu hao trong năm | 2.309.284.257 | 1.043.986.207 | 4.333.400.000 | 7.686.670.464 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (38.000.000) | - | (38.000.000) |
| Số cuối năm | 28.246.767.546 | 18.708.622.732 | 15.166.900.000 | 62.122.290.278 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 72.157.381.817 | 2.279.585.576 | 32.500.500.000 | 106.937.467.393 |
| Số cuối năm | 69.848.097.560 | 1.324.599.369 | 28.167.100.000 | 99.339.796.929 |
| - Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay | | | 69.848.097.560 | VND |
| - Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | | | 15.148.984.288 | VND |

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

| | 31/12/2025 VND | 1/1/2025 VND |
|---|-------------------|-----------------|
| - Công trình mở rộng dây chuyền nhà máy Long An | 43.128.097.087 | 43.128.097.087 |
| - Công trình Nhà máy đường ăn kiêng Phú Yên | 20.781.671.635 | 20.781.671.635 |
| - Công trình khác | 3.246.920.000 | 1.204.920.000 |
| - Quyền nghỉ dưỡng | 20.230.718.184 | 20.230.718.184 |
| Cộng | 87.387.406.906 | 85.345.406.906 |

14. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|-----------------------------|-------------------|------------------|
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | 9.688.449.234 | 7.875.194.065 |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả | (117.243.207.826) | (54.420.092.082) |
| | (107.554.758.592) | (46.544.898.017) |

14. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI (tiếp theo)

Biến động gộp về thuế TNDN hoãn lại, không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm như sau:

Tài sản thuế TNDN hoãn lại

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 7.875.194.065 | 4.282.720.602 |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 1.813.255.169 | 3.592.473.463 |
| Số dư cuối năm | 9.688.449.234 | 7.875.194.065 |

Thuế TNDN hoãn lại phải trả

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 54.420.092.082 | 58.503.034.478 |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | (4.575.199.256) | (4.082.942.396) |
| Thoái vốn công ty con | 67.398.315.000 | - |
| Số dư cuối năm | 117.243.207.826 | 54.420.092.082 |

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh chủ yếu từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, lợi nhuận chưa thực hiện, và loại trừ dự phòng phát sinh khi hợp nhất.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

15 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

| | Nguyên giá VND | Hao mòn lũy kế VND | Giá trị còn lại VND |
|-------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 108.616.025.387 | 27.154.006.350 | 81.462.019.037 |
| Phân bổ trong năm | - | 10.861.602.539 | - |
| Số cuối năm | 108.616.025.387 | 38.015.608.889 | 70.600.416.498 |

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2025 | | 1/1/2025 | |
|--|------------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Phải trả bên liên quan | 1.223.158.168 | 1.223.158.168 | 3.449.908.643 | 3.449.908.643 |
| - Công ty Liên doanh Bio - Pharmachemie | 1.223.158.168 | 1.223.158.168 | 3.449.908.643 | 3.449.908.643 |
| Phải trả nhà cung cấp khác | 223.324.249.828 | 223.324.249.828 | 240.321.772.910 | 240.321.772.910 |
| - Nhà cung cấp khác | 223.324.249.828 | 223.324.249.828 | 240.321.772.910 | 240.321.772.910 |
| Cộng | 224.547.407.996 | 224.547.407.996 | 243.771.681.553 | 243.771.681.553 |

17 .NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Công ty TNHH Kim Hà Việt | 19.102.925.000 | 19.102.925.000 |
| - Các khách hàng khác | 8.578.835.092 | 10.715.313.685 |
| Cộng | 27.681.760.092 | 29.818.238.685 |

18 .THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Phải nộp VND | Phải thu VND | Phải nộp VND | Phải thu VND |
| . Thuế giá trị gia tăng | 5.153.328.997 | - | 8.455.199.953 | 7.939.593 |
| . Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | - | 569.326.090 |
| . Thuế thu nhập doanh nghiệp | 16.683.688.905 | 19.312.982.095 | 13.548.412.405 | 21.053.496.395 |
| . Thuế thu nhập cá nhân | 2.008.102.163 | 122.689.751 | 1.186.286.614 | 157.759.082 |
| . Tiền thuế đất | - | - | 998.583.600 | - |
| . Các loại thuế khác | 281.387.061 | 445.764.951 | 96.153.470 | 325.285.703 |
| Cộng | 24.126.507.126 | 19.881.436.797 | 24.284.636.042 | 22.113.806.863 |

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | Không chịu thuế |
|--|-----------------|
| - Thức ăn chăn nuôi | 0% |
| - Thành phẩm xuất khẩu | 0% |
| - Hàng nông sản, thuốc chữa bệnh, phòng bệnh thú y | 5% |
| - Hàng hoá khác bán trong nội địa (*) | 10% |

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

(*) Từ ngày 1/7/2025 đến 31/12/2025 áp dụng theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty con trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi và thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

* Công ty Cổ phần Anova Feed - Trụ sở chính được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi với thuế suất ưu đãi 17%. Công ty Cổ phần Anova Feed - Chi nhánh Đồng Nai và Công ty Cổ phần Anova Feed - Chi nhánh Hưng Yên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong bốn năm tiếp theo.

* Công ty Liên doanh TNHH Anova theo Giấy chứng nhận đầu tư số 9804265147 ngày 23/3/2020 do Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam - Singapore cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất các chất bổ sung cho thức ăn chăn nuôi và thủy sản với thuế suất 15% hàng năm, Công ty được miễn thuế trong hai năm kể từ khi kinh doanh có lãi.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Anova Feed | 17.565.084.929 | 18.270.664.076 |
| Công ty Cổ phần Anova Biotech | 4.155.264.268 | 4.349.438.782 |
| Công ty Cổ phần Anova Tech | 124.454.453 | 120.031.501 |
| Công ty Liên doanh TNHH Anova | 10.353.791.781 | 6.083.717.543 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET | 1.065.328.353 | 2.204.942.574 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm | - | 704.981.346 |
| Công ty Cổ phần Thành Nhơn | 2.476.311.631 | 2.552.776.595 |
| Các công ty khác | 16.789.711 | - |
| Cộng | 35.757.025.126 | 34.286.552.417 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế khi kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Chi phí khuyến mãi, chiết khấu thương mại | 51.057.927.237 | 48.256.072.150 |
| - Chi phí lãi vay phải trả | 1.989.352.037 | 2.932.089.145 |
| - Tiền thuê đất | 2.457.887.833 | 2.457.887.833 |
| - Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 29.406.155.277 | 16.318.049.742 |
| Cộng | 84.911.322.384 | 69.964.098.870 |

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| 20.1. Ngắn hạn | | |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 11.406.274.836 | 11.067.191.676 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 75.751.598.909 | 48.584.584.989 |
| * <i>Deutsch Investitions -Und Entwicklungsgesellschaft MBH</i> | 68.454.787.393 | 31.379.856.878 |
| <i>Chi phí lãi vay</i> | 59.599.211.331 | 29.970.727.917 |
| <i>Phải trả khác</i> | 8.855.576.062 | 1.409.128.961 |
| * <i>Các khoản phải trả khác</i> | 7.296.811.516 | 17.204.728.111 |
| Cộng | 87.157.873.745 | 59.651.776.665 |
| 20.2. Dài hạn | | |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 280.000.000 | 280.000.000 |
| Cộng | 280.000.000 | 280.000.000 |

21 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

21.1. Ngắn hạn

Là khoản dự phòng phải trả xây dựng cơ bản dở dang nhà máy đường ăn kiêng Phú Yên.

21.2. Dài hạn

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Trợ cấp thôi việc | 2.896.014.850 | 2.868.322.265 |
| - Hoàn nguyên môi trường | 3.455.083.430 | 3.140.983.430 |
| Cộng | 6.351.098.280 | 6.009.305.695 |

22 . QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Số đầu năm | 4.117.503.914 | 5.091.757.392 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 14.887.214.000 | 14.550.056.810 |
| Số chi quỹ trong năm | (15.335.969.290) | (15.427.887.336) |
| Giảm khác | - | (96.422.952) |
| Số cuối năm | 3.668.748.624 | 4.117.503.914 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

23.1. Vay ngắn hạn

| | 31/12/2025 | | 1/1/2025 | |
|---|-----------------|---------------------------|-----------------|---------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| a. Ngân hàng | | | | |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch | 924.588.825.137 | 924.588.825.137 | 888.312.031.785 | 888.312.031.785 |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh | 503.757.186.499 | 503.757.186.499 | 447.586.841.975 | 447.586.841.975 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Sài Gòn | 24.462.336.767 | 24.462.336.767 | 34.790.578.218 | 34.790.578.218 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh | 315.733.068.893 | 315.733.068.893 | 303.522.797.048 | 303.522.797.048 |
| - Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) | 76.010.960.996 | 76.010.960.996 | 86.330.382.123 | 86.330.382.123 |
| | 4.625.271.982 | 4.625.271.982 | 16.081.432.421 | 16.081.432.421 |
| b. Tổ chức | | | | |
| - Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova | 10.420.000.000 | 10.420.000.000 | 16.920.000.000 | 16.920.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution | 10.420.000.000 | 10.420.000.000 | 10.420.000.000 | 10.420.000.000 |
| | - | - | 6.500.000.000 | 6.500.000.000 |
| c. Vay và nợ dài hạn đến hạn phải trả | | | | |
| - Deutsch Investitions - Und Entwicklungsgesellschaft MBH | 262.080.196.696 | 262.080.196.696 | 282.462.509.196 | 282.462.509.196 |
| - Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam | 256.846.037.500 | 256.846.037.500 | 277.228.350.000 | 277.228.350.000 |
| - Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 4.413.479.196 | 4.413.479.196 | 4.413.479.196 | 4.413.479.196 |
| | 820.680.000 | 820.680.000 | 820.680.000 | 820.680.000 |

| | | | | |
|-------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Cộng | 1.197.089.021.833 | 1.197.089.021.833 | 1.187.694.540.981 | 1.187.694.540.981 |
|-------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

| | 31/12/2025 | | 1/1/2025 | |
|---|--------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| 23.2. Vay dài hạn | | | | |
| a. Tổ chức | | | | |
| - Deutsch Investitions - Und Entwicklungsgesellschaft MBH | | | | |
| b. Nợ thuế tài chính | | | | |
| - Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam | 709.699.895 | 709.699.895 | 55.892.812.500 | 55.892.812.500 |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công | 367.789.895 | 367.789.895 | 55.892.812.500 | 55.892.812.500 |
| thương Việt Nam | 341.910.000 | 341.910.000 | 5.943.859.091 | 5.943.859.091 |
| | | | 4.781.269.091 | 4.781.269.091 |
| | | | 1.162.590.000 | 1.162.590.000 |
| Cộng | 709.699.895 | 709.699.895 | 61.836.671.591 | 61.836.671.591 |

Ký hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn

| | Tổng nợ VND | Từ 01 năm trở xuống VND | Trên 01 năm đến 05 năm VND | Trên 05 năm VND |
|---------------------|------------------------|-------------------------------|----------------------------------|--------------------|
| | | | | |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay dài hạn tổ chức | 333.121.162.500 | 277.228.350.000 | 55.892.812.500 | - |
| Nợ thuế tài chính | 11.178.018.287 | 5.234.159.196 | 5.943.859.091 | - |
| Cộng | 344.299.180.787 | 282.462.509.196 | 61.836.671.591 | - |
| Số cuối năm | | | | |
| Vay dài hạn tổ chức | 256.846.037.500 | 256.846.037.500 | - | - |
| Nợ thuế tài chính | 5.943.859.091 | 5.234.159.196 | 709.699.895 | - |
| Cộng | 262.789.896.591 | 262.080.196.696 | 709.699.895 | - |



23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch bao gồm:

- * Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 500.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho; quyền thu nợ phải thu của Công ty Cổ phần Anova Feed cùng với vật nuôi, máy móc thiết bị, bất động sản có tổng giá trị không thấp hơn số dư vay nợ.
- * Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Biotech với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng từ ngày giải ngân và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 20.000.000.000 VND, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho, quyền thu nợ phải thu tương ứng hình thành từ vốn vay.
- * Khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 20.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 20.000.000.000 VND, đồng thời được đảm bảo bằng hàng tồn kho, khoản phải thu tối thiểu bằng dư nợ.
- * Khoản vay của Công ty Cổ phần Thành Nhơn với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 70.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với giá trị 70.000.000.000 VND.

(ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 40.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng bất động sản tại Nhà máy Xuxifarm tại tỉnh Tây Ninh, hợp đồng tiền gửi trị giá 5.116.588.043 VND và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa Ốc No Va phát hành, thuộc sở hữu của bên thứ ba.

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn bao gồm:

- * Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 400.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 400.000.000.000 VND, Quyền sử dụng đất, hàng hóa, và tài sản cố định của nhà máy ở Trụ sở chính; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET - một công ty thành viên thuộc Tập đoàn và Quyền thu nợ phải thu của Công ty Cổ phần Anova Feed với giá trị cao nhất 150.000.000.000 VND.
- * Khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 20.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay/bảo lãnh/phát hành thư tín dụng là 12 tháng với lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, các khoản phải thu và hàng tồn kho.

(iv) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh bao gồm:

- * Khoản vay của Công ty Liên doanh TNHH Anova với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 30.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị và bất động sản tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh.
- * Khoản vay của Công ty Cổ phần Thành Nhơn với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 70.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 70.000.000.000 VND.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- (v) Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) bao gồm:
- * Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Biotech với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 640.000 USD với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 640.000 USD (giá trị bảo đảm sẽ được quy đổi thành VND tại thời điểm phát sinh sự kiện).
 - * Khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Farm với mục đích bổ sung vốn lưu động có hạn mức 28.000.000.000 VND với lãi suất thay đổi theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay có thời hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn 2.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần Anova Farm tương ứng với 30% dư nợ và Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền là 28.000.000.000 VND. Khoản vay này đã được tất toán trong năm.
- (vi) Khoản vay tín chấp của Công ty TNHH Asian Pacific tại Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova, thời hạn vay là 2 năm và được gia hạn với lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,7%/năm.
- (vii) Vay Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH, một tổ chức tín dụng thành lập ở Đức, bao gồm:
- * Khoản vay bằng USD của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer với số tiền 17.500.000 USD theo hợp đồng ký ngày 07 tháng 10 năm 2021 để phục vụ cho hoạt động đầu tư mở rộng kinh doanh trung và dài hạn. Khoản vay đáo hạn trong năm 2026 với lãi suất 5,75%/năm cộng với lãi suất LIBOR 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Công ty Cổ phần Anova Farm, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sỏi Gòn VET, Công ty Cổ phần NovaGroup và 35% giá trị cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer đang được nắm giữ bởi các cổ đông lớn (được đảm bảo đồng thời cho khoản vay của Công ty Cổ phần Anova Feed tại Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH). Khoản vay đã quá hạn chưa được thanh toán với số tiền 7.550.000 USD tương đương 199.146.350.000 VND.
 - * Khoản vay bằng USD của Công ty Cổ phần Anova Feed với số tiền 10.000.000 USD theo hợp đồng ký ngày 10 tháng 12 năm 2020 để tài trợ cho dự án xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi. Khoản vay có thời hạn 5 năm với lãi suất từ 4,89%/năm và được đảm bảo bằng 99,99% trị giá cổ phần của Công ty Cổ phần Anova Feed và 30% trị giá cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer, máy móc thiết bị và bất động sản của Công ty Cổ phần Anova Feed tại Đồng Nai. Khoản vay này đã được tất toán trong năm.
- (viii) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê 48 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê được quy định theo từng hợp đồng.
- (ix) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm tại Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê 36 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết thời hạn thuê được quy định theo từng hợp đồng.

172
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
NOVA
CONSUMER

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Tổng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND | Cộng VND |
|-----------------------------|----------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---|---|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 1.197.843.250.000 | 426.598.785.061 | (3.772.154.614) | 70.988.004.240 | 224.549.770.748 | 20.517.703.946 | 1.936.725.359.381 |
| . Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 82.868.878.458 | 16.318.124.165 | 99.187.002.623 |
| . Trích lập các quỹ | - | - | - | 1.000.689.470 | (13.629.222.691) | (1.921.523.590) | (14.550.056.811) |
| . Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | - | - | (12.526.466.026) | (12.526.466.026) |
| . Điều chỉnh khác | - | - | - | - | (4.232.625.979) | - | (4.232.625.979) |
| Số dư cuối năm trước | 1.197.843.250.000 | 426.598.785.061 | (3.772.154.614) | 71.988.693.710 | 289.556.800.536 | 22.387.838.495 | 2.004.603.213.188 |
| Số dư đầu năm nay | 1.197.843.250.000 | 426.598.785.061 | (3.772.154.614) | 71.988.693.710 | 289.556.800.536 | 22.387.838.495 | 2.004.603.213.188 |
| . Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 193.000.491.882 | 23.428.997.762 | 216.429.489.644 |
| . Trích lập các quỹ | - | - | - | 513.591.630 | (13.486.433.014) | (1.914.372.616) | (14.887.214.000) |
| . Giảm do thoái vốn | - | - | - | - | (67.398.315.000) | (76.293.089) | (67.474.608.089) |
| . công ty con | - | - | - | - | - | - | - |
| . Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | - | - | (10.687.111.378) | (10.687.111.378) |
| . Điều chỉnh khác | - | - | - | - | 129.227.386 | 271.908.957 | 401.136.343 |
| Số dư cuối năm nay | 1.197.843.250.000 | 426.598.785.061 | (3.772.154.614) | 72.502.285.340 | 401.801.771.790 | 33.410.968.131 | 2.128.384.905.708 |



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Tỷ lệ | 31/12/2025 VND | 1/1/2025 VND |
|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| - Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang | 65,61% | 785.873.850.000 | 785.873.850.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A | 13,72% | 164.389.210.000 | 164.389.210.000 |
| - Cổ đông khác | 20,67% | 247.580.190.000 | 247.580.190.000 |
| Cộng | 100% | 1.197.843.250.000 | 1.197.843.250.000 |

Các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 số 07/2025/NQ/ĐHCD-NCG ngày 25/6/2025 thông qua việc không thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty đã được phê duyệt năm 2024 và thông qua kế hoạch Phát hành cổ phiếu cho người lao động ("ESOP") năm 2025 của Công ty với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá tối đa 5% tổng giá trị cổ phần đang lưu hành của Công ty tại thời điểm phát hành, thời gian thực hiện chậm nhất đến Quý II năm 2026.

c. Cổ phiếu

| | 31/12/2025 | 1/1/2025 |
|---------------------------------------|----------------------|-------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 119.784.325 | 119.784.325 |
| - Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 119.784.325 | 119.784.325 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 119.784.325 | 119.784.325 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 119.784.325 | 119.784.325 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 119.784.325 | 119.784.325 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| - Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành | 10.000 đồng/cổ phiếu | - |

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ng ngoại tệ các loại

| | | 31/12/2025 | | 1/1/2025 |
|-------------------|----|------------|----|------------|
| + Dollar Mỹ (USD) | \$ | 839.532,49 | \$ | 138.267,42 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| 1.1. Tổng doanh thu | | |
| - Doanh thu bán hàng hoá | 827.754.631.510 | 846.406.441.020 |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 4.048.405.812.203 | 3.712.842.640.319 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 6.543.196.675 | 4.633.217.419 |
| - Doanh thu khác | - | 80.182.668 |
| Cộng | 4.882.703.640.388 | 4.563.962.481.426 |

1.2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh liên kết được trình bày ở thuyết minh V.2. Tập đoàn không có phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| - Chiết khấu thương mại | 348.327.869.882 | 311.095.586.592 |
| - Hàng bán bị trả lại | 9.482.261.981 | 3.970.887.365 |
| - Giảm giá hàng bán | 18.999.780 | 17.395.269 |
| Cộng | 357.829.131.643 | 315.083.869.226 |

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| - Giá vốn hàng hóa đã bán | 715.912.441.146 | 762.550.528.998 |
| - Giá vốn thành phẩm đã bán | 3.051.287.750.485 | 2.916.356.328.702 |
| - Giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 4.413.064.361 | 3.034.258.055 |
| - Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho | (1.197.046.874) | (2.868.563.935) |
| Cộng | 3.770.416.209.118 | 3.679.072.551.820 |

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 41.328.753.606 | 37.605.962.213 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá | 8.928.879.583 | 3.191.230.812 |
| - Chiết khấu thanh toán | 930.628.624 | 556.097.559 |
| - Lãi từ chuyển nhượng vốn | 9.080.864.273 | - |
| - Cổ tức lợi nhuận được chia | - | 77.977.240 |
| - Doanh thu tài chính khác | 1.258.047 | - |
| Cộng | 60.270.384.133 | 41.431.267.824 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| - Chi phí lãi vay | 71.656.095.055 | 86.004.779.141 |
| - Chiết khấu thanh toán cho người mua | 3.101.646.249 | 3.202.487.618 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 8.899.379.324 | 7.064.983.107 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 9.312.593.856 | 14.957.469.388 |
| - Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư | 2.658.295.841 | (5.335.744.712) |
| - Chi phí tài chính khác | 7.525.463.577 | 4.209.635.446 |
| Cộng | 103.153.473.902 | 110.103.609.988 |

6 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| - Chi phí nhân viên | 105.927.797.674 | 96.861.142.548 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.942.780.541 | 1.904.696.026 |
| - Chi phí tiếp thị, khuyến mại và quảng cáo | 84.279.623.705 | 54.363.388.882 |
| - Chi phí vận chuyển | 24.682.905.498 | 19.711.666.318 |
| - Chi phí thuê | 16.918.226.243 | 11.015.449.769 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 14.118.324.162 | 20.595.228.126 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 45.834.204.022 | 42.091.404.653 |
| Cộng | 293.703.861.845 | 246.542.976.322 |

7 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| - Chi phí nhân viên | 103.662.317.661 | 91.142.472.202 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 20.520.922.040 | 20.900.906.613 |
| - Phân bổ lợi thế thương mại | 10.861.602.539 | 10.861.602.540 |
| - Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi | 20.833.172.851 | (36.212.306.330) |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.461.326.607 | 7.957.710.314 |
| - Chi phí khác | 32.786.678.581 | 45.440.199.437 |
| Cộng | 195.126.020.279 | 140.090.584.776 |

8 . THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|----------------------|--------------------|
| - Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 880.934.304 | - |
| - Các khoản thu nhập khác | 2.296.949.782 | 829.125.122 |
| Cộng | 3.177.884.086 | 829.125.122 |

9 . CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|--------------------|----------------------|
| - Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 284.267.597 |
| - Các khoản chi phí khác | 711.132.189 | 3.909.744.079 |
| Cộng | 711.132.189 | 4.194.011.676 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

10 . LÃI TRÊN CỔ PHIẾU/SUY GIẢM

10.1 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 193.000.491.882 | 82.868.878.458 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 193.000.491.882 | 82.868.878.458 |
| - Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 119.784.325 | 119.784.325 |
| - Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.611</u> | <u>692</u> |

10.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất.

11 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.931.493.309.554 | 3.221.354.396.566 |
| - Chi phí nhân công | 548.768.922.150 | 380.951.499.628 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại | 95.083.734.262 | 98.429.444.531 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 455.610.690.536 | 347.260.311.787 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 291.661.365.006 | 186.778.691.362 |
| Cộng | <u>4.322.618.021.508</u> | <u>4.234.774.343.874</u> |

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- 1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
 Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.
- 2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng
 Không phát sinh
- 3 . Số tiền đi vay thực thu trong năm

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường | 2.869.294.652.706 | 3.874.019.310.997 |
| Cộng | <u>2.869.294.652.706</u> | <u>3.874.019.310.997</u> |

- 4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường | 2.917.806.387.803 | 4.017.976.583.233 |
| Cộng | <u>2.917.806.387.803</u> | <u>4.017.976.583.233</u> |

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các bên có liên quan khác với Tập đoàn bao gồm:

Bên liên quan khác

- Công ty Cổ phần Thương mại Bảo Khang
- Công ty Cổ phần Đầu tư A.N.O.V.A
- Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa
- Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co
- Công ty Liên doanh Bìo - Pharmachemie

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
- Cổ đông
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết

1.a Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Các cổ đông lớn dùng 35% cổ phần thuộc sở hữu của mình tại Công ty mẹ để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Deutsche Investitions-Und Entwicklungsgesellschaft MBH (Thuyết minh số V.23)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Không phát sinh công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Thù lao của Hội đồng quản trị | 3.052.021.293 | 3.339.031.778 |
| - Thù lao của Ban quản lý | 4.547.886.292 | 2.417.668.730 |
| Ông Trần Mạnh Hào | 820.134.917 | - |
| Ông Nguyễn Quang Phi Tín | 1.320.845.939 | 2.417.668.730 |
| Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc | 2.406.905.436 | - |
| - Thù lao của các thành viên quản trị chủ chốt khác | 547.024.775 | 459.440.194 |
| Cộng | 8.146.932.360 | 6.216.140.702 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1.b Giao dịch và số dư với các các bên liên quan khác

Giao dịch với bên có liên quan

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tập đoàn không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết. Trong năm, không phát sinh giao dịch khác giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết.

Giá hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thoả thuận. Việc mua hàng hoá, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thoả thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý: Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu ở trong nước và theo đó, Tập đoàn không trình bày thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sức khỏe vật nuôi: Sản xuất, mua bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.
- Lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và trang trại: Sản xuất, thương mại thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và chăn nuôi trang trại.
- Lĩnh vực thực phẩm: Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.

MINH

55011
CÔNG
TN
DỊCH VỤ
KINH
VÀ KIỂM
PHIA

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Sức khỏe vật nuôi | Thức ăn chăn nuôi, trang trại | Thực phẩm | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|--------------------------|----------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Năm nay | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| - Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 999.609.181.378 | 3.150.815.925.408 | 373.604.994.713 | 844.407.246 | - | 4.524.874.508.745 |
| - Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 178.527.407.008 | 292.434.270 | 890.574.428 | 23.057.284.366 | (202.767.700.072) | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 1.178.136.588.386 | 3.151.108.359.678 | 374.495.569.141 | 23.901.691.612 | (202.767.700.072) | 4.524.874.508.745 |
| - Giá vốn | 940.187.529.815 | 2.764.662.465.049 | 243.692.588.651 | 6.665.502.356 | (184.791.876.753) | 3.770.416.209.118 |
| Lợi nhuận gộp | 237.949.058.571 | 386.445.894.629 | 130.802.980.490 | 17.236.189.256 | (17.975.823.319) | 754.458.299.627 |
| - Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | | (488.829.882.124) |
| - Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | 60.270.384.133 |
| - Chi phí tài chính | | | | | | (103.153.473.902) |
| - Lãi/lỗ công ty liên doanh liên kết | 20.585.980.714 | | | | | 20.585.980.714 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | | 243.331.308.448 |
| - Thu nhập khác | | | | | | 3.177.884.086 |
| - Chi phí khác | | | | | | (711.132.189) |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | | | 245.798.060.345 |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành | | | | | | (35.757.025.126) |
| - Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | | | | | 6.388.454.425 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | | | | | | 216.429.489.644 |



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ-Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| | Sức khỏe vật nuôi VND | Thức ăn chăn nuôi, trang trại VND | Thực phẩm VND | Các lĩnh vực khác VND | Các khoản loại trừ VND | Cộng VND |
|---|-----------------------------|---|------------------------|-----------------------------|------------------------------|--------------------------|
| Năm trước | | | | | | |
| - Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 859.973.788,399 | 3.006.623.059,628 | 381.511.704,173 | 770.060.000 | | 4.248.878,612,200 |
| - Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 158.878,656,472 | 360.240.875,929 | 4.705,622,005 | 20.859,400,000 | (544,684,554,406) | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 1.018,852,444,871 | 3,366,863,935,557 | 386,217,326,178 | 21,629,460,000 | (544,684,554,406) | 4,248,878,612,200 |
| - Giá vốn | 819,601,711,827 | 3,077,164,796,966 | 273,077,462,207 | 5,822,436,625 | (496,593,855,805) | 3,679,072,551,820 |
| Lợi nhuận gộp | 199,250,733,044 | 289,699,138,591 | 113,139,863,971 | 15,807,023,375 | (48,090,698,601) | 569,806,060,380 |
| - Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | | (386,633,561,098) |
| - Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | 41,431,267,824 |
| Chi phí tài chính | | | | | | (110,103,609,988) |
| - Lãi/lỗ công ty liên doanh liên kết | 14,662,868,617 | | | | | 14,662,868,617 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 14,662,868,617 | | | | | 129,163,025,735 |
| - Thu nhập khác | | | | | | 829,125,122 |
| - Chi phí khác | | | | | | (4,194,011,676) |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | | | 125,798,139,181 |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành | | | | | | (34,286,552,417) |
| - Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | | | | | 7,675,415,859 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | | | | | | 99,187,002,623 |



144

ING
N T
CON

07 H

51

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tài sản, nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn

| | Sức khỏe vật nuôi | chăn nuôi, trang trại | Thực phẩm | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|----------------------|-----------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số cuối kỳ | | | | | | |
| - Tài sản trực tiếp của bộ phận | 851.894.463.086 | 2.052.891.539.777 | 1.091.693.304.290 | - | (2.235.819.787.889) | 1.760.659.519.264 |
| - Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| - Tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Tổng tài sản | - | - | - | - | - | 2.168.378.242.176 |
| | | | | | | <u>3.929.037.761.440</u> |
| - Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 278.805.235.242 | 943.175.698.263 | 181.710.490.199 | - | 64.116.795.753 | 1.467.808.219.457 |
| - Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| - Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Tổng nợ phải trả | - | - | - | - | - | 332.844.636.275 |
| | | | | | | <u>1.800.652.855.732</u> |
| Số đầu năm | | | | | | |
| - Tài sản trực tiếp của bộ phận | 767.314.009.527 | 2.091.299.649.191 | 1.159.432.188.906 | - | (2.203.309.289.625) | 1.814.736.557.999 |
| - Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| - Tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Tổng tài sản | - | - | - | - | - | 1.960.767.148.345 |
| | | | | | | <u>3.775.503.706.344</u> |
| - Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 230.015.284.213 | 958.674.491.518 | 283.416.492.692 | - | (30.461.601.353) | 1.441.644.667.070 |
| - Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| - Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Tổng nợ phải trả | - | - | - | - | - | 329.255.826.086 |
| | | | | | | <u>1.770.900.493.156</u> |



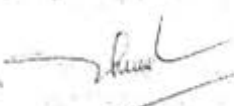
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3 . Công cụ tài chính


Theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Tập đoàn.

4 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C.


Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm người lập




Nguyễn Hòa Liêm
Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

NOVA
CONSUMER
HÀNG
THÀNH
CÔNG

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

20/04/2026



Nguyễn Kiều Liêm

